



BOSCH

CATALOGUE DỤNG CỤ ĐIỆN CẦM TAY VÀ PHỤ KIỆN

Ấn phẩm năm 2023



MỤC LỤC

1	Máy dùng pin & sạc	08
2	Máy dùng điện & phụ kiện đi kèm	18
3	Máy đo laser & kỹ thuật số	30
4	Phụ kiện chuyên nghiệp	39
5	Ngành hàng nhà cửa và dụng cụ sân vườn	62
6	Dịch vụ bảo hành Bosch	69

BIỂU TƯỢNG VÀ Ý NGHĨA



Máy chuyên dụng



Bảo vệ động cơ không quá tải



Bảo vệ pin không bị quá nhiệt



Bụi được hút vào túi bụi tích hợp



Cách điện 2 lớp



Chống đá ngược



Chức năng thổi khí tích hợp



Cơ chế bảo vệ an toàn cho pin



Có chức năng đục



Có đèn LED



Cổ định giấy nhám nhờ hệ thống móc



Có khả năng đào chiếu



Có móc treo



Dải nhựa bao phủ thân máy



Đầu cấp SDS Plus truyền lực tối đa



Đầu khoan kẹp phụ



Đèn hiển thị mức pin



Động cơ điện 4 cực



Động cơ không chổi than



Dụng cụ tự tắt khi bị quá tải



Giảm lực xoắn máy lúc khởi động



Chức năng giảm rung



Hệ thống khử bụi nhanh



Hệ thống laser giúp việc định vị



Hộp số 2 cấp độ



Khóa trục



Không cần thêm dụng cụ để sử dụng



Làm mát trực tiếp



Lựa chọn được các mức tốc độ



Chức năng đá lưỡi



Trang bị thước đo theo máy



Mâm cặp không chia khóa



Ngăn máy tự khởi động



Công tắc kiểu thao tác an toàn



Chức năng ly hợp tự trượt



Chức năng phanh thông minh



Tấm bảo vệ lưỡi mài



Thang chỉnh độ sâu cắt



Tốc độ ổn định, không thay đổi



Dùng mũi chuỗi gài SDS-Max



Tương thích với cả 12V và 10.8V



Tùy chỉnh được tốc độ



Có giao diện sử dụng



Công nghệ Biturbo



Hỗ trợ khoan vắn góc nghiêng



Kết nối với điện thoại



Dòng máy ngành gỗ



Máy gia công kim loại



Dòng máy ngành xây dựng



BOSCH

THAM GIA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DÙNG DỤNG CỤ ĐIỆN BOSCH TRÊN FACEBOOK

Nơi giao lưu – trao đổi của cộng đồng BoschFans trên toàn quốc với nhiều hoạt động giải trí hấp dẫn, cùng hàng loạt quà tặng độc quyền mỗi tháng!

<https://bit.ly/Bosch-PT-Group>



Quét mã QR code để truy cập cộng đồng



BOSCH

BECONNECTED

Ứng Dụng Đa Chức Năng Cho Người Dùng Chuyên Nghiệp Bosch

 **BeConnected**



BECONNECTED
ỨNG DỤNG ĐA CHỨC NĂNG
CHO NGƯỜI DÙNG
CHUYÊN NGHIỆP BOSCH

Dụng cụ điện cầm tay và phụ kiện chuyên nghiệp Bosch

Dụng cụ điện cầm tay chuyên nghiệp luôn gắn liền với mọi công việc của bạn. Do đó, chúng tôi đã bao gồm những nhân tố cốt lõi để công việc nhọc nhằn của bạn trở nên dễ dàng hơn. Giờ đây, chúng tôi cũng sẽ làm cuộc sống bạn đơn giản hơn. Giới thiệu ứng dụng BeConnected - ứng dụng chứa mọi thông tin quan trọng bạn cần về dụng cụ điện của bạn trong lòng bàn tay. Bạn có thể làm việc thông minh hơn, nhanh hơn và an toàn hơn. Với BeConnected, bạn chỉ cần một cú chạm để tìm thấy mọi thông tin bạn cần và nhận được sự hỗ trợ từ chúng tôi.



TẢI ỨNG DỤNG Để nhận được nhiều ưu đãi hấp dẫn từ Bosch



BeConnected



* Quét mã QR hoặc tìm từ khóa “BeConnected” trên Google Play / Apple App Store để cài đặt ứng dụng và đăng ký sử dụng.



BOSCH



KỶ NGUYÊN CỦA HIỆU NĂNG VƯỢT TRỘI.

BITURBO
BRUSHLESS

CÔNG NGHỆ BITURBO TẠO NÊN TIÊU CHUẨN MỚI VỀ HIỆU NĂNG GIÚP CÔNG CỤ GỌN NHẹ NHƯNG MẠNH MẼ BẤT NGỜ

Sức mạnh tối đa | Động cơ mạnh mẽ kết hợp với pin ProCORE 18V, tạo nên hiệu suất mạnh mẽ nhất, tương đương động cơ 1,800W trên máy dùng điện.

Thao tác dễ dàng | Máy pin với công nghệ BITURBO gọn nhẹ, thao tác cực dễ dàng. Chỉ với một pin ProCORE 18V, máy hoạt động mạnh mẽ ngang máy đối thủ khi sử dụng hai pin.

Làm chủ hoàn toàn | Máy được trang bị những công nghệ tiên tiến nhất, giúp bạn làm việc an toàn hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn.

Hoàn toàn tương thích | Tương thích với tất cả loại pin và sạc 18V mới ra mắt hoặc đã có. Để đạt được hiệu suất tối đa, hãy sử dụng pin ProCORE 18V 8.0Ah hoặc 12.0 Ah.

Motor mới với hiệu suất cao



Dòng pin mạnh mẽ nhất đến từ BOSCH

Công nghệ BITURBO không chổi than:
hiệu suất lên đến ngang động cơ 1,800W máy dùng điện

VÌ BẠN KHÔNG THỂ LƯỜNG TRƯỚC MỌI TAI NẠN

Khi làm việc trong môi trường lao động nặng, bạn sẽ luôn đối mặt với những tác nhân có hại như bụi bẩn hoặc sự cố kỹ thuật, Bosch hiểu điều đó, những dòng sản phẩm của Bosch luôn được tích hợp những công nghệ bảo vệ người dùng tiên tiến nhất. Với dụng cụ điện Bosch, bạn có thể làm việc với toàn bộ khả năng ngay cả khi ở trong những môi trường khắc nghiệt nhất.



PHÒNG NGỪA TỰ KHỞI ĐỘNG

Máy chỉ khởi động khi bạn muốn

Không tự khởi động, **Cơ chế ngăn dụng cụ tự vận hành** của Bosch đảm bảo trong những trường hợp máy bị ngắt điện đột ngột, sẽ không tự chạy khi nguồn điện quay trở lại.

Công nghệ này có thể tìm thấy được ở nhiều dụng cụ điện của Bosch.



KIỂM SOÁT GIẬT NGƯỢC

Giảm thiểu chấn thương

Một số công cụ điện, với lực xoắn quá mạnh, đôi lúc sẽ mất kiểm soát, bật ngược, ảnh hưởng đến cổ tay và có thể gây ra tai nạn cho người dùng.

Khi phát hiện thay đổi tốc độ quay hoặc cường độ điện bất chợt, **hệ thống cảm biến thông minh** sẽ phát hiện và tự động ngắt máy, ngăn giật ngược gây tổn hại cho người dùng.



KIỂM SOÁT RƠI

Ngăn ngừa rủi ro

Mọi người nếu có thể đánh rơi dụng cụ làm việc của mình và điều đó thật nguy hiểm nếu máy đang vận hành.

Cơ chế kiểm soát rơi sẽ nhận biết được khi dụng cụ va chạm mạnh với mặt đất và truyền tín hiệu dừng mô tơ ngay lập tức, đồng thời bật đèn đỏ báo hiệu cho người dùng.





KIỂM SOÁT TRỤC XOAY

Bảo vệ đôi tay của bạn

Một số trường hợp, khi mũi khoan bị kẹt và dụng cụ vẫn tiếp tục chạy, sẽ gây ra những tai nạn không đáng có cho người dùng.

Cơ chế kiểm soát trục xoay sẽ can thiệp khi phát hiện sự cố, tắt thiết bị và giúp người dùng kiểm soát thiết bị.



PHANH THÔNG MINH

Khi ngưng thực sự là ngưng

Khi ngưng kích hoạt hay có sự cố điện, những miếng nam châm ở trong hộp số có trang bị **Phanh thông minh** sẽ tạo ra một lực hãm từ trường.

Việc này giúp máy dừng hoạt động nhanh hơn đến 70% những máy không được trang bị **Phanh thông minh**, việc hệ thống không tạo ra ma sát sẽ làm tăng tuổi thọ chổi than cũng như máy.



CÔNG NGHỆ KHỬ BỤI

Bảo vệ sức khỏe người dùng

Làm việc trong một môi trường đầy bụi bẩn và mặt cửa có thể ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của bạn.

Làm sạch môi trường làm việc của bạn với công nghệ **Click & Clean**, một số công cụ của Bosch có thể kết hợp với hệ thống hút bụi bảo vệ bạn khỏi các tác nhân gây hại.



MÁY PIN 3.6V LI-ION

BOSCH GO GEN II (2 MŨI VÍT)

Máy vặn vít dùng pin



Điện áp pin	: 3,6 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 2,5 / 5 Nm
Tốc độ	: 360 v/p
Số cấp lực xoắn	: 5 + Chế độ Hiệu suất tối đa
Số cách kích hoạt	: 2 (Đẩy trực máy hoặc ấn nút)
Khả năng đầu cặp	: Lục giác 6.35 mm
Khả năng vặn vít tối đa	: M5
Cổng sạc	: Micro USB
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0,31 kg
Phụ kiện kèm theo	: Cáp sạc, hộp nhựa, 2 mũi vít

Giá tham khảo
Mã hàng

1,098,000 VND
06019H21L1

BOSCH GO GEN II (32 MŨI VÍT)

Máy vặn vít dùng pin



Điện áp pin	: 3,6 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 2,5 / 5 Nm
Tốc độ	: 360 v/p
Số cấp lực xoắn	: 5 + Chế độ Hiệu suất tối đa
Số cách kích hoạt	: 2 (Đẩy trực máy hoặc ấn nút)
Khả năng đầu cặp	: Lục giác 6.35 mm
Khả năng vặn vít tối đa	: M5
Cổng sạc	: Micro USB
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0,31 kg
Phụ kiện kèm theo	: Cáp sạc, hộp nhựa, 32 mũi vít

Giá tham khảo
Mã hàng

1,168,000 VND
06019H2181

MÁY PIN 12V LI-ION

GSR 120-LI GEN II

Máy khoan vặn vít dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1,5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20 + 1
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 20 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,618,000 VND
06019G80K0

GSR 120-LI GEN II (SET 1 PIN)

Máy khoan vặn vít dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1,5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20 + 1
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 20 / 10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 Pin 2.0Ah, 1 Sạc 2 chấu, bộ mũi khoan, bộ vít, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,118,000 VND
06019G80K5

GSR 12V-30

Máy khoan vặn vít dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 18 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-420 / 0-1,600 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 0,8 / 10 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 8 mm
Khả năng khoan tối đa (Sắt / Gỗ)	: 10 / 20 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,72 kg

Phụ kiện kèm theo
2 Pin 2,0Ah,
1 Sạc GAL 12V-40,
valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

4,478,000 VND
06019G90K0

GSB 120-LI GEN II

Máy khoan động lực dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Tần suất va đập tối đa	: 22,500 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1,5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20+2
Khả năng vặn vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Khối xây nề)	: 20 / 10 / 8 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,788,000 VND
06019G81K0

GSB 120-LI GEN II (SET 1 PIN)

Máy khoan động lực dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 14 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-400 / 0-1,500 v/p
Tần suất va đập tối đa	: 22,500 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1,5 / 10 mm
Số cấp mô-men xoắn	: 20+2
Khả năng vặn vít tối đa	: 7 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Khối xây nề)	: 20 / 10 / 8 mm
Trọng lượng (không pin)	: 0,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 Pin 2.0Ah, 1 Sạc 2 chấu, bộ mũi khoan, bộ vít, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,198,000 VND
06019G81K5

GSB 12V-30

Máy khoan động lực dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 18 / 30 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-420 / 0-1,600 v/p
Tốc độ đập tối đa	: 24,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 0,8 / 10 mm
Khả năng vặn vít tối đa	: 8 mm
Khả năng khoan tối đa (Tường / Sắt / Gỗ)	: 8 / 10 / 20 mm
Trọng lượng (không pin)	: 0,82 kg

Phụ kiện kèm theo
2 Pin 2,0Ah,
1 Sạc GAL 12V-40,
valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

4,548,000 VND
06019G91K0

GDR 120-LI (SOLO)

Máy bắt ốc dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô men xoắn tối đa	: 100 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1/ Số thứ 2)	: 0-1,300 / 2,600 v/p
Tốc độ nhíp đập (Số thứ 1/ Số thứ 2)	: 0-1,900 / 0-3,200 l/p
Khả năng của đầu cặp	: lục giác trong ¼"
Khả năng vặn ốc vít tối đa	: M4-M12
Trọng lượng (không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

1,608,000 VND
06019F0000

GDR 120-LI

Máy bắt ốc dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô men xoắn tối đa	: 100 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1/ Số thứ 2)	: 0-1,300 / 2,600 v/p
Tốc độ nhíp đập (Số thứ 1/ Số thứ 2)	: 0-1,900 / 0-3,200 l/p
Khả năng của đầu cặp	: lục giác trong ¼"
Khả năng vặn ốc vít tối đa	: M4-M12
Trọng lượng (không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc GAL12V-20, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

3,158,000 VND
06019F00K6



MÁY PIN 12V LI-ION

GDR 12V-110 (SOLO)

Máy bắt ốc dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Mô-men xoắn tối đa	: 110 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-1,200 / 0-2600 v/p
Nhịp đập (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-2,700 / 0-3,100 n/p
Khả năng đầu ốc / vít tối đa	: Lục giác trong ¼"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 139 / 177 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,418,000 VNĐ
06019E0002

GRO 12V-35 (SOLO)

Máy cắt xoay đa năng dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ định mức	: 5,000-35,000 v/p
Đường kính đầu cắt	: 3,2 mm
Đường kính ngoài tối đa (Đĩa cắt/ Phụ kiện: mài/ Bàn chải sắt/ Đĩa mài/ Mũi khoan)	: 38 / 22,5 / 20 / 20 / 3,2 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 55 / 255 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0,65-0,85 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

1,918,000 VNĐ
06019C50K1

GKF 12V-8 (SOLO)

Máy phay dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ không tải	: 13,000 v/p
Đầu cắt	: 6 mm - 8 mm - ¼"
Đường kính đĩa phay tối đa	: 36 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 252 / 144 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,478,000 VNĐ
06016B00L0

GSC 12V-13 (SOLO)

Máy cắt tôn dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ không tải	: 3600 n/p
Bán kính góc lượn tối thiểu	: 15 mm
Khả năng cắt nhôm tối đa (250 N/mm²)	: 2 mm
Khả năng cắt thép tối đa (400 / 800 / 600 N/mm2)	: 1,3 / 0,6 / 0,8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 256 / 131 mm
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

7,938,000 VNĐ
0601926105

GSA 12V-LI (SOLO)

Máy cửa kiếm dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ không tải	: 0-3000 n/p
Nhịp cắt	: 14,5 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Sắt nguyên chất / Ống nước)	: 65 / 8 / 50 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 286 / 132 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1,4-1,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, 1 lưỡi cưa

Giá tham khảo
Mã hàng

2,458,000 VNĐ
060164L9L2

GOP 12V-28 (SOLO)

Máy cắt đa năng dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ quay không tải	: 5,000-20,000 v/p
Góc dao động	: 1,4°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 83 / 287 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,81 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo
Mã hàng

3,968,000 VNĐ
06018B50L0

GKS 12V-LI (SOLO)

Cưa đĩa dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Tốc độ cắt không tải	: 1,400 v/p
Độ sâu cắt (Góc 0° / 45°)	: 26,5 / 17,0 mm
Kích thước mặt đế	: 167x88 mm
Kích thước lưỡi cưa tối đa (Đường kính / Độ dày)	: 85 / 0,7 mm
Đường kính trục lắp	: 15 mm
Độ dày răng (Tối thiểu / Tối đa)	: 1,0 / 1,1 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 279 / 156 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,3 - 1,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, 1 lưỡi cưa

Giá tham khảo
Mã hàng

3,488,000 VNĐ
06016A10L2

GST 12V-LI (SOLO)

Máy cửa lọng dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Số nhịp cắt khi không tải	: 1,500-2,800 n/p
Nhịp cắt	: 18 mm
Khả năng cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Sắt nguyên chất)	: 70 / 3 / 3 mm
Góc cắt nghiêng	: 45°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 239 / 171 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,5-1,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, 1 khớp nối, 1 bộ lưỡi

Giá tham khảo
Mã hàng

3,488,000 VNĐ
06015A10L1

PRO PRUNER

Máy tỉa cây



Điện áp pin	: 12 V
Công suất cắt tối đa trong gỗ (nhánh cây)	: 25 mm
Số lần cắt trên mỗi lần sạc	: 4,500 lần
Kích cỡ dụng cụ (rộng / dài / cao)	: 110 / 311 / 56 mm
Trọng lượng (không pin)	: 1 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 pin 2.0Ah, 1 sạc GAL 12V-20

Giá tham khảo
Mã hàng

5,468,000 VNĐ
06019K10K1

GLI 120-LI (SOLO)

Đèn pin



Điện áp pin	: 12 V
Thời gian phát sáng	: ~180 phút/Ah
Quang thông	: 300 lm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 320 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,15 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

708,000 VNĐ
06014A10L0

GAS 12 (SOLO)

Máy hút bụi dùng pin



Điện áp pin	: 12 V
Dung tích chứa	: 0,4 L
Lực hút	: 45 hPa
Lưu lượng khí	: 15 l/s
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 273 / 170 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 0,88-1,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mũi hút

Giá tham khảo
Mã hàng

1,478,000 VNĐ
06019E3081

GSR 180-LI (Kèm phụ kiện)

Máy khoan vặn vít dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 21 / 54 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-500 / 0-1,900 v/p
Khả năng của đầu cắt (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 10 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,6-2,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc, valy nhựa, bộ mũi khoan, bộ mũi vít

Giá tham khảo
Mã hàng

3,748,000 VNĐ
06019F81K1

MÁY PIN 18V

GSR 185-LI (SOLO)

Máy khoan vận vít dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1.900 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép)	: 35/10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,93 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, valy

GSR 185-LI (SET 1 PIN)

Máy khoan vận vít dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1.900 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép)	: 35/10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,93 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy

GSR 185-LI

Máy khoan vận vít dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1.900 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép)	: 35/10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,93 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy, bộ phụ kiện 23 món

Giá tham khảo
Mã hàng

2,158,000 VND
06019K3083

Giá tham khảo
Mã hàng

3,428,000 VND
06019K30K1

Giá tham khảo
Mã hàng

4,218,000 VND
06019K30K2

GSR 18V-50

Máy khoan vận vít dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 28 / 50 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-460 / 0-1.800 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 35 / 13 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,4-2,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2,0Ah, 1 sạc, GAL18V-40, valy nhựa

GSR 18V-90 C (SOLO)

Máy khoan vận vít dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 36/64 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 630 / 0 – 2,100 v/p
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 12 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép)	: 68/13 mm
Kích thước máy (Cao/ dài/ rộng)	: 210/163/77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mạch GCY

GSR 18V-150 C (SOLO)

Máy khoan vận vít dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (mềm / cứng)	: 80 / 150 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-550 / 0-2,200 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu/ Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 12 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép)	: 102 / 16 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 221 / 202 mm
Trọng lượng máy (Không pin)	: 2,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, hộp Lboxx, mô-đun kết nối GCY 42

Giá tham khảo
Mã hàng

5,468,000 VND
06019H50K0

Giá tham khảo
Mã hàng

4,598,000 VND
06019K60L0

Giá tham khảo
Mã hàng

7,568,000 VND
06019J50L0

GTB 185-LI (SOLO)

Máy bắt vít thanh cao dùng pin



Mô-men xoắn (mềm)	: 5.2 Nm
Tốc độ không tải	: 0 - 4,500
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 6 mm
Đầu cặp	: Lục giác trong ¼
Chiều cao/dài rộng	: 193/261/56 mm
Trọng lượng không bao gồm pin	: 0.95 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

GSB 180-LI (Kèm Phụ Kiện)

Máy khoan động lực dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 21 / 54 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-500 / 0-1,900 v/p
Số nhịp đập	: 0-27,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,7-2,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc, valy nhựa, bộ mũi khoan, bộ mũi vít

GSB 180-LI

(hộp công cụ + set 41 món AC)

Máy khoan động lực dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 21 / 54 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-500 / 0-1,900 v/p
Số nhịp đập	: 0-27,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 10 / 10 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,7-2,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc, set phụ kiện 41 món, hộp công cụ

Giá tham khảo
Mã hàng

3,798,000 VND
06019K70L1

Giá tham khảo
Mã hàng

4,138,000 VND
06019F83K1

Giá tham khảo
Mã hàng

4,628,000 VND
06019F83K2

GSB 185-LI (SOLO)

Máy khoan động lực dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1.900 vòng/phút
Nhịp đập	: 0-27.000 l/p
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép/tường)	: 35/10/10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, valy

GSB 185-LI (SET 1 PIN)

Máy khoan động lực dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1.900 vòng/phút
Nhịp đập	: 0-27.000 l/p
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép/tường)	: 35/10/10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy

GSB 185-LI

Máy khoan động lực dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 21/50 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0 – 500 / 0 – 1.900 vòng/phút
Nhịp đập	: 0-27.000 l/p
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vận ốc/ vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép/tường)	: 35/10/10 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 2.0Ah, 1 sạc, valy, bộ phụ kiện 23 món

Giá tham khảo
Mã hàng

2,338,000 VND
06019K3183

Giá tham khảo
Mã hàng

3,678,000 VND
06019K31K1

Giá tham khảo
Mã hàng

4,458,000 VND
06019K31K2

MÁY PIN 18V

GSB 18V-50

Máy khoan động lực dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Mềm / Cứng)	: 28 / 50 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-460 / 0-1,800 v/p
Số nhịp đập	: 0-27,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 35 / 13 / 13 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,4-2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 Sạc GAL18V-20, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

5,548,000 VNĐ
06019H5100

GSB 18V-90 C (SOLO)

Máy khoan động lực dùng pin



Mô-men xoắn (mềm/cứng)	: 36/64 Nm
Tốc độ không tải (số thứ 1 / số thứ 2)	: 0-630/ 0-2,100 vòng/phút
Khả năng của đầu cặp, tối đa/tối thiểu	: 1,5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc/ vít tối đa	: 12 mm
Khả năng khoan tối đa (gỗ/thép/tường)	: 68/13/13 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 210/175/77 mm
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mạch GCY

Giá tham khảo
Mã hàng

4,788,000 VNĐ
06019K61L0

GSB 18V-150 C (SOLO)

Máy khoan động lực dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (mềm / cứng)	: 80 / 150 Nm
Tốc độ không tải (Số thứ 1 / Số thứ 2)	: 0-550 / 0-2,200 v/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối đa)	: 1.5 / 13 mm
Khả năng vặn ốc / vít tối đa	: 12 mm
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Tường)	: 102 / 16 / 20 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 221 / 207 mm
Trọng lượng máy (Không pin)	: 2,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, hộp Lboxx, mô-đun kết nối GCY 42

Giá tham khảo
Mã hàng

8,078,000 VNĐ
06019J51L0

GDR 180-LI

Máy bắt ốc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 160 Nm
Tốc độ không tải	: 0-2,800 v/p
Tốc độ đập	: 0-3,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6-M14
Đầu cặp	: ¼" lực giác
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2.0Ah, 1 sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

4,548,000 VNĐ
06019G51K0

GDR 18V-200 C (SOLO)

Máy bắt ốc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 200 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-1,100/0-2,300/0-3,400 v/p
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-2,300/0-3,400/0-4,000 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6-M16
Đầu cặp	: lực giác ¼"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 208 / 147 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1,1-2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

5,908,000 VNĐ
06019G4104

GDX 180-LI

Máy bắt vít dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa (Lực giác ¼" / ½")	: 160 / 180 Nm
Tốc độ không tải	: 0-2,800 v/p
Tốc độ đập	: 0-3,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6-M16
Đầu cặp	: lực giác ¼" / vuông ½"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 233 / 171 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 2,0Ah, 1 sạc AL1814, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

6,418,000 VNĐ
06019G52L0

GDX 18V-200 (SOLO)

Máy bắt ốc động lực dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 200 Nm
Tốc độ không tải	: 0-3,400 v/p
Tốc độ đập	: 0-4,200 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6-M16
Đầu cặp	: Lực giác trong ¼", vuông ½"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 206 / 147 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,288,000 VNĐ
06019J22L0

GDX 18V-200 C (SOLO)

Máy bắt ốc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 200 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-1,100/0-2,300/0-3,400 v/p
Tốc độ đập (Cấp số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-2,300/0-3,400/0-4,200 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M6-M16
Đầu cặp	: lực giác ¼" / vuông ½"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 208 / 147 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1,2-2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

6,168,000 VNĐ
06019G4204

GDS 250-LI

Máy vặn ốc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 250 Nm
Tốc độ không tải	: 0-2,400 v/p
Tốc độ đập	: 0-3,300 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M10-M18
Đầu cặp	: vuông ½"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 208 / 147 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1,9-2,0 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 4.0Ah, 1 sạc, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

7,408,000 VNĐ
06019G61K0

GDS 18V-400 (SOLO)

Máy vặn ốc động lực dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 400 Nm
Tốc độ không tải	: 0-2,500 v/p
Tốc độ đập	: 0-3,700 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M10-M20
Đầu cặp	: Vuông ¼"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 255 / 172 mm
Trọng lượng (Tùy loại pin sử dụng)	: 1,8 - 2,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

3,958,000 VNĐ
06019K00K1

GDS 18V-1000 (SOLO)

Máy vặn ốc khoan động lực dùng pin



Mô-men xoắn (mềm)	: 1000 Nm
Tốc độ không tải	: 800/1200/1750 Nm
Tốc độ đập	: 0-1,600/2,400/2,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M14-M24
Đầu cặp	: Vuông 1/2"
Kích thước (Cao/Dài/ Rộng)	: 240/221/86 cm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 3,3-4,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, valy nhựa, đầu cặp 1/2" vuông

Giá tham khảo
Mã hàng

7,078,000 VNĐ
06019J83L1

GDS 18V-1050 H (SOLO)

Máy vặn ốc động lực dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Mô-men xoắn tối đa	: 1050 Nm
Tốc độ không tải (Số 1 / Số 2 / Số 3)	: 0-800/0-1,200/0-1,750 v/p
Tốc độ đập	: 0-1,600/0-2,400/0-2,600 l/p
Kích thước tối đa của ốc vít	: M14-M24
Đầu cặp	: Vuông ½"
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 240 / 222 mm
Trọng lượng (đối với GBA 18V 1.5Ah và GBA 18V 12Ah)	: 3,3 - 4,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

7,078,000 VNĐ
06019J85L1

MÁY PIN 18V

GBH 180-LI BL (SOLO)

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 2,0 J
Tốc độ định mức	: 0-1,800 v/p
Tốc độ đập	: 0-5,100 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ)	: 4-20 / 13 / 30mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 2,8-3,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

GBH 180-LI BL

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 2,0 J
Tốc độ định mức	: 0-1,800 v/p
Tốc độ đập	: 0-5,100 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ)	: 4-20 / 13 / 30mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 2,8-3,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 4,0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa

GBH 185-LI (SOLO)

Máy khoan búa động lực dùng pin



Lực đập tối đa	: 1,8 J
Tốc độ không tải tối đa (thiết lập 1/2/3)	: 0 – 1,050 v/p
Tốc độ đập	: 0 – 4.675 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ/Kim Loại/Bê Tông)	: 20/13/4-22 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,0 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,098,000 VND
06119111K0

Giá tham khảo
Mã hàng

8,538,000 VND
06119111K1

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
06119240L0

GBH 185-LI

Máy khoan búa động lực dùng pin



Lực đập tối đa	: 1,9 J
Tốc độ không tải tối đa (thiết lập 1/2/3)	: 0 – 1,050 v/p
Tốc độ đập	: 0 – 4,675 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ/Kim Loại/Bê Tông)	: 20/13/4-22 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2,0 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 4.0Ah, 1 sạc, valy nhựa

GBH 187-LI

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 2,4 J
Tốc độ không tải	: 0-980 v/p
Khả năng khoan tối đa	: 24 mm
Chế độ	: 3 chế độ
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 5.0Ah, sạc GAL 1880CV, valy nhựa

GBH 187-LI One Chuck (SOLO)

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 2,4 J
Tốc độ không tải	: 0-980 v/p
Khả năng khoan tối đa	: 24 mm
Đầu cặp	: 2 trong 1 (SDS plus và chuỗi tròn)
Chế độ	: 3 chế độ
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
06119240K1

Giá tham khảo
Mã hàng

12,808,000 VND
06119230K0

Giá tham khảo
Mã hàng

7,728,000 VND
0611923181

GBH 18V-34 CF (SOLO)

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 6,0 J
Tốc độ không tải	: 0-500 v/p
Tốc độ đập	: 0-2,900 l/p
Khả năng khoan tối đa (Gỗ / Thép / Khối xây nế / Bê tông)	: 40 / 13 / 40-82 / 32 mm
Trọng lượng (không pin)	: 4,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, đầu cặp phụ, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy

GBH 18V-36 C (SOLO)

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 7,0 J
Tốc độ không tải	: 0-500 v/p
Tốc độ đập	: 2,900 l/p
Khả năng khoan tối đa (Khối xây nế / Bê tông)	: 40-90 / 35 mm
Trọng lượng (không pin)	: 5,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy

GBH 18V-45 C (SOLO)

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Lực đập tối đa	: 12,5 J
Tốc độ định danh	: 0-305 v/p
Tốc độ đập (khoan búa / đục)	: 2,720 / 2,760 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông)	: 45 mm
Trọng lượng (không pin)	: 8,0 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mô-đun GCY 42, thước, tay cầm, tuýp mỡ, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

21,088,000 VND
0611914082

Giá tham khảo
Mã hàng

19,568,000 VND
0611915082

Giá tham khảo
Mã hàng

29,588,000 VND
0611913080

GWS 180-LI (SOLO)

Máy mài góc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 348 / 120 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,4 kg (M10)
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

GWS 180-LI

Máy mài góc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 348 / 120 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,4 kg (M10)
Phụ kiện kèm theo	: 2 pin 4.0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa

GWS 18V-10 (SOLO)

Máy mài góc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 9,000 v/p
Đường kính đĩa tối đa	: 100 mm
Ren trục mài	: M10
Chiều dài trục mài	: 22 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 110 / 358 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 2,4-2,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

3,408,000 VND
06019H90K0

Giá tham khảo
Mã hàng

8,708,000 VND
06019H90K1

Giá tham khảo
Mã hàng

3,958,000 VND
06019J40K0

MÁY PIN 18V

GWS 18V-10

Máy mài góc dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải tối đa	: 9,000 v/p
Đường kính đĩa mài tối đa	: 100 mm
Ren trục mài	: M10
Chiều dài trục mài	: 22 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 110 / 358 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 2,4-2,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 5,0Ah, 1 sạc GAL 18V-40, valy nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

9,618,000 VND
06019J40K1

GWS 18V-10 P (SOLO)

Máy mài góc dùng pin



Tốc độ không tải tối đa	: 9000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục mài	: M10
Kích thước (cao/dài/rộng)	
Trọng lượng (Không pin)	: 1.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,918,000 VND
06019J41K0

GWS 18V-15 SC (SOLO)

Máy mài góc dùng pin



Tốc độ không tải tối đa	: 9800 v/p
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục mài	: M10
Chiều dài trục mài	: 16 mm
Kích thước (cao/dài/rộng)	: xx
Trọng lượng (Không pin)	: 2.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, vành chắn, mạch kết nối.

Giá tham khảo
Mã hàng

8,778,000 VND
06019H6180

GWS 18V-15 PSC (SOLO)

Máy mài góc dùng pin



Tốc độ không tải tối đa	: 9800 v/p
Đường kính đĩa mài	: 125 mm
Ren trục mài	: M14
Kích thước (cao/dài/rộng)	
Trọng lượng (Không pin)	: 2.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mạch kết nối

Giá tham khảo
Mã hàng

9,218,000 VND
06019H6B00

GWS 18V-180 PC (SOLO)

Máy mài góc dùng pin



Tốc độ không tải tối đa	: 7000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 180 mm
Ren trục mài	: M14
Kích thước (cao/dài/rộng)	: 309/334/114 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, mạch kết nối

Giá tham khảo
Mã hàng

9,468,000 VND
06019H6E01

GGG 18V-20 (SOLO)

Máy mài thẳng dùng pin



Tốc độ không tải tối đa	: 24,000 v/p
Kích thước đầu cấp tối đa	: 8 mm
Đường kính đá mài tối đa	: 50 mm
Kích thước (cao/dài/rộng)	: 100/310/83 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.15 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
06019B5401

GAS 18V-1 (SOLO)

Máy hút bụi dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Dung tích chứa	: 0.7 l
Lực hút tối đa	: 60 hPa
Lưu lượng khí tối đa	: 10 l/s
Trọng lượng (Không pin)	: 1,3 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo
Mã hàng

2,048,000 VND
06019C62L0

GAS 18V-10 L Premium (SOLO)

Máy hút bụi dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Dung tích chứa	: 10 L
Lực hút tối đa	: 90 hPa
Lưu lượng khí tối đa	: 24 l/s
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 450 / 370 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 4,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, dây móc, bánh xe, đầu chuyển, ống nối, đầu hút

Giá tham khảo
Mã hàng

4,258,000 VND
06019C63K0

GEX 185-LI (SOLO)

Máy chà nhám dùng pin



Tần suất vòng xoay	: 12,000 – 20,000 n/p
Tốc độ xoay không tải	: 6,000 – 10,000 v/p
Đường kính vòng xoay	: 2.5 mm
Đường kính mặt nhám	: 125 mm
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 134/123/153 mm
Trọng lượng	: 0.93 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

3,308,000 VND
06013A5080

GSS 18V-LI (SOLO)

Máy chà nhám dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Nhịp rung không tải	: 22,000 n/p
Tiết diện phần chà nhám	: 114 cm ² (11.3 x 10.1 cm)
Kích thước giấy nhám (Rộng / Dài)	: 115 / 140 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 140 / 200 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 1,3-1,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Không pin, không sạc, 1 tờ nhám

Giá tham khảo
Mã hàng

1,738,000 VND
06019D02L0

GKS 185-LI (SOLO)

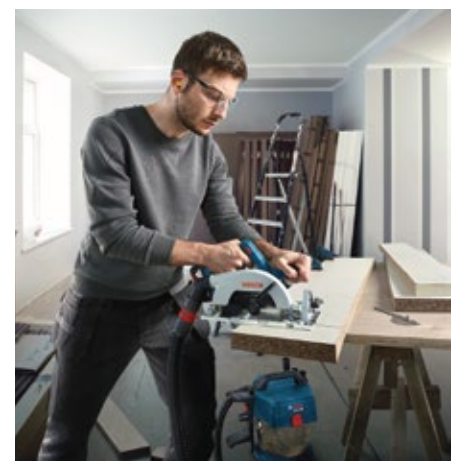
Máy cửa đĩa dùng pin



Tốc độ không tải	: 5.000 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45/90)	: 41/57 mm
Kích thước mặt đế	: 134 x 280 mm
Đường kính lưỡi của tối đa	: 165 mm
Độ dày thân lưỡi tối đa	: 1.8 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, 1 lưỡi của, 1 của dẫn

Giá tham khảo
Mã hàng

4,948,000 VND
06016C12L1



MÁY PIN 18V

GKS 18V-57 (SOLO)

Máy cửa đĩa dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ cắt không tải	: 3400 v/p
Độ sâu cắt (Góc 0° / 45°)	: 57 / 39 mm
Kích thước mặt đế	: 188x138 mm
Kích thước lưỡi của tối đa (Đường kính / Độ dày)	: 165 / 1,7 mm
Đường kính trục lắp	: 20 mm
Độ dày răng (Tối thiểu / Tối đa)	: 1,0 / 1,7 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 243 / 346 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 3,4-4,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,738,000 VND
06016A22L0

GKM 18V-50 (SOLO)

Máy cửa đĩa dùng pin



Tốc độ không tải	: 4,250 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 90°)	: 50 mm
Đường kính lưỡi của tối đa	: 136 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước (Cao/dài)	: 214/310 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 2.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

6,748,000 VND
06016B9080

GST 18V-LI GEN II (SOLO)

Máy cửa lọng dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Nhịp cửa	: 0-2,700 l/p
Độ dài nhịp cửa	: 23 mm
Khả năng của tối đa (Gỗ / Nhôm / Kim loại)	: 120 / 20 / 8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 260 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 2,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

5,058,000 VND
06015A6100

GST 185-LI (SOLO)

Máy cửa lọng dùng pin



Tần suất nhịp cắt không tải	: 0-3500 / 500-3500 l/p
Độ dài hành trình cửa	: 26 mm
Độ sâu cắt tối đa (gỗ/nhôm/thép)	: 125/20/10 mm
Kích thước máy (Cao/dài/rộng)	: 208/215/78 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.8 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,098,000 VND
06015B30L4

GSA 185-LI (SOLO)

Máy cửa kiếm dùng pin



Tần độ cắt không tải	: 0-2900 l/p
Nhịp cắt	: 28 mm
Độ sâu cắt tối đa (gỗ/ống nước)	: 230/155 mm
Kích thước máy (Cao/dài/rộng)	: 170/450/96 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 3.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

5,648,000 VND
06016C00L1

GOP 185-LI (SOLO)

Máy cắt đa năng kiếm dùng pin



Dao động không tải	: 10,000-20,000 v/p
Góc dao động bên trái và bên phải	: 3.4°
Kích thước máy (Cao/dài/rộng)	: 90/282/89 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

4,728,000 VND
06018G2080

GOP 18V-28 (SOLO)

Máy cắt đa năng dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ quay không tải	: 8,000-20,000 n/p
Góc dao động	: 1,4°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 85 / 312 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, bộ phụ kiện

Giá tham khảo
Mã hàng

5,968,000 VND
06018B6002

GLI 180-LI (SOLO)

Đèn pin



Điện áp pin	: 14,4-18 V
Thời gian phát sáng (14,3 / 18 V)	: ~250 / ~300 phút/Ah
Quang thông	: 300 lm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 320 / 77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,3 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

778,000 VND
06014A11L0

GBL 18V-120 (SOLO)

Máy thổi khí dùng pin



Điện áp pin	: 18 V
Tốc độ không tải	: 17,000 v/p
Tốc độ khí, tối đa	: 75 m/s
Lưu lượng khí tối đa	: 2,0 m ³ / min
Trọng lượng (Không pin)	: 1,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc, vòi thổi các loại

Giá tham khảo
Mã hàng

2,208,000 VND
06019F51L0

MÁY PIN 36V

GHG 18V-50 (SOLO)

Máy thổi hơi nóng



Nhiệt độ đầu ra	: 300 - 500 °C
Lưu lượng khí	: 175 l/p
Kích thước máy (Cao/dài/rộng)	: 209/183/77 mm
Trọng lượng (Không pin)	: 0,59 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

3,378,000 VND
06012A6580

GCY 42 (SOLO)

Phụ kiện Bluetooth gắn kèm dụng cụ



Kích thước (Cao / Dài / Rộng)	: 7 / 30 / 30
Công nghệ bluetooth	: Bluetooth 4.2 (tiêu hao năng lượng thấp)
Tần số sử dụng	: 2,402 / 2,480 MHz
Công suất	: < 1 mW
Phạm vi bắt sóng tối đa	: 30 m
Trọng lượng	: 0,01 kg
Phụ kiện kèm theo	: không pin, không sạc

Giá tham khảo
Mã hàng

708,000 VND
1600A01L2W

GBH 36 V-LI (4.0 Ah)

Máy khoan búa dùng pin



Điện áp pin	: 36 V
Nhịp đập va đập	: 0-4,200 n/p
Lực đập	: 3,2 J
Tốc độ định mức (Xoay trái / Xoay phải)	: 0-930 / 0-940 v/p
Khả năng của đầu cặp	: Mũi SDS-Plus
Đường kính khoan tối đa (Bê tông / Gạch / Thép / Gỗ)	: 28 / 82 / 13 / 30 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 246 / 383 mm
Trọng lượng (Gồm pin)	: 4,0-4,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: 2 Pin 4.0Ah, 1 sạc 3680, Mũi nhựa, tay cầm, thước chặn

Giá tham khảo
Mã hàng

21,438,000 VND
0611906003

PROCORE 18V

Dòng pin mạnh mẽ nhất



HỆ THỐNG
PIN
LINH HOẠT

SỨC MẠNH
ẨN TƯỢNG

TỐI ƯU HÓA
TẢN NHIỆT

Dòng PROCORE có 3 biến thể 4.0, 8.0 và 12.0 Ah. Là dòng pin mạnh mẽ nhất từ trước đến giờ của Bosch, đạt hiệu quả tương đương với máy điện. Gọn hơn, bền bỉ hơn. PROCORE đại diện cho một sự tiến bộ vượt trội của dòng pin sạc.



THIẾT KẾ
HƯỚNG TỚI
HIỆU NĂNG
VƯỢT TRỘI



TĂNG ĐẾN 87%
ĐỘ MẠNH MẼ

TĂNG ĐẾN 135%
ĐỘ BỀN BỈ

ĐẢM BẢO 100%
TƯƠNG THÍCH VỚI MÁY
& SẠC 18V CỦA BOSCH

TĂNG ĐẾN 30% HIỆU
QUẢ MÀI & >70%
HIỆU QUẢ KHOAN

COOLPACK 2.0

Cấu tạo từ Polyethylene mật độ cao, các tấm TPE nhiệt dẻo và thiết kế không khoảng trống giữ lõi và vỏ giúp pin luôn mát mẽ khi vận hành.



Dùng 1 pin với tất cả dụng cụ của bạn. **PROCORE** 100% tương thích với các dòng máy cũ và sạc của Bosch đồng nghĩa với việc bạn có thể nâng cấp hiệu quả làm việc của mình mà không phải mua máy mới.



► Báo giá sản phẩm ở trang 14

► Thông tin chi tiết về Pin Pro-Core 18V, xin tham khảo tại trang web <https://vn.bosch-pt.com>

PIN 12V

GBA 12V 1.5Ah

Pin 12V 1.5Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

668,000 VND
1600A00F6U

GBA 12V 2.0Ah

Pin 12V 2.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

748,000 VND
1600A00F6X

GBA 12V 3.0Ah

Pin 12V 3.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

1,218,000 VND
1600A00X79

GBA 12V 4.0Ah

Pin 12V 4.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

1,438,000 VND
1600A00F71

PIN 18V

GBA 18V 2.0Ah

Pin 18V 2.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

1,518,000 VND
1600A001CG

GBA 18V 4.0Ah

Pin 18V 4.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

2,308,000 VND
1600A00163

PROCORE 18V 4.0Ah

Pin PROCORE 18V 4.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

2,448,000 VND
1600A0193L

PROCORE 18V 8.0Ah

Pin PROCORE 18V 8.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

4,638,000 VND
1600A0193N

PIN 18V

PROCORE 18V 12.0Ah

Pin PROCORE 18V 12.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

6,128,000 VND
1600A0193R

PIN 36V

GBA 36V 4.0Ah

Pin 36V 4.0Ah



Giá tham khảo
Mã hàng

5,148,000 VND
1600A0012N

BỘ PIN + SẠC

GBA 12V 2.0Ah +
GAL 12V-40 (10.8V, 12V)
Bộ 2 Pin 2.0Ah + Sạc nhanh 12V



Giá tham khảo
Mã hàng

2,098,000 VND
1600A01B8W

BỘ SẠC

GAL 12V-20 (10.8V, 12V)
Sạc pin 12V



Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo
Mã hàng



628,000 VND
1600A021KF

BỘ SẠC

GAL 12V-40 (10.8V, 12V)
Sạc nhanh 12V



Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo
Mã hàng

718,000 VND
1600A01B8X

GAL 18V-20 (14.4V, 18V)
Sạc pin 18V



Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo
Mã hàng

738,000 VND
1600A021KT

GAL 18V-40 (14.4V, 18V)
Sạc nhanh 18V



Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo
Mã hàng

868,000 VND
1600A019RJ

GAL 1880 CV (14.4V, 18V)
Sạc nhanh 14.4V, 18V



Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo
Mã hàng

1,278,000 VND
1600A00B8G

BỘ SẠC

GAL 18V-160 C (14.4V, 18V)
Sạc nhanh 14.4V, 18V



Bao gồm: Chỉ gồm sạc và mô-đun kết nối GCY 42
Giá tham khảo
Mã hàng

2,388,000 VND
1600A019S6

GAL 3680 CV
Sạc nhanh 14.4-36V



Bao gồm: Chỉ gồm sạc
Giá tham khảo
Mã hàng

1,658,000 VND
1600A004ZS





BOSCH

HƯỚNG DẪN CHỌN PIN 18V ĐẠT ĐƯỢC HIỆU QUẢ CAO NHẤT

Hệ thống pin tương thích từ năm 2008

Gọn nhẹ		Hiệu suất				Bền bỉ
2.0 Ah	4.0 Ah	4.0 Ah	5.0 Ah	5.5 Ah	8.0 Ah	12.0 Ah
						
 Máy khoan vít & khoan động lực (GSR/GSB)						
 Máy vặn vít, siết ốc động lực (GDS/ GDX/ GDR)						
	 Máy khoan búa (GBH lực đập <2.0 J)					
		 Máy khoan búa (GBH lực đập 2.0-4.0 J)				
 Máy cưa kiếm (GSA nhíp cắt <25mm)						
		 Máy cưa kiếm (GSA nhíp cắt >25mm)				
		 Máy cưa cắt (GKS/ GKM/ GKT)				
		 Máy hút bụi (GAS dung tích >1L)				
 Máy mài thẳng (GGS)						
 Máy chà nhám rung (GSS)						
 Máy bào (GHO)						
 Máy cắt đa năng (GOP) & Máy cắt tôn (GSC)						
		 Máy mài góc (GWS)				
 Máy hút bụi (GAS dung tích <1L) & Máy thổi khí (GBL)						 Máy cửa để bàn
 Đèn pin (GLI) & Máy nghe nhạc (GML)						 Máy khoan búa (lực đập >4.0J)
 Máy cưa lọng (GST) & Máy cưa vòng (GCB)						 Máy cưa đa năng

MÁY KHOAN

GBM 320
Máy khoan



Công suất	: 320 W
Tốc độ không tải	: 0-4,200 v/p
Đường kính khoan tối đa (Nhôm / Gỗ / Thép)	: 6.5 / 13 / 6.5 mm
Khả năng của đầu cặp, tối đa / tối thiểu	: 0.5-6.5 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 175 / 160
Trọng lượng	: 1 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, chìa vặn



GBM 6 RE
Máy khoan



Công suất	: 350 W
Tốc độ không tải	: 0-4,000 v/p
Lực xoắn định mức	: 12,3 Nm
Khả năng của đầu cặp, tối thiểu / tối đa	: 0.5-6.5 mm
Đường kính khoan tối đa (Nhôm / Gỗ / Sắt)	: 6 / 15 / 6 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 210 mm
Trọng lượng	: 1,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, chìa vặn



GBM 350
Máy khoan



Công suất	: 350 W
Tốc độ không tải	: 0-2,800 v/p
Đường kính khoan tối đa (Nhôm / Gỗ / Thép)	: 13 / 20 / 10 mm
Khả năng của đầu cặp, tối đa / tối thiểu	: 1-10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 189 / 220 mm
Trọng lượng	: 1,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, chìa vặn



Giá tham khảo
Mã hàng

808,000 VNĐ
06011A45K0

Giá tham khảo
Mã hàng

1,288,000 VNĐ
06014725K0

Giá tham khảo
Mã hàng

978,000 VNĐ
06011A95K0

GBM 400
Máy khoan



Công suất	: 400 W
Tốc độ không tải	: 2800 v/p
Khả năng khoan tối đa (gỗ/nhôm/thép)	: 20/13/10 mm
Đường kính của đầu cặp, tối đa	: 10 mm
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 195/240/65 mm
Trọng lượng	: 1.3 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy



GBM 10 RE
Máy khoan



Công suất	: 450 W
Tốc độ không tải	: 0-2,600 v/p
Lực xoắn định mức	: 14 Nm
Khả năng của đầu cặp, tối thiểu / tối đa	: 1-10 mm
Đường kính khoan tối đa (Nhôm / Gỗ / Sắt)	: 10 / 25 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 193 / 249 mm
Trọng lượng	: 1,3 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, chìa vặn



GBM 13 RE
Máy khoan



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0-2,600 v/p
Lực xoắn định mức	: 20 Nm
Khả năng của đầu cặp, tối thiểu / tối đa	: 1.5-13 mm
Đường kính khoan tối đa (Nhôm / Gỗ / Sắt)	: 13 / 30 / 13 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 196 / 252 mm
Trọng lượng	: 1,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, chìa vặn



Giá tham khảo
Mã hàng

978,000 VNĐ
06011C10K0

Giá tham khảo
Mã hàng

1,308,000 VNĐ
06014735K0

Giá tham khảo
Mã hàng

1,648,000 VNĐ
06014775K0

MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

GBM 50-2
Máy khoan



Công suất	: 1,200 W
Tốc độ không tải	: 50-250 / 100-510 v/p
Đường kính khoét lõi tối đa	: Ø50
Đường kính khoan xoắn tối đa	: Ø23
Đường kính taro ren tối đa	: M16
Lực hút đế từ	: 14,000 N
Kích thước máy (Rộng / Dài / Cao)	: 196 / 274 / 444 mm
Trọng lượng	: 14,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, bình chứa dầu, tay quay, dây đai, chìa lục giác



GSB 550
Máy khoan động lực



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 0-2,800 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-41,800 l/p
Đường kính khoan tối đa (Bê Tông / Gỗ / Thép / Khối xây nê)	: 13 / 25 / 10 / 13 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối đa / Tối thiểu)	: 1.5-13 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 253 / 262 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, tay cầm, thước chặn



GSB 550 (Freedom set)
Máy khoan động lực



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 0-2,800 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-41,800 l/p
Đường kính khoan tối đa (Bê Tông / Gỗ / Thép / Khối xây nê)	: 13 / 25 / 10 / 13 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối đa / Tối thiểu)	: 1.5-13 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 253 / 262 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp dụng cụ, phụ kiện, tay cầm, thước chặn



Giá tham khảo
Mã hàng

30,118,000 VNĐ
06011B40K0

Giá tham khảo
Mã hàng

1,178,000 VNĐ
06011A15K0

Giá tham khảo
Mã hàng

1,548,000 VNĐ
06011A15K1

GSB 550 (Set 100 phụ kiện)
Máy khoan động lực



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 0-2,800 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-41,800 l/p
Đường kính khoan tối đa (Bê Tông / Gỗ / Thép / Khối xây nê)	: 13 / 25 / 10 / 13 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối đa / Tối thiểu)	: 1.5-13 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 253 / 262 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, bộ phụ kiện 100 món, tay cầm, thước chặn



GSB 550 (Set 19 phụ kiện)
Máy khoan động lực



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 0-2,800 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-41,800 l/p
Đường kính khoan tối đa (Bê Tông / Gỗ / Thép / Khối xây nê)	: 13 / 25 / 10 / 13 mm
Khả năng của đầu cặp (Tối đa / Tối thiểu)	: 1.5-13 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 253 / 262 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa, bộ phụ kiện 19 món, tay cầm, thước chặn



Giá tham khảo
Mã hàng

1,848,000 VNĐ
06011A15K7

Giá tham khảo
Mã hàng

1,738,000 VNĐ
06011A15K8



MÁY KHOAN ĐỘNG LỰC

GSB 600

Máy khoan động lực



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0-3000 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-48000 l/p
Đường kính khoan tối đa (tường/gỗ/kim loại)	: 13/25/10 mm
Khả năng của đầu cặp (tối đa)	: 13 mm
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 202/279/67 mm
Trọng lượng	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy

Giá tham khảo

Mã hàng

Liên Hệ

06011A03K0

GSB 600 (set 100 phụ kiện)

Máy khoan động lực



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0-3000 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-48000 l/p
Đường kính khoan tối đa (tường/gỗ/kim loại)	: 13/25/10 mm
Khả năng của đầu cặp (tối đa)	: 13 mm
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 202/279/67 mm
Trọng lượng	: 2 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, bộ phụ kiện 100 món

Giá tham khảo

Mã hàng

Liên Hệ

06011A03K1

GSB 600 (hộp fisherman)

Máy khoan động lực



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 0-3000 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-48000 l/p
Đường kính khoan tối đa (tường/gỗ/kim loại)	: 13/25/10 mm
Khả năng của đầu cặp (tối đa)	: 13 mm
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 202/279/67 mm
Trọng lượng	: 1.9 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa fisherman

Giá tham khảo

Mã hàng

Liên Hệ

06011A03K2

GSB 10 RE

Máy khoan động lực



Công suất	: 500 W
Tốc độ không tải	: 0-2,600 v/p
Tần suất nhịp đập	: 41,600 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 10 / 20 / 8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 180 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 1,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy

Giá tham khảo

Mã hàng

1,448,000 VNĐ

06012161K1

GSB 10 RE (Hộp nhựa + Phụ kiện)

Máy khoan động lực



Công suất	: 500 W
Tốc độ không tải	: 0-2,600 v/p
Tần suất nhịp đập	: 41,600 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 10 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 10 / 20 / 8 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 180 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 1,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, bộ mũi khoan, bộ mũi vít

Giá tham khảo

Mã hàng

1,528,000 VNĐ

06012161K0

GSB 13 RE

Máy khoan động lực



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 0-3,150 v/p
Tần suất nhịp đập	: 47,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 13 / 20 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 2 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, tay cầm, thuốc chặn

Giá tham khảo

Mã hàng

1,648,000 VNĐ

06012271K0

GSB 13 RE (Set Vali 100 Phụ kiện)

Máy khoan động lực



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 0-3,150 v/p
Tần suất nhịp đập	: 47,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 13 / 20 / 10 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 262 mm
Trọng lượng máy	: 2 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, bộ phụ kiện 100 món, tay cầm, thuốc chặn

Giá tham khảo

Mã hàng

2,208,000 VNĐ

06012271K3

GSB 16 RE (Valy nhựa)

Máy khoan động lực



Công suất	: 750 W
Tốc độ không tải	: 0-3,250 v/p
Tần suất nhịp đập	: 48,500 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Gỗ / Thép)	: 16 / 25 / 12 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 190 / 270 mm
Trọng lượng máy (Gồm pin)	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, thuốc chặn

Giá tham khảo

Mã hàng

1,888,000 VNĐ

06012281K1

GSB 20-2 RE

Máy khoan động lực



Công suất	: 800 W
Mô-men xoắn định mức (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 5,2 / 2,0 Nm
Tốc độ không tải (Cấp số 1 / Cấp số 2)	: 0-1,100 / 0-3,000 v/p
Tần suất nhịp đập	: 48,000 l/p
Khả năng của đầu cặp (Tối thiểu / Tối Đa)	: 1,5 / 13 mm
Khả năng khoan tối đa (Xây nề / Bê tông / Gỗ / Thép) [Cấp số 1 / Cấp số 2]	: 22 [16] / 20 [13] / 40 [25] / 13 [8] mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 217 / 347 mm
Trọng lượng máy	: 2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy, tay cầm, thuốc chặn

Giá tham khảo

Mã hàng

3,218,000 VNĐ

06011A21K1

MÁY KHOAN BÚA SDS+

GBH 220

Máy khoan búa



Công suất	: 720 W
Lực đập tối đa	: 2 J
Tốc độ không tải	: 0-2,000 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-4,800 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông, sắt, gỗ)	: 22 / 13 / 30 mm
Kích thước máy (cao / dài)	: 205 / 334 mm
Trọng lượng	: 2,3 kg
Phụ kiện	: Valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo

Mã hàng

3,468,000 VNĐ

06112A60K0

GBH 220 (Kèm phụ kiện)

Máy khoan búa



Công suất	: 720 W
Lực đập tối đa	: 2 J
Tốc độ không tải	: 0-2,000 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-4,800 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông, sắt, gỗ)	: 22 / 13 / 30 mm
Kích thước máy (cao / dài)	: 205 / 334 mm
Trọng lượng	: 2,3 kg
Phụ kiện	: valy nhựa, thước đo, tay cầm, 3 mũi plus-1 6-8-10, đầu nối hút bụi, bộ mũi khoan đa năng chuỗi kẹp, đầu cặp 13mm và trục gài SDS-plus

Giá tham khảo

Mã hàng

3,858,000 VNĐ

06112A60K1

GBH 2-24 DRE

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2,7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhịp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 367 mm
Trọng lượng	: 2,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo

Mã hàng

3,968,000 VNĐ

06112721K0

MÁY KHOAN BÚA SDS+

GBH 2-24 DRE (kèm phụ kiện)

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2,7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 367 mm
Trọng lượng	: 2,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm, 1 mũi đục nhọn

Giá tham khảo
Mã hàng

4,128,000 VND
06112721K2

GBH 2-24 RE

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2,7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 367 mm
Trọng lượng	: 2,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,668,000 VND
06112720K0

GBH 2-24 DFR

Máy khoan búa



Công suất	: 790 W
Lực đập tối đa	: 2,7 J
Tốc độ định mức	: 0-930 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,200 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 24 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 397 mm
Trọng lượng	: 2,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm, đầu kẹp

Giá tham khảo
Mã hàng

4,268,000 VND
06112730K0

GBH 2-26 E

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,168,000 VND
0611251604

GBH 2-26 RE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,298,000 VND
0611251704

GBH 2-26 DE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,318,000 VND
0611253604

GBH 2-26 DRE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 26 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 210 / 377 mm
Trọng lượng	: 2,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,598,000 VND
0611253704

GBH 2-28 DV

Máy khoan búa



Công suất	: 820 W
Lực đập tối đa	: 3,2 J
Tốc độ định mức	: 0-1,300 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-5,100 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 28 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 216 / 379 mm
Trọng lượng	: 2,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

5,358,000 VND
0611267102

GBH 2-28 DFR

Máy khoan búa



Công suất	: 820 W
Lực đập tối đa	: 3,2 J
Tốc độ định mức	: 0-1,300 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-5,100 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 28 / 13 / 30 / 68 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 216 / 402 mm
Trọng lượng	: 3,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm, đầu chucks kẹp

Giá tham khảo
Mã hàng

5,578,000 VND
06112672K1

GBH 3-28 DRE

Máy khoan búa



Công suất	: 800 W
Lực đập tối đa	: 3,5 J
Tốc độ định mức	: 0-900 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-4,000 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 28 / 13 / 30 / 82 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 233 / 326 mm
Trọng lượng	: 3,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

7,058,000 VND
061123A0K0

GBH 4-32 DFR

Máy khoan búa



Công suất	: 900 W
Lực đập tối đa	: 5 J
Tốc độ định mức	: 0-760 v/p
Tần suất nhíp đập	: 0-3,600 l/p
Khả năng khoan tối đa (Bê tông / Sắt / Gỗ / Tường gạch)	: 32 / 13 / 32 / 90 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 226 / 400 mm
Trọng lượng	: 4,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, thước đo, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

11,478,000 VND
0611321K0



MÁY KHOAN BÚA SDS MAX

GBH 5-40 D

Máy khoan búa



Công suất	: 1,100 W
Lực đập tối đa	: 8,5 J
Tốc độ định mức	: 170-340 v/p
Tần suất nhịp đập	: 1,500-2,900 l/p
Khả năng khoan tối đa:	
- Bê tông (với mũi khoan xoắn)	: 40 mm
- Bê tông (với mũi khoan xuyên phá)	: 55 mm
- Tường gạch (với mũi khoan lõi)	: 90 mm
Khả năng khoan rút lõi	: 90 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 272 / 490 mm
Trọng lượng	: 6,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **12,288,000 VND**
Mã hàng **06112690K0**

GBH 8-45 D

Máy khoan búa



Công suất	: 1,500 W
Lực đập tối đa	: 12,5 J
Tốc độ định mức	: 0-305 v/p
Tần suất nhịp đập	: 1,380-2,720 l/p
Khả năng khoan tối đa:	
- Bê tông (với mũi khoan xoắn)	: 45 mm
- Bê tông (với mũi khoan xuyên phá)	: 80 mm
- Tường gạch (với mũi khoan lõi)	: 125 mm
Khả năng khoan rút lõi	: 125 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 310 / 540 mm
Trọng lượng	: 8,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **20,788,000 VND**
Mã hàng **06112651K0**

GBH 8-45 DV

Máy khoan búa



Công suất	: 1,500 W
Lực đập tối đa	: 12,5 J
Tốc độ định mức	: 0-305 v/p
Tần suất nhịp đập	: 1,380-2,720 l/p
Khả năng khoan tối đa:	
- Bê tông (với mũi khoan xoắn)	: 45 mm
- Bê tông (với mũi khoan xuyên phá)	: 80 mm
- Tường gạch (với mũi khoan lõi)	: 125 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 310 / 540 mm
Trọng lượng	: 8,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **22,488,000 VND**
Mã hàng **06112650K0**

MÁY ĐỤC PHÁ

GSH 3E

Máy đục phá bê tông



Công suất	: 650 W
Lực đập tối đa	: 2,6 J
Tần suất nhịp đập	: 0-3,500 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 208 / 376 mm
Trọng lượng	: 3,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **8,318,000 VND**
Mã hàng **0611320703**

GSH 500 GEN II

Máy đục phá bê tông



Công suất	: 1,100 W
Lực đập tối đa	: 7,8 J
Tần suất nhịp đập	: 2,900 l/p
Đầu cắt	: Lục giác 17 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 235 / 458 mm
Trọng lượng	: 5,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, 1 mũi đục nhọn

Giá tham khảo **5,678,000 VND**
Mã hàng **06113386K0**

GSH 500 MAX

Máy đục phá



Công suất	: 1,100 W
Lực đập tối đa	: 7,8 J
Tần suất nhịp đập	: 2,900 l/p
Đầu cắt	: SDS max
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 235 / 458 mm
Trọng lượng	: 5,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp nhựa

Giá tham khảo **6,308,000 VND**
Mã hàng **06113387K1**

GSH 5 (kèm phụ kiện)

Máy đục phá bê tông



Công suất	: 1,100 W
Lực đập tối đa	: 7,5 J
Tần suất nhịp đập	: 2,850 l/p
Đầu cắt	: SDS MAX
Kích thước (Cao/dài)	: 240/465 mm
Trọng lượng	: 5,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa, tuýp mỡ, 2 mũi đục nhọn, 1 kính bảo hộ

Giá tham khảo **7,388,000 VND**
Mã hàng **06113370K2**

GSH 11 E

Máy đục phá bê tông



Công suất	: 1,500 W
Lực đập tối đa	: 16,8 J
Tần suất nhịp đập	: 900-1,890 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 270 / 570 mm
Trọng lượng	: 10,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **16,028,000 VND**
Mã hàng **06113168K0**

GSH 14 C

Máy đục phá bê tông



Công suất	: 1750 W
Lực đập tối đa	: 28 J
Tần suất nhịp đập	: 1900 l/p
Đầu cắt	: Lục giác 22 mm
Kích thước (Cao/dài)	: 280/750/140 mm
Trọng lượng	: 14,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy nhựa

Giá tham khảo **28,948,000 VND**
Mã hàng **06113440K0**

GSH 16-30

Máy đục phá bê tông



Công suất	: 1,750 W
Lực đập tối đa	: 41 J
Tần suất nhịp đập	: 1300 l/p
Đầu cắt	: Lục giác 30 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 255 / 760 mm
Trọng lượng	: 16,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **24,538,000 VND**
Mã hàng **06113351K0**

GSH 11 VC

Máy đục phá bê tông



Công suất	: 1,700 W
Lực đập tối đa	: 23 J
Tần suất nhịp đập	: 900-1,700 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 236 / 680 mm
Trọng lượng	: 11,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa, tay cầm, tuýp mỡ

Giá tham khảo **26,928,000 VND**
Mã hàng **06113360K0**



MÁY MÀI GÓC

GWS 060
Máy mài góc



Công suất	: 670 W
Tốc độ không tải	: 12,000 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 104 / 263 mm
Trọng lượng	: 1,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,028,000 VND
06013756K0

GWS 6-100 S (Công tắc đuôi)
Máy mài góc



Công suất	: 710 W
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 80 / 270 mm
Trọng lượng	: 1,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,288,000 VND
060137508M

GWS 700
Máy mài góc



Công suất	: 710 W
Tốc độ không tải tối đa	: 12,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 100 mm
Ren trục mài	: M10
Kích thước (cao/dài/rộng)	: -
Trọng lượng	: 1.7 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy, vành chắn

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
06013A31K0

GWS 7-100 T
Máy mài góc



Công suất	: 720 W
Tốc độ không tải	: 9,300 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 103 / 305 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,438,000 VND
06013886K0

GWS 7-100 ET
Máy mài góc



Công suất	: 720 W
Tốc độ không tải	: 2,800-9,300 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 103 / 305 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,668,000 VND
06013885K0

GWS 750-100
Máy mài góc



Công suất	: 750 W
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 100 / 270 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,258,000 VND
06013940K0

GWS 900-100
Máy mài góc



Công suất	: 900 W
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 100 / 280 mm
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,578,000 VND
06013960K0

GWS 900-100 S (điều chỉnh tốc độ)
Máy mài góc



Công suất	: 900 W
Tốc độ không tải	: 2,800-11,000 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 100 / 280 mm
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,718,000 VND
06013961K0

GWS 9-125
Máy mài góc



Công suất	: 900 W
Tốc độ không tải	: 11,000 vòng/phút
Đường kính tối đa	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (cao / dài)	: 100 / 280 mm
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện đi kèm	: vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

1,578,000 VND
06013960K7

GWS 900-125 S (điều chỉnh tốc độ)
Máy mài góc



Công suất	: 900 W
Tốc độ không tải	: 2,800-11,000 v/p
Đường kính đĩa	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 100 / 280 mm
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,738,000 VND
06013961K2

GWS 9-100 P (Công tắc an toàn)
Máy mài góc



Công suất	: 900 W
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa	: 100 mm
Ren trục bánh mài	: M10
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 100 / 280 mm
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,878,000 VND
06013965K0

GWS 7-125
Máy mài góc



Công suất	: 720 W
Tốc độ không tải	: 11,000 v/p
Đường kính đĩa	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 103 / 318 mm
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, chìa vặn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,398,000 VND
06013880K2

MÁY MÀI GÓC

GWS 12-125 S

Máy mài góc



Công suất	: 1200 W
Tốc độ không tải tối đa	: 2,800-11,000 / 2,800-10,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 125 mm
Ren trục mài	: M14
Kích thước (cao/dài/rộng)	: -
Trọng lượng	: 2.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,078,000 VND
06013A60K0

GWS 14-125 S

Máy mài góc



Công suất	: 1,400 W
Tốc độ không tải tối đa	: 2,800 – 11,500 v/p
Đường kính đĩa mài	: 125 mm
Ren trục mài	: M14
Kích thước (cao/dài/rộng)	: -
Trọng lượng	: 2.2 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,908,000 VND
06017D0100

GWS 17-125 CI

Máy mài góc



Công suất	: 1,700 W
Tốc độ không tải	: 11,500 v/p
Đường kính đĩa	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 103 / 311 mm
Trọng lượng	: 2,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,598,000 VND
060179G002

GWS 17-125 S

Máy mài góc



Công suất	: 1,700 W
Tốc độ không tải tối đa	: 2,800 – 11,500 v/p
Đường kính đĩa mài	: 125 mm
Ren trục mài	: M14
Kích thước (cao/dài/rộng)	: -
Trọng lượng	: 2,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,158,000 VND
06017D0300

GWS 17-150 CI

Máy mài góc



Công suất	: 1,700 W
Tốc độ không tải	: 9,300 v/p
Đường kính đĩa	: 150 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 103 / 311 mm
Trọng lượng	: 2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,218,000 VND
060179K002

GWS 17-150 S

Máy mài góc



Công suất	: 1,700 W
Tốc độ không tải tối đa	: 2,400 - 9.700 v/p
Đường kính đĩa mài	: 150 mm
Ren trục mài	: M14
Kích thước (cao/dài/rộng)	: -
Trọng lượng	: 2,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,218,000 VND
06017D0600

GWS 18-125 L

Máy mài góc



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 12,000 v/p
Đường kính đĩa	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 102 / 382 mm
Trọng lượng	: 2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,328,000 VND
06017A30K0

GWS 18-125 SPL

Máy mài góc



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 2,800-12,000 v/p
Đường kính đĩa	: 125 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 102 / 382 mm
Trọng lượng	: 2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,688,000 VND
06017A3000

GWS 18-150 L

Máy mài góc



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 10,000 v/p
Đường kính đĩa	: 150 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 102 / 382 mm
Trọng lượng	: 2,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: tay cầm, vành chắn, tán kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,388,000 VND
06017A5000

GWS 2200-180

Máy mài góc



Công suất	: 2,200 W
Tốc độ không tải	: 8,500 v/p
Đường kính đĩa	: 180 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 140 / 500 mm
Trọng lượng	: 5,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,198,000 VND
06018C00K0

GWS 2200-230

Máy mài góc



Công suất	: 2,200 W
Tốc độ không tải	: 6,500 v/p
Đường kính đĩa	: 230 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 140 / 500 mm
Trọng lượng	: 5,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,288,000 VND
06018C10K0

GWS 24-180

Máy mài góc



Công suất	: 2,400 W
Tốc độ không tải	: 8,500 v/p
Đường kính tối đa	: 180 mm
Ren trục bánh mài	: M14
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 140 / 480 mm
Trọng lượng	: 5,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: vành chắn, tán kẹp, chìa vận, hộp giấy, tay cầm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,958,000 VND
06018C20K0

MÁY MÀI GÓC

GWS 24-230

Máy mài góc





MÁY CỬA LỘNG/ CỬA ĐĨA

GST 650

Máy cửa lộng



Công suất	: 450 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 800-3100 n/p
Nhíp cắt	: 18 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 65 / 10 / 3 mm
Góc cắt tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: lục giác, lưỡi cửa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,578,000 VNĐ
06015A8000

GST 680

Máy cửa lộng



Công suất	: 500 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 800 – 3.100 n/p
Nhíp cắt	: 20 mm
Độ sâu cắt tối đa (gỗ/nhôm/thép)	: 68/10/3 mm
Góc cắt tối đa (trái/ phải)	: 45
Kích thước máy (Cao/dài/rộng)	: -
Trọng lượng	: 1,9 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
06015B40K0

GST 700

Máy cửa lộng



Công suất	: 500 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 1,450-3,200 n/p
Nhíp cắt	: 20 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 70 / 10 / 6 mm
Góc cắt tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Trọng lượng	: 2,1 kg
Phụ kiện kèm theo	: lục giác, lưỡi cửa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,128,000 VNĐ
06012A70K0

GST 750

Máy cửa lộng



Công suất	: 520 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 800 – 3200 n/p
Nhíp cắt	: 20 mm
Độ sâu cắt tối đa (gỗ/nhôm/thép)	: 75/10/6 mm
Góc cắt tối đa (trái/ phải)	: 45
Kích thước máy (Cao/dài/rộng)	: -
Trọng lượng	: 2,3 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
06015B41K0

GST 8000E

Máy cửa lộng



Công suất	: 710 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 800-3,100 n/p
Nhíp cắt	: 20 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 80 / 20 / 10 mm
Góc cắt tối đa (Trái / Phải)	: 45°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 233 / 298 mm
Trọng lượng	: 2,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: lục giác, lưỡi cửa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,498,000 VNĐ
06015B40K0

GST 90 BE

Máy cửa lộng



Công suất	: 650 W
Tần suất nhíp cắt không tải	: 500-3,100 n/p
Độ dài hành trình cửa	: 26 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Nhôm / Thép)	: 90 / 20 / 10 mm
Góc cắt tối đa (Trái/Phải)	: 45°
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 212 / 332 mm
Trọng lượng	: 2,6 kg

Phụ kiện kèm theo
: 1 lục giác, 2 vành che lưỡi,
1 ống thoát bụi, lưỡi cửa,
hộp nhựa

Giá tham khảo
Mã hàng

3,208,000 VNĐ
06015B40K0

GKS 130

Máy cửa đĩa



Công suất	: 1,300 W
Tốc độ cắt không tải	: 5,800 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45° / 90°)	: 64 / 45 mm
Đường kính lưỡi cửa tối đa	: 184 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Trọng lượng máy	: 4,0 kg
Phụ kiện kèm theo	: Hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
06016C30K0

GKS 140

Máy cửa đĩa



Công suất	: 1,400 W
Tốc độ cắt không tải	: 6,200 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45° / 90°)	: 45 / 64 mm
Kích thước mặt đế	: 290x150 mm
Đường kính lưỡi cửa tối đa	: 184 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 257 / 347 mm
Trọng lượng máy	: 3,7 kg

Phụ kiện kèm theo
: lục giác, lưỡi cửa,
cửa song song, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,318,000 VNĐ
06016B30K1

GKS 190

Máy cửa đĩa



Công suất	: 1,050 W
Tốc độ cắt không tải	: 4,800 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45° / 90°)	: 46 / 66 mm
Kích thước mặt đế	: 130x260 mm
Đường kính lưỡi cửa tối đa	: 184 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 270 / 320 mm
Trọng lượng máy	: 3,8 kg

Phụ kiện kèm theo
: lục giác, lưỡi cửa,
cửa song song, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,698,000 VNĐ
06016C30K0

GKS 235 TURBO

Máy cửa đĩa



Công suất	: 2,050 W
Tốc độ cắt không tải	: 5,300 v/p
Độ sâu cắt tối đa (Góc 45° / 90°)	: 65 / 85 mm
Kích thước mặt đế	: 383x170 mm
Đường kính lưỡi cửa tối đa	: 235 mm
Độ dày thân lưỡi tối đa	: 2,2 mm
Đường kính trục	: 25 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 277 / 403 mm
Trọng lượng máy	: 7,6 kg

Phụ kiện kèm theo
: 1 lục giác, 1 lưỡi cửa,
1 cửa dẫn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,058,000 VNĐ
06015A20K0

GSA 120

Máy cửa kiểm



Công suất	: 1,200 W
Tốc độ cắt không tải	: 0-3,000 n/p
Nhíp cắt	: 29 mm
Độ sâu cắt tối đa (Gỗ / Kim loại / Ống nước)	: 220 / 20 / 220 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 165 / 475 mm
Trọng lượng	: 3,7 kg
Phụ kiện kèm theo	: phụ kiện, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,328,000 VNĐ
06016B10K0



MÁY ĐẾ BÀN

GCO 220

Máy cắt sắt



Công suất	: 2,200 W
Tốc độ cắt không tải	: 3,800 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 355 mm
Độ dày đĩa cắt	: 3 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 400 / 520 mm
Trọng lượng	: 15 kg
Phụ kiện kèm theo	: tản kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,478,000 VND
0601B373K0

GCO 14-24

Máy cắt sắt



Công suất	: 2,400 W
Tốc độ cắt không tải	: 3,800 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 355 mm
Độ dày đĩa cắt	: 3 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 400 / 520 mm
Trọng lượng	: 17 kg
Phụ kiện kèm theo	: tản kẹp, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,008,000 VND
0601B371K0

GCD 12 JL

Máy cắt kim loại



Công suất	: 2,000 W
Tốc độ cắt không tải	: 1,600 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 305 mm
Độ dày đĩa cắt	: 1,8-2,5 mm
Kích thước vật liệu tối đa khi cắt 0° (tròn / vuông / chữ nhật / L)	: 115 / 100x100 / 158x80 / 110x110 mm
Kích thước vật liệu tối đa khi cắt 45° (tròn / vuông / chữ nhật / L)	: 90 / 85x85 / 85x85 / 85x85 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 383 / 517 mm
Trọng lượng	: 20 kg
Phụ kiện kèm theo	: đĩa cắt, tản kẹp, chia vận, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

12,418,000 VND
0601B28000

GCM 10 MX

Máy cửa đa năng



Công suất	: 1,700 W
Tốc độ không tải	: 4,800 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Độ dày đĩa cắt	: 1,8-2,8 mm
Đường kính cốt trục	: 25,4 mm
Khả năng cắt tối đa (vát đứng / vát xiên)	: - 0° / 0°: cao 89x89 mm, rộng 62x130 mm - 45° / 45°: cao 44x67 mm, rộng 32x91 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 565 / 470 mm
Trọng lượng	: 16,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: lưỡi cưa, chia vận, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

7,168,000 VND
0601B290K0

GCM 254

Máy cửa đa năng



Công suất	: 1,750 W
Tốc độ không tải	: 5,000 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Góc nghiêng điều chỉnh (trái phải)	: 47° / 52°
Khả năng cắt tối đa (vát đứng / vát xiên)	: 90 / 130 mm - 0°/0° cao: 90x90mm rộng: 65x130mm - 45°/45°(trái) cao: 35x91mm rộng: 35x91mm - 45°/45°(phải) cao: 55x70mm rộng: 45x91mm
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 566 / 555 / 495 mm
Trọng lượng	: 11.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
0601B520K0

GCM 254 SD

Máy cửa đa năng



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 4,800 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Góc nghiêng điều chỉnh (trái phải)	: 50° / 60°
Khả năng cắt tối đa (vát đứng / vát xiên)	: 90 / 310 mm 0°/0°: cao 90x310mm; 45°/45°(trái): cao 45x210mm 45°/45°(phải): cao 35x210mm
Kích thước (Cao/dài/rộng)	: 580 / 772 / 531 mm
Trọng lượng	: 19.5 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

Liên Hệ
0601B530K0

GCM 12 SDE

Máy cửa đa năng



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 3,100-4,000 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 305 mm
Độ dày đĩa cắt	: 1,7-2,6 mm
Đường kính cốt trục	: 30 mm
Khả năng cắt tối đa (vát đứng / vát xiên)	: - 0° / 0°: 85 x 370 mm - 45° / 45° trái: 60 x 240 mm - 45° / 45° phải: 38 x 250 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 530 / 600 mm
Trọng lượng	: 28,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: lưỡi cưa, chia vận, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

21,888,000 VND
0601B23100

GTS 254

Máy cửa đĩa để bàn



Công suất	: 1,800 W
Tốc độ không tải	: 4,300 vòng/phút
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Đường kính trục đĩa cắt	: 30 mm
Kích thước bàn	: 555 / 555 mm
Kích thước dụng cụ (Rộng / Dài / Cao)	: 690 x 620 x 1,000 mm
Chiều cao vật liệu cắt tối đa (0° / 45°)	: 80 / 55 mm
Trọng lượng	: 24.4kg
Phụ kiện kèm theo	: 1 lưỡi cưa

Giá tham khảo
Mã hàng

8,018,000 VND
0601B450K0

GTS 10 XC

Máy cửa đĩa để bàn



Công suất	: 2,100 W
Tốc độ không tải	: 4,200 v/p
Đường kính đĩa cắt tối đa	: 254 mm
Đường kính trục đĩa cắt	: 30 mm
Độ dày thân lưỡi / Độ dày răng lưỡi	: < 2,2 mm / > 2,4 mm
Kích thước máy (Rộng / Ngang / Cao)	: 810 / 768 / 343 mm
Chiều cao vật liệu cắt tối đa (0° / 45°)	: 79 / 56 mm
Trọng lượng	: 35 kg
Phụ kiện kèm theo	: lưỡi cưa, que đẩy, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

19,288,000 VND
0601B30400

MÁY CẮT GẠCH/ MÁY CẮT

GHO 6500

Máy bào



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 16,500 v/p
Độ sâu bào	: 0-2,6 mm
Độ sâu bào soi	: 0-9 mm
Bề rộng bào tối đa	: 82 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 140 / 280 mm
Trọng lượng	: 2,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: lục giác, hộp gá mài lưỡi, cửa dẫn, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,888,000 VND
06015960K0



MÁY CHÀ NHẨM/ MÁY PHAY

GSS 140

Máy chà nhám rung



Công suất	: 220 W
Tần suất vòng xoay	: 28,000 n/p
Tốc độ xoay không tải	: 14,000 v/p
Đường kính vòng xoay	: 1,5 mm
Kích cỡ giấy nhám (Lắp vào thông qua kẹp)	: 114x140 mm
Kích cỡ đế chà	: 105x113 mm
Trọng lượng	: 1,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: 3 miếng nhám, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,108,000 VND
06012A80K0

GSS 2300

Máy chà nhám rung



Công suất	: 190 W
Tần suất vòng xoay	: 24,000 n/p
Tốc độ xoay không tải	: 12,000 v/p
Đường kính vòng xoay	: 2,0 mm
Kích cỡ giấy nhám	: 93x230 mm
Kích cỡ đế chà	: 92x182 mm
Trọng lượng	: 1,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: 3 miếng nhám, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,898,000 VND
06012980K0

GEX 125-1 AE

Máy chà nhám băng



Công suất	: 250 W
Tần suất vòng xoay	: 15,000-24,000 n/p
Tốc độ xoay không tải	: 7,500-12,000 v/p
Đường kính vòng xoay	: 2,5 mm
Đường kính mặt nhám	: 125 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 150 / 227 mm
Trọng lượng	: 1,3 kg
Phụ kiện kèm theo	: 3 miếng nhám, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,388,000 VND
06013875K0

GBL 620

Máy thổi gió



Công suất	: 620 W
Tốc độ không tải	: 16,000 v/p
Áp lực khí, tối đa	: 60 mbar
Lưu lượng khí tối đa	: 3,5 m³ / phút
Trọng lượng	: 1,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: mũi thổi, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,408,000 VND
06019805K0

GBL 82-270

Máy thổi gió



Công suất	: 820 W
Tốc độ không tải	: 16,000 v/p
Áp lực khí tối đa	: 0-72 mbar
Lưu lượng khí tối đa	: 4,5 m³ / phút
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 215 / 500 mm
Trọng lượng	: 1,8 kg
Phụ kiện kèm theo	: mũi thổi, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,838,000 VND
06019804K1

GKF 550

Máy phay



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 33,000 v/p
Đầu cấp	: 6 mm-1/4 inches
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 188 / 88 mm
Trọng lượng	: 1,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: khóa mở, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

1,838,000 VND
06016A00K0

GOF 130

Máy phay



Công suất	: 1,300 W
Tốc độ không tải	: 11,000-28,000 v/p
Vành kẹp tương thích	: 6-8 mm
Độ sâu phay tối đa	: 55 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 272 / 277 mm
Trọng lượng	: 3,5 kg
Phụ kiện kèm theo	: Chìa vận, cửa song song, đầu nối bụi, bộ mẫu kẹp, phụ kiện khác

Giá tham khảo
Mã hàng

3,098,000 VND
06016B70K1

GTR 550

Máy chà tường



Công suất	: 550 W
Tốc độ không tải	: 340-910 v/p
Đường kính miếng chà	: 225 mm
Kích thước sản phẩm (Dài)	: 1.1 / 1.7 / 2.3 m
Trọng lượng	: 4,8kg (1.7m) / 4,1kg (1.1m)
Phụ kiện đi kèm	: Phụ kiện cơ bản, valy

Giá tham khảo
Mã hàng

7,728,000 VND
06017D40K0



MÁY MÀI BÀN

GBG 35-15

Máy mài để bàn hai đá



Công suất	: 350 W
Tốc độ không tải	: 3,000 v/p
Đường kính đĩa mài	: 150 mm
Bề rộng đĩa mài	: 20 mm
Đường kính trục	: 20 mm
Kích cỡ hạt	: 24 / 60
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 225 / 342 mm
Trọng lượng	: 10 kg
Phụ kiện kèm theo	: bánh mài độ hạt 24/60, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

3,068,000 VND
060127A3K0

GBG 60-20

Máy mài để bàn hai đá



Công suất	: 600 W
Tốc độ không tải	: 3,600 v/p
Đường kính đĩa mài	: 200 mm
Bề rộng đĩa mài	: 25 mm
Đường kính trục	: 32 mm
Kích cỡ hạt	: 24 / 60
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 230 / 370 mm
Trọng lượng	: 15 kg
Phụ kiện kèm theo	: bánh mài độ hạt 24/60, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,638,000 VND
060127A4K0

MÁY BẮT VÍT THẠCH CAO

GTB 650

Máy bắt vít thạch cao



Công suất	: 650 W
Tốc độ không tải	: 0-5,000 v/p
Phần lắp dụng cụ	: lực giác trong ¼"
Đường kính vít tối đa	: 6 mm
Kích thước dụng cụ (Cao / Dài)	: 190 / 283 mm
Trọng lượng	: 1,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: valy

Giá tham khảo
Mã hàng

2,568,000 VND
06014A20K0

MÁY HÚT BỤI

GAS 15
Máy hút bụi



Công suất	: 1,100 W
Dung tích khoang chứa (tổng thể)	: 15 L
Dung tích túi bụi	: 8 L
Mức chân không tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 22 / 22 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 33 / 53 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 440 / 360 mm
Trọng lượng	: 9,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: ống nối, đầu hút, túi chứa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,128,000 VND
06019E50K0

GAS 15 PS
Máy hút bụi



Công suất	: 1,100 W
Dung tích khoang chứa (tổng thể)	: 15 L
Dung tích túi bụi	: 8 L
Mức chân không tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 22 / 22 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 33 / 53 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 440 / 360 mm
Trọng lượng	: 9,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

4,688,000 VND
06019E51K0

GAS 12-25
Máy hút bụi



Công suất	: 1,250 W
Dung tích khoang chứa (tổng thể)	: 25 L
Dung tích túi bụi	: 20 L
Mức chân không tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 19 / 20 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 36 / 65 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 453 / 483 mm
Trọng lượng	: 8,6 kg
Phụ kiện kèm theo	: ống nối, đầu hút, túi chứa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

5,158,000 VND
060197C0K0

MÁY NGHE NHẠC CÔNG TRÌNH

GAS 12-25 PL
Máy hút bụi



Công suất	: 1,250 W
Dung tích khoang chứa (tổng thể)	: 25 L
Dung tích túi bụi	: 20 L
Mức chân không tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 19 / 20 kPa
Lưu lượng khí tối đa (Máy hút bụi / Tuabin)	: 36 / 65 kPa
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 453 / 483 mm
Trọng lượng	: 9 kg
Phụ kiện kèm theo	: ống nối, đầu hút, túi chứa, hộp giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

6,258,000 VND
060197C1K0

GML 50
Máy nghe nhạc /
radio công trình



Điện áp đầu vào, pin	: AC 220V, Pin 14,4V-18V
Công suất định mức	: 50 W
Định dạng file nhạc hỗ trợ	: MP3, WMA
Tần số vô tuyến AM	: 531-1,602 kHz
Tần số vô tuyến FM	: 87,5-108 MHz
Số đài có sẵn	: 30
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 342 / 352 mm
Trọng lượng	: 11,2 kg
Phụ kiện kèm theo	: cáp Aux-In, Remote, thùng giấy

Giá tham khảo
Mã hàng

8,708,000 VND
0601429600



MÁY PHUN HƠI NÓNG

GHG 18-60

Máy thổi hơi nóng



Công suất	: 1,800 W
Nhiệt độ đầu ra	: 50 / 300 / 600°C
Lưu lượng khí	: 200 / 350 / 500 L/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 243 / 238 mm
Trọng lượng	: 0,52 kg
Phụ kiện kèm theo	: hộp giấy

Giá tham khảo **1,768,000 VNĐ**
Mã hàng **06012A61K0**

GHG 20-63

Máy thổi hơi nóng



Công suất	: 2,000 W
Nhiệt độ đầu ra	: 50-630°C
Lưu lượng khí	: 150-500 l/p
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 201 / 245 mm
Trọng lượng	: 0,65 kg
Phụ kiện kèm theo	: bộ mũi khô, hộp giấy

Giá tham khảo **2,488,000 VNĐ**
Mã hàng **06012A62K0**

MÁY BẮN KEO

GKP 200 CE

Súng bắn keo



Công suất (Làm nóng / Giữ nóng)	: 500 / 30 W
Nhiệt độ keo	: 200°C
Khả năng tạo keo	: 30 g/p
Thời gian làm nóng	: 4 phút
Kích thước thanh keo (Đường kính / Độ dài)	: 11 / 45-200 mm
Kích thước máy (Cao / Dài)	: 175 / 205 mm
Trọng lượng	: 0,4 kg
Phụ kiện kèm theo	: bộ mũi, hộp nhựa

Giá tham khảo **2,018,000 VNĐ**
Mã hàng **0601950703**

PHỤ KIỆN

L-BOXX --- 136

Hộp công cụ



Sử dụng được với	: Tất cả dụng cụ điện
Kích thước (Rộng x Dài x Cao)	: 442x357x151 mm
Trọng lượng	: 1,9 kg

Giá tham khảo **918,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A012G0**

L-BOXX --- 238

Hộp công cụ



Sử dụng được với	: Tất cả dụng cụ điện
Kích thước (Rộng x Dài x Cao)	: 442x357x253 mm
Trọng lượng	: 2,4 kg

Giá tham khảo **908,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A012G2**

Phễu chụp bụi máy khoan

Phụ kiện máy khoan



Tương thích với	: Máy khoan búa mũi SDS Plus 18-36V (2-4 kg)
Đường kính khoan	: 13x10x24 cm
Kích thước (Cao / Dài)	: 13x10x24 cm
Trọng lượng	: 0,5 kg

Giá tham khảo **218,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A00D6H**

GDE 24

Đầu nối hút bụi máy khoan



Tương thích với	: GBH 2-20, 2-22, 2-23, 2-26
Kích thước (Cao / Dài)	: 25x10x15 cm
Trọng lượng	: 0,3 kg

Giá tham khảo **188,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A01M9V**

GDE 12

Phụ kiện chứa bụi máy khoan pin



Tương thích với	: GBH 185-LI
Đường kính khoan tối đa	: 12 mm
Trọng lượng	: 1,1 kg

Giá tham khảo **2,158,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A02BW0**

GDE HEX

Đầu nối hút bụi máy đục mũi Hex



Tương thích với	: Tất cả máy đục mũi lục giác của Bosch
Kích thước (Cao / Dài)	: 129 / 970 mm
Trọng lượng	: 0,915 kg

Giá tham khảo **2,468,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A001GA**

GDE MAX

Đầu nối hút bụi máy đục mũi SDS-MAX



Sử dụng được với	: Tất cả khoan búa và khoan đục phá bê tông Bosch sử dụng mũi SDS Max
Kích thước (Cao / Dài)	: 129 / 410-660 mm
Trọng lượng	: 0,75 kg

Giá tham khảo **2,318,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A001G9**

GDE 125 FC-T

Đầu nối hút bụi máy mài



Phù hợp với đĩa mài có đường kính	: 125 mm
Độ sâu đường cắt tối đa	: 25 mm
Tương thích với các model	: GWX...-125; GWX 18V -... (Ø 125mm); GWS 11-125 - GWS 19-125; GWS 1000 - GWS 1400; GWS 18V-10 (Ø 125mm); GWS 18V-15 (Ø 125mm); GWS 18V-125
Kích thước (Cao / Dài)	: 227 / 188 mm
Trọng lượng	: 0,7 kg

Giá tham khảo **1,358,000 VNĐ**
Mã hàng **1600A003DK**





BOSCH

GIẢI PHÁP ĐO LƯỜNG THỜI ĐẠI 4.0

Nâng cấp công việc của bạn với bộ sản phẩm mới có khả năng kết nối với điện thoại thông minh qua bluetooth. Việc chuyển hình ảnh nhiệt hồng ngoại, lưu trữ dữ liệu đo, hay điều khiển máy cân mực từ xa nhằm tăng độ chính xác và thuận tiện nay nằm gọn trong lòng bàn tay bạn.

Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.



ỨNG DỤNG CỦA DỤNG CỤ ĐO LASER & KỸ THUẬT SỐ



Máy đo khoảng cách laser

- Khảo sát, đo đạc phạm vi thi công; lắp đặt, trang trí nội ngoại thất
- Ước lượng vật tư như gạch lát sàn, sơn tường, độ dài dây điện, diện tích rèm cửa...
- Kiểm tra kích thước phần thô sau khi thi công
- Kiểm tra góc nghiêng (tay vịn cầu thang...), độ phẳng (mặt sàn, bậc cầu thang...)



Máy cân mực laser

- Ốp lát sàn, tường, thi công trần thạch cao...
- Đi dây / cáp điện, công tắc, ổ cắm, lắp đèn, ống nước, điều hòa nhiệt độ, lát gạch sàn/ tường...
- Trang trí nội thất: treo tủ, kệ, lắp cửa, vách ngăn...



Máy đo độ nghiêng & đo góc kỹ thuật số

- Kiểm tra độ thẳng bằng khi lắp đặt nội thất
- Đo độ nghiêng / dốc của mái nhà, thanh vịn cầu thang, mặt đường...
- Xác định / kiểm tra góc để lắp đặt, đóng khung, các vật dụng đã hoàn thiện...



Máy đo nhiệt độ

- Kiểm tra nhiệt độ bề mặt tại hòng gió điều hòa nhiệt độ, lò nung, ống nước, kho hàng, sàn nhà trước khi thi công...
- Kiểm tra nhiệt độ tủ máy, động cơ hoặc những nơi khó chạm tới...
- Kiểm tra công trình xây dựng, phát hiện rò khí / nước...



Máy dò đa năng

- Dò tìm các vật thể nằm trong tường (gỗ, kim loại...) nhằm hạn chế rủi ro khoan/đục trúng vật thể
- Hỗ trợ kiểm tra, tìm kiếm lỗi và sửa chữa các đường ống nước, dây điện, thiết bị máy móc trong công nghiệp, xe hơi, nơi góc nhỏ hẹp không thể trực tiếp nhìn vào...



Máy thủy bình

- Sử dụng trong trắc địa: xây dựng công trình, cảnh quan, kiến trúc...

BIỂU TƯỢNG VÀ Ý NGHĨA



Màn hình hiển thị có đèn



Màn hình hiển thị có màu



Có khả năng đo góc



Chức năng "Chữ số lớn"



Phản hồi rung



Camera / Ống ngắm



Khả năng chống bụi & tia nước



Tia / Điểm laser xanh



Sử dụng được 2 bộ nguồn



Tích hợp sẵn pin Li-ion trong máy



Tương thích với 2 loại lỗ ren



Kết nối bằng dây cáp USB



Ứng dụng MeasureOn



Ứng dụng Levelling Remote



Ứng dụng Bosch Thermal

So sánh máy đo khoảng cách laser

•	•	•	•	•	•		Đo chiều dài
•	•	•	•	•	•		Đo diện tích, đo thể tích
•	•	•	•	•	•		Đo liên tục (đo thước kéo)
—	—	•	•	•	•		Đo diện tích tường
—	—	•	•	•	•		Đo gián tiếp khoảng cách
•	•	•	•	•	•		Đo gián tiếp chiều cao 1 lần
—	—	•	•	•	•		Đo gián tiếp chiều cao 2 lần
—	—	—	—	•	•		Đo hình thang
—	—	•	•	•	•		Đo chia khoảng
—	—	•	•	•	•		Đo góc
—	—	50 m	50 m	•	•		Chức năng hẹn giờ
40 m	40 m	—	—	•	•		Camera/ Ống ngắm phóng đại
—	—	—	—	—	—		Pin li-on
—	—	—	—	•	•		Thanh ghim đo từ góc
—	—	—	•	•	•		Kết nối bằng bluetooth
							
GLM 40 Professional	GLM 400 Professional	GLM 50-23 G Professional	GLM 50-27 CG Professional	GLM 100-25 C Professional	GLM 150C Professional		
						• Có chức năng này — Không có chức năng này	

MÁY ĐO KHOẢNG CÁCH LASER

GLM 40

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.15 - 40 m
Sai số	: ± 2 mm
Bộ nhớ	: 10 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR03 (AAA)
Trọng lượng	: 90 g
Kích thước	: 105 x 41 x 24 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

2,259,000 VND
06010729K0

GLM 400

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.05 - 40 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 15 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR03 (AAA)
Trọng lượng	: 100 g
Kích thước	: 106 x 45 x 24 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

2,389,000 VND
0601072RK0

GLM 50-23 G

Máy đo khoảng cách laser xanh



Loại laser	: 515 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.05 m - 50 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 30 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 160 g
Kích thước	: 119 x 53 x 29 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,549,000 VND
0601072VK0

GLM 50-27 CG

Máy đo khoảng cách laser xanh



Loại laser	: 515 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.05 m - 50 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 30 phép đo
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 170 g
Kích thước	: 119 x 53 x 29 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,839,000 VND
0601072UK0

GLM 100-25 C

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.08 - 100 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 50 phép đo
Bộ nguồn	: 3 x 1.5 V LR6 (AA)
Ổng ngắm kỹ thuật số	: 5 MP
Trọng lượng	: 230 g
Kích thước	: 142(176) x 64 x 28 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

5,779,000 VND
0601072YK0

GLM 150 C

Máy đo khoảng cách laser



Loại laser	: 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.08 - 150 m
Sai số	: ± 1.5 mm
Bộ nhớ	: 50 phép đo
Bộ nguồn	: 3 x 1.5 V LR6 (AA)
Ổng ngắm kỹ thuật số	: 5 MP
Trọng lượng	: 230 g
Kích thước	: 142 (176) x 64 x 28 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

8,039,000 VND
0601072FK0

THƯỚC ĐO ĐỘ NGHIÊNG / THƯỚC ĐO GÓC KỸ THUẬT SỐ

GIM 60 / 120

Thước đo độ nghiêng Kỹ thuật số



	GIM 60	GIM 120
Phạm vi đo	: 0 - 360° (4 x 90°)	: 0 - 360° (4 x 90°)
Sai số		
0° / 90°	: ± 0.05°	: ± 0.05°
1° - 89°	: ± 0.2°	: ± 0.2°
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 770 g	: 1400 g
Kích thước	: 608 x 27 x 59 mm	: 1250 x 27 x 59 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,399,000 VND
0601076700

4,579,000 VND
0601076800

GIM 60 L

Thước đo độ nghiêng Kỹ thuật số
kết hợp điểm Laser



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 0.08 - 150 m
Với thước đo	: 0 - 360° (4 x 90°)
Với tia laser	: 30 m
Sai số của thước đo	
0° / 90°	: ± 0.05°
1° - 89°	: ± 0.1°
Sai số của tia laser	
Theo hướng thẳng đứng	: ± 0.5 mm/m
Theo hướng ngang	: ± 1 mm/m
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 910 g
Kích thước	: 618 x 27 x 59 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

5,569,000 VND
0601076900

GAM 220

Thước đo góc Kỹ thuật số



Phạm vi đo	: 0 - 220°
Sai số	: ± 0.1°
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 1300 g
Kích thước	: 447 x 52 x 60 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,329,000 VND
0601076500

So sánh máy cân mực laser tia đỏ

	GLL 3-15 X	GLL 5-50 X	GLL 3-80	GCL 25	GTL 3
Số tia	3 tia: - Mặt chính diện: 2 tia vuông góc 1 mặt bên hông: 1 tia đứng	5 tia: - Mặt chính diện: 2 tia vuông góc 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 tia đứng - Mặt sau: 1 tia đứng	12 tia: - Mặt chính diện: 2 tia vuông góc 2 mặt bên hông: mỗi mặt 2 tia vuông góc - Mặt sau: 2 tia vuông góc - Mặt trần: 2 tia vuông góc - Mặt sàn: 2 tia vuông góc	2 tia: Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	3 tia: 2 tia vuông góc 1 tia ở giữa tạo góc 45°
Số giao điểm vuông góc	2 giao điểm: - Mặt chính diện: 1 giao điểm - Mặt trần: 1 giao điểm	2 giao điểm: - Mặt chính diện: 1 giao điểm - Mặt trần: 1 giao điểm	6 giao điểm: - Mặt chính diện: 1 giao điểm 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 giao điểm - Mặt sau: 1 giao điểm - Mặt trần: 1 giao điểm - Mặt sàn: 1 giao điểm	1 giao điểm: Mặt chính diện: 1 giao điểm	Không có giao điểm
Số điểm	1 điểm: Mặt sàn	1 điểm: Mặt sàn	Không có điểm	5 điểm: - Mặt chính diện: 1 điểm 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 điểm - Mặt trần: 1 điểm - Mặt sàn: 1 điểm	Không có điểm

So sánh máy cân mực laser tia xanh

	GLL 30 G	GCL 2-15 G	GCL 2-50 CG	GLL 3-60 XG	GLL 3-80 CG	GRL 300 HVG	GPL 5 G
Số tia	2 tia: Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	2 tia: Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	2 tia: Mặt chính diện: 2 tia vuông góc	12 tia: - Mặt chính diện: 2 tia vuông góc 2 mặt bên hông: mỗi mặt 2 tia vuông góc - Mặt sau: 2 tia vuông góc - Mặt trần: 2 tia vuông góc - Mặt sàn: 2 tia vuông góc	12 tia: - Mặt chính diện: 2 tia vuông góc 2 mặt bên hông: mỗi mặt 2 tia vuông góc - Mặt sau: 2 tia vuông góc - Mặt trần: 2 tia vuông góc - Mặt sàn: 2 tia vuông góc	Không có tia	Không có tia
Số giao điểm vuông góc	1 giao điểm: Mặt chính diện: 1 giao điểm	1 giao điểm: Mặt chính diện: 1 giao điểm	1 giao điểm: Mặt chính diện: 1 giao điểm	6 giao điểm: - Mặt chính diện: 1 giao điểm 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 giao điểm - Mặt sau: 1 giao điểm - Mặt trần: 1 giao điểm - Mặt sàn: 1 giao điểm	6 giao điểm: - Mặt chính diện: 1 giao điểm 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 giao điểm - Mặt sau: 1 giao điểm - Mặt trần: 1 giao điểm - Mặt sàn: 1 giao điểm	Không có giao điểm	Không có giao điểm
Số điểm	Không có điểm	2 điểm: - Mặt trần: 1 điểm - Mặt sàn: 1 điểm	2 điểm: - Mặt trần: 1 điểm - Mặt sàn: 1 điểm	Không có điểm	Không có điểm	Điểm laser xoay	5 điểm: - Mặt chính diện: 1 điểm 2 mặt bên hông: mỗi mặt 1 điểm - Mặt trần: 1 điểm - Mặt sàn: 1 điểm



MÁY CÂN MỰC LASER TIA ĐỎ (máy vạch đường chuẩn)

GLL 3-15 X

Máy cân mực laser tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 15 m
Với điểm	: 5 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 3°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 720 g
Kích thước	: 122 x 83 x 129 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,779,000 VNĐ
0601063M80

GLL 5-50 X

Máy cân mực laser tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 15 m
Với thiết bị nhận tia	: 50 m
Với điểm	: 5 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 3°
Thời gian tự cân bằng	: 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 540 g
Kích thước	: 122 x 83 x 129 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

4,739,000 VNĐ
0601063N80

GLL 3-80

Máy cân mực laser tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 10 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 30 m
Với thiết bị nhận tia	: 120 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 820 g
Kích thước	: 149 x 84 x 142 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

13,239,000 VNĐ
0601063S00

GCL 25

Máy cân mực laser tia & điểm đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 10 m
Với điểm nằm ngang	: 30 m
Với điểm trên trần	: 10 m
Với điểm dưới sàn	: 5 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3 mm/m
Điểm	: ± 0.5 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 580 g
Kích thước	: 155 x 56 x 118 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

7,049,000 VNĐ
0601066B00

MÁY CÂN MỰC LASER TIA XANH (máy vạch đường chuẩn)

GTL 3

Máy cân vạch lát gạch 3 tia đỏ



Loại laser	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 20 m
Sai số	: ± 0.2 mm/m
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 440 g
Kích thước	: 156 x 102 x 98 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,829,000 VNĐ
0601015200

GLL 30 G

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	: 500 – 540 nm, < 5 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 10 m
Sai số	: ± 0.8 mm/m
Thời gian tự cân bằng	: 6 giây
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 250 g
Kích thước	: 71 x 55 x 72 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,209,000 VNĐ
0601063V80

GCL 2-15 G

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500 – 540 nm, < 10 mW
Điểm	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 15 m
Với điểm	: 10 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3 mm/m
Điểm	: ± 0.7 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4 °
Thời gian tự cân bằng	: 4 giây
Bộ nguồn	: 3 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 540 g
Kích thước	: 122 x 83 x 129 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

5,189,000 VNĐ
0601066J00

GCL 2-50 CG

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	
Tia	: 500 – 540 nm, < 10 mW
Điểm	: 630 – 650 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 20 m
Với thiết bị nhận tia	: 50 m
Với điểm	: 10 m
Sai số	
Tia	: ± 0.3 mm/m
Điểm	: ± 0.7 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4 °
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 580 g
Kích thước	: 136 x 122 x 55 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

6,299,000 VNĐ
0601066H80

GLL 3-60 XG

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	: 500 – 540 nm, < 10 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 30 m
Với thiết bị nhận tia	: 60 m
Sai số	: ± 0.3 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 3°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 780 g
Kích thước	: 149 x 84 x 142 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

12,129,000 VNĐ
0601063ZK0

GLL 3-80 CG

Máy cân mực laser tia xanh



Loại laser	: 500 – 540 nm, < 10 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	
Với tia	: 30 m
Với thiết bị nhận tia	: 120 m
Sai số	: ± 0.2 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 860 g
Kích thước	: 162 x 84 x 148 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

16,829,000 VNĐ
0601063U80

GRL 300 HVG

Máy định vị laser xoay tia xanh



Loại laser	: 532 nm, < 5 mW
Cấp độ laser	: 3R
Phạm vi đo	
Với tia	: 100 m
Với thiết bị nhận tia	: 300 m
Sai số	: ± 0.1 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 8% (± 5°)
Thời gian tự cân bằng	: 15 giây
Tốc độ xoay	: 150 / 300 / 600 v/p
Góc mở	: 10 / 25 / 50°
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR20 (D)
Trọng lượng	: 1800 g
Kích thước	: 190 x 180 x 170 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

19,059,000 VNĐ
0601061703

GPL 5 G

Máy định vị laser 5 điểm xanh



Loại laser	: 500 – 540 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi đo	: 30 m
Sai số	: ± 0.35 mm/m
Phạm vi tự cân bằng	: ± 4°
Thời gian tự cân bằng	: < 4 giây
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 350 g
Kích thước	: 115 x 50 x 113 mm

Giá tham khảo
Mã hàng

3,389,000 VNĐ
0601066P00

MÁY ĐO NHIỆT

! Máy đo nhiệt độ chỉ được dùng để đo nhiệt bề mặt của vật thể, KHÔNG sử dụng để đo thân nhiệt trong các mục đích y tế.

GIS 500

Máy đo nhiệt độ



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Dải nhiệt bề mặt đo được	: -30...+500°C
Sai số	
-30°C ≤ t ≤ -10°C	: ± (1.8°C + 0.1 x t°C)
-10°C < t < 0°C	: ± 2.8°C
0°C ≤ t < 100°C	: ± 1.8°C
100°C ≤ t ≤ 500°C	: ± 1.8%
Hệ số phát xạ	: 0.75; 0.85; 0.95
Tỷ lệ khoảng cách/ đường kính nguồn nhiệt	: 12:1
Bộ nguồn	: 2 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 220 g
Kích thước	: 171 x 101 x 54 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **1,799,000 VND**
0601083480

GIS 1000 C

Máy đo nhiệt độ & độ ẩm



Loại laser	: 635 nm, < 1 mW
Cấp độ laser	: 2
Phạm vi làm việc	: 0.1 - 5 m
Nhiệt độ	
Bề mặt vùng đo	: -40...+1000°C
Tiếp xúc	: -40...+1000°C
Môi trường xung quanh	: -10...+50°C
Độ ẩm không khí tương đối	: 0...100%
Sai số	
Nhiệt độ	: ± 1°C
Độ ẩm	: ± 2%
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 550 g
Kích thước	: 136 x 89 x 214 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **10,019,000 VND**
06010833K1

GTC 400 C

Máy đo nhiệt hồng ngoại



Độ phân giải hồng ngoại (IR)	: 160 x 120 px
Độ nhạy	: < 50 mK
Dải nhiệt bề mặt đo được	: -10...+400°C
Sai số	
-10...+10°C	: ± 3°C
+10...+100°C	: ± 3°C
> +100°C	: ± 3%
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Bộ nhớ	: 500 hình ảnh
Trọng lượng	: 540 g
Kích thước	: 233 x 95 x 63 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **29,829,000 VND**
0601083150

MÁY DÒ ĐA NĂNG

! Máy dò đa năng là công cụ hỗ trợ giảm thiểu rủi ro khi thi công, tránh khoan/đục nhầm vật thể sau tường. Đối với dây điện âm tường, có một số trường hợp máy không phát hiện do môi trường từ tính xung quanh và thiết kế dây điện. Quý khách hàng cần lưu ý & tham khảo thêm các nguồn thông tin khác như sơ đồ, bản vẽ...

GMS 120

Máy dò đa năng



Độ sâu dò tìm tối đa	
Kim loại đen	: 120 mm
Kim loại màu (đồng)	: 80 mm
Gỗ	: 38 mm
Sai số	: 5 mm
Bộ nguồn	: 9V 6LR61 (AA)
Trọng lượng	: 270 g
Kích thước	: 200 x 85 x 32 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **3,209,000 VND**
0601081000

D-tect 120

Máy dò đa năng



Độ sâu dò tìm tối đa	
Với tường gạch	: 6 cm
Với vách khô	: 6 cm
Với tường bê tông	: 12 cm
Sai số dò tìm tối tâm vật thể	: ± 10 mm
Vật liệu có thể dò tìm được	
Kim loại	: Gỗ
	: Ống nhựa PVC có nước
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 500 g
Kích thước	: 206 x 92 x 85 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **5,439,000 VND**
06010813K0

D-tect 200 C

Máy dò đa năng



Độ sâu dò tìm tối đa	
Với bê tông	: 200 mm (vật thể kim loại)
	: 80 mm (vật thể khác)
Với bê tông mới đổ	: 60 mm (vật thể kim loại)
Với tường khô	: 38 mm (vật thể gỗ)
Với tường gạch	: 50 mm
Với các loại tường khác	: 80 mm
Sai số dò tìm tối tâm vật thể	: ± 5 mm
Vật liệu có thể dò tìm được	
Kim loại	: Gỗ
	: Ống nhựa PVC
	: Dây điện
Bộ nguồn	: 4 x 1.5V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 640 g
Kích thước	: 231 x 112 x 106 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **14,179,000 VND**
06010816K0

MÁY THỦY BÌNH

GIC 120 C

Máy camera thăm dò



Độ dài dây	: 120 cm
Đường kính đầu camera	: 8.5 mm
Độ phóng đại	: 2 lần
Chụp hình / Quay phim	: Có
Bộ nhớ ngoài	: Thẻ nhớ SD
Bộ nguồn	: 4 x 1.5 V LR6 (AA)
Trọng lượng	: 640 g
Kích thước	: 217 x 90 x 49 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **9,849,000 VND**
06012412K0

GOL 26 D

Máy thủy bình



Phạm vi làm việc	: 100 m
Sai số	: 1.6 mm / 30 m
Độ phóng đại	: 26 lần
Trọng lượng	: 1500 g
Kích thước	: 145 x 215 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **5,189,000 VND**
0601068000

GOL 32 D

Máy thủy bình



Phạm vi làm việc	: 120 m
Sai số	: 1 mm / 30 m
Độ phóng đại	: 32 lần
Trọng lượng	: 1500 g
Kích thước	: 145 x 215 mm

Giá tham khảo
Mã hàng **6,309,000 VND**
0601068500

Phụ kiện dùng cho Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số

	GLM 40	GLM 400	GLM 50- 23 G	GLM 50- 27 CG	GLM 100- 25 C	GLM 150 C	GLL 3-15 X	GLL 5-50 X	GLL 3-80	GCL 25	GLL 30 G	GCL 2-15 G	GCL 2-50 CG	GLL 3-60 XG	GLL 3-80 CG	GRL 300 HVG	GPL 5 G	GOL 26 D	GOL 32 D
 BT 150-1/4" GTĐ 609,000 VND	●	●	●	●	●	●	-	-	●	●	●	●	●	●	●	-	●	-	-
 BT 150-5/8" GTĐ 689,000 VND	-	-	-	-	-	-	●	●	●	●	-	●	-	●	●	●	-	-	-
 BM 1 GTĐ 1,099,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●	●	●	●	●	●	-	●	-	-
 MM 2 GTĐ 299,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●	●	●	●	●	●	-	●	-	-
 RM 3 GTĐ 2,469,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	●	-	-	-	-	-	-
 LR 6 GTĐ 1,479,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	●	●	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
 LR 7 GTĐ 2,349,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	●	●	-	-	-	●	●	●	-	-	-	-
 BT 160 GTĐ 979,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●
 GR 500 GTĐ 1,099,000 VND	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	●	●



BOSCH

● Phụ kiện sử dụng được với máy
- Phụ kiện không sử dụng được với máy

Tải ứng dụng
trên App Store



Tải ứng dụng
trên Google Play



SẴN SÀNG MỌI THÔNG TIN

MeasureOn – Nâng cấp hiệu suất làm việc của bạn

Chỉ cần ứng dụng này, kết hợp với máy đo khoảng cách laser sẵn có, tất cả thông tin bạn cần đều sẵn sàng, mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị di động. Phác thảo sơ đồ mặt bằng, thêm ảnh, ghi chú, chèn kết quả phép đo cùng rất nhiều tính năng khác – tất cả sẽ gói gọn trong tầm tay bạn!



MeasureOn

Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.

MeasureOn:
Tải ứng dụng
hoàn toàn
miễn phí!



BOSCH

Tương thích với các máy đo khoảng cách laser sau:



GLM 50-27 CG
Professional



GLM 150 C
Professional



GLM 100-25 C
Professional

Tải ứng dụng
trên App Store



Tải ứng dụng
trên Google Play



ỨNG DỤNG CHUYÊN BIỆT VỀ ĐO NHIỆT ĐỘ

Nâng tầm máy đo nhiệt của bạn khi kết hợp với ứng dụng Bosch Thermal. Bạn có thể ghi chú kết quả phép đo và chuyển hình ảnh từ máy đo nhiệt sang thiết bị di động trong tích tắc!



Bosch Thermal

Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.



Bosch Thermal:
Tải ứng dụng
hoàn toàn
miễn phí!

Tương thích với các máy đo nhiệt độ sau:



BOSCH



GTC 400 C
Professional



GIS 1000 C
Professional

Tải ứng dụng
trên App Store



Tải ứng dụng
trên Google Play



KIỂM SOÁT TỪ XA HIỆU SUẤT LÀM VIỆC

Điều khiển không cần chạm: ứng dụng Levelling Remote giúp việc sử dụng những chiếc máy cân mực đơn giản và nhanh chóng hơn bao giờ hết. Khi kết nối với điện thoại thông minh, bạn sẽ nắm toàn quyền kiểm soát máy cân mực từ xa, giúp công việc của bạn trở nên hiệu quả và thuận tiện hơn rất nhiều!



Levelling Remote

Sẵn sàng và tiện lợi. Dụng cụ đo laser & Kỹ thuật số.

Levelling Remote:
Tải ứng dụng
hoàn toàn
miễn phí!

Tương thích với các máy cân mực sau:



BOSCH



GCL 2-50 CG
Professional



GLL 3-80 CG
Professional

PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP

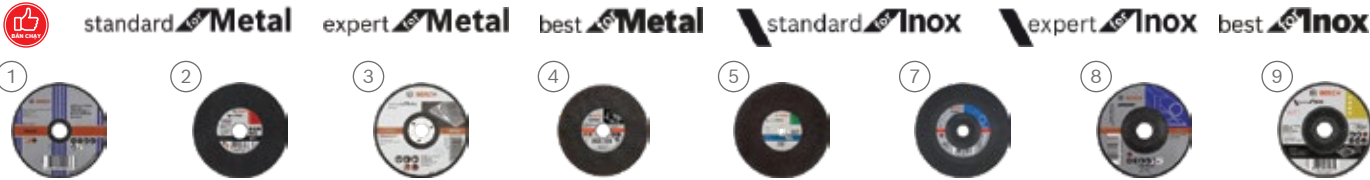
Bosch là nhà cung cấp hàng đầu về phụ kiện với các sản phẩm mũi khoan, lưỡi cưa lọng, lưỡi cưa kiếm, lưỡi cưa gỗ, đá cắt, đá mài và đĩa cắt kim cương. Với hơn 8000 sản phẩm, Bosch cung cấp các phụ kiện thích hợp để đáp ứng mọi yêu cầu công việc.

Công cụ tốt nhất cho bạn - Phụ kiện chuyên nghiệp của Bosch



BOSCH

1. ĐÁ CẮT, ĐÁ MÀI, ĐÁ NHÁM XẾP



Hình	Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
ĐÁ CẮT							
Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS							
①	2608600266	100	16.0	1.2	Sắt	Standard for Metal	PH
	2608600267	100	16.0	2.0	Sắt	Best for Metal	PH
	2608600091	100	16.0	2.5	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608603412	105	16.0	1.2	Sắt	Standard for Metal	CN
	2608619343	105	16.0	1.2	Sắt	Standard for Metal	CN
	2608619701	105	16.0	1.2	Sắt	Standard for Metal	PH
②	2608607414	105	16.0	1.0	Inox	Expert for Inox	PH
③	2608603413	105	16.0	1.0	Inox	Standard for Inox	CN
④	2608603744	105	16.0	1.3	Inox	Best for Inox	CN
	2608600549	125	22.2	1.0	Inox	Expert for Inox	DE
	2608600094	125	22.2	2.0	Inox	Expert for Inox	DE
	2608600270	125	22.2	2.8	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608600854	150	22.2	2.8	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608600095	180	22.2	2.0	Inox	Expert for Inox	EN
	2608600272	180	22.2	3.3	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608600274	230	22.2	3.3	Sắt	Expert for Metal	PH



ĐÁ CẮT							
Loại máy tương thích: Máy cắt sắt GCO							
⑤	2608600276	305	25.4	3.0	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608602751	355	25.4	3.0	Sắt	Standard for Metal	CN



ĐÁ MÀI							
Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS							
⑦	2608602267	100	16.0	5.8	Inox	Expert for Inox	PH
⑧	2608600017	100	16.0	6.0	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608602488	125	22.2	6.0	Inox	Expert for Inox	DE
	2608600263	125	22.2	6.3	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608600855	150	22.2	6.0	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608600540	180	22.2	6.0	Inox	Expert for Inox	DE
	2608600264	180	22.2	6.6	Sắt	Expert for Metal	PH
	2608600265	230	22.2	6.0	Sắt	Expert for Metal	PH



ĐÁ MÀI LINH HOẠT							
Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS							
⑨	2608620690	100	16.0	2.0	Inox	Expert for Inox	PH



ĐĨA KIM CƯƠNG CẮT SẮT MỚI

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Ứng dụng	Tiêu chuẩn
2608900531	105	20/16	Cắt sắt	EN 13236
2608900535	180	22.23	Cắt sắt	EN 13236
2608900536	230	22.23	Cắt sắt	EN 13236
2608900537	355	25.4	Cắt sắt	EN 13236



KÉO DÀI TUỔI THỌ

Mép cắt siêu bền nhờ sử dụng công nghệ kim cương

CHỐNG HAO MÒN ĐỘ DÀI CẮT

Thân thép chắc chắn giúp duy trì độ dài cắt không đổi



CHỐNG VỠ

Không vỡ khi va đập và không tạo ra mùì hóa học kềm bụi than trong quá trình cắt

TỐC ĐỘ CẮT ỔN ĐỊNH

Các lỗ tản nhiệt và thiết kế khe dọc giúp tránh biến dạng và đảm bảo tốc độ cắt ổn định

1. ĐÁ CẮT, ĐÁ MÀI, ĐÁ NHÁM XẾP



**high
SPEED**

expert for Inox

expert for Metal

①



②



③



④



⑤



⑥



⑦



ĐÁ CẮT & ĐÁ MÀI EN 12413 - NHÓM CHUYÊN DỤNG

Hình	Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ	Loại máy tương thích
①	2608600539	115	22.2	6	Inox	Expert for Inox	EU	Máy mài góc GWS
②	2608600094	125	22.2	2	Inox	Expert for Inox	EU	
③	2608600220	125	22.2	1.6	Inox	Expert for Inox	EU	
	2608600394	125	22.2	2.5	Sắt	Expert for Metal	EU	
④	2608600549	125	22.2	1	Inox	Expert for Inox	EU	
⑤	2608602221	125	22.2	1.2	Inox	Best for Inox	EU	
	2608602488	125	22.2	6	Inox	Expert for Inox	EU	
	2608600321	180	22.2	3	Sắt	Expert for Metal	EU	
	2608600322	180	22.2	3	Inox	Expert for Inox	EU	
	2608600540	180	22.2	6	Inox	Expert for Inox	EU	
⑥	2608600096	230	22.2	2	Inox	Expert for Inox	EU	
⑦	2608600324	230	22.2	3	Sắt	Expert for Metal	EU	
	2608600541	230	22.2	6	Inox	Expert for Inox	EU	Máy cắt sắt GCO
	2608600649	300	22.2	3.2	Sắt	Expert for Metal	EU	



⑧



⑨



ĐÁ NHÁM XẾP

Hình	Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ	Loại máy tương thích
⑧	2608601675	100	16.0	36	Sắt	Standard for Metal	CN	Máy mài góc GWS
	2608601676	100	16.0	60	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608601677	100	16.0	80	Sắt	Standard for Metal	CN	
⑨	2608601688	125	22.23	40	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608601689	125	22.23	60	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608601690	125	22.23	80	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608601692	180	22.23	40	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608601693	180	22.23	60	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608601694	180	22.23	80	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608601695	180	22.23	120	Sắt	Standard for Metal	CN	
	2608608289	180	22.2	60	Inox	Best for Inox	CH	



2. ĐĨA CẮT ĐÁ, BÊ TÔNG



Mã hàng	Tên sản phẩm
2608603606	Bánh mài bê tông 100mm Universal (Mới)

3. MŨI KHOAN KIM CỨNG MỚI



Hình	Mã hàng	Tên sản phẩm	Đường kính	Ứng dụng	Xuất xứ
①	2608599049	Mũi khoan kim cương 6mm	6	Khoan gạch cứng - siêu cứng	CN
	2608599050	Mũi khoan kim cương 8mm	8		CN
	2608599051	Mũi khoan kim cương 10mm	10		CN
	2608599052	Mũi khoan kim cương 12mm	12		CN
②	2607011626	Mũi khoan kim cương 6+6+8mm	6+6+8		CN



GIẢI PHÁP KHOAN VƯỢT TRỘI

Tuổi thọ mũi khoan lên đến 20 lần

TỐC ĐỘ KHOAN ỔN ĐỊNH

Chỉ mất 20 giây để tạo ra một lỗ khoan

KHOAN ÍT TỒN SỨC

Mũi khoan sắc bén, khả năng khoan mạnh mẽ

TỐI ƯU CHO KHOAN KHÔ

Mũi khoan phủ sáp giúp hấp thụ nhiệt, làm mát mũi



MŨI KHOAN GẠCH CỨNG HEX-9 MỚI



Mã hàng	Tên sản phẩm
2608900587	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 3x90
2608900588	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 4x90
2608900589	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 5x90
2608900590	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 6x90
2608900591	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 7x90
2608900592	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 8x90
2608900593	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 10x90
2608900594	Mũi khoan gạch cứng Hex-9 12x90
2608900595	Bộ 3 mũi khoan gạch cứng Hex-9 5/6/8x90

TUỔI THỌ CAO

Ngay cả đối với những loại gạch cứng nhất nhờ có nhiều đầu mài cải tiến (đã được cấp bằng sáng chế)

DỄ SỬ DỤNG

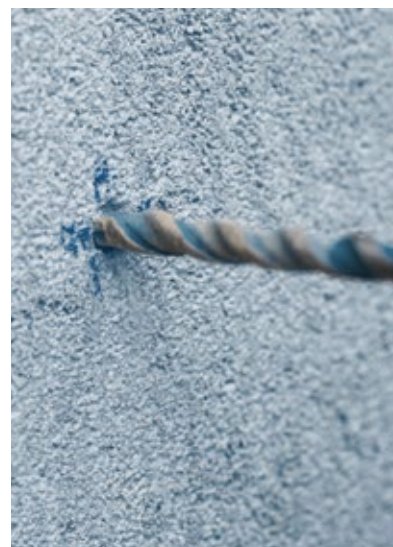
Không cần làm mát mũi, ngăn ngừa trượt băng và đảm bảo quá trình khoan trơn tru

TƯƠNG THÍCH CHO NHIỀU LOẠI MÁY

Kep an toàn (truyền 100% điện năng) cho máy khoan và người điều khiển, nhờ vào chuỗi lực góc



MŨI KHOAN ĐA NĂNG HEX-9 MỚI



Mã hàng	Tên sản phẩm
2608900569	Mũi khoan đa năng Hex-9 (3x45x90)
2608900570	Mũi khoan đa năng Hex-9 (4x45x90)
2608900571	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5x50x100)
2608900572	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5.5x60x100)
2608900574	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6x60x100)
2608900579	Mũi khoan đa năng Hex-9 (7x50x100)
2608900581	Mũi khoan đa năng Hex-9 (8x50x100)
2608900582	Mũi khoan đa năng Hex-9 (10x90x150)
2608900573	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5.5x90x150)
2608900575	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6x90x150)
2608900577	Mũi khoan đa năng Hex-9 (6.5x100)
2608900580	Mũi khoan đa năng Hex-9 (7x90x150)
2608900583	Mũi khoan đa năng Hex-9 (12x90x150)
2608900584	Mũi khoan đa năng Hex-9 (3 mũi 5/6/8)
2608900585	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5 mũi 4/5/6/6/8)
2608900586	Mũi khoan đa năng Hex-9 (5 mũi 5/5/6/7/8)

KHOAN CHÍNH XÁC

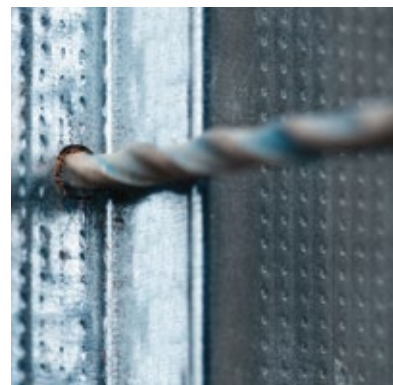
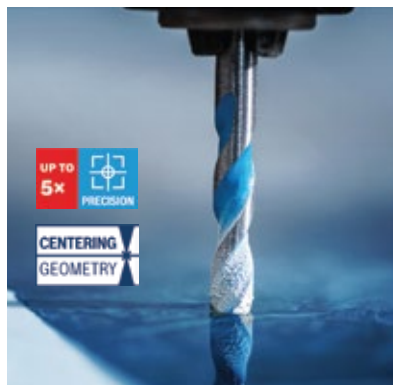
Đễ dàng khoan với độ chính xác cao nhờ Bosch Centering Geometry và mở lỗ chính xác với đầu định tâm sắc bén

KHOAN NHANH

Rãnh hút bụi tối ưu để khoan nhanh và hiệu quả

ĐỘ BỀN CAO

Đầu carbide hiệu suất cao, được chế tạo từ cơ chế mài mịn



LƯỚI CỬA ĐA NĂNG



CARBIDE TECHNOLOGY



Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Ứng dụng
2608901196	76	10	Cắt đa vật liệu
2608901201	110	20/16	Cắt đa vật liệu
2608901188	115	22,23	Cắt đa vật liệu
2608901189	125	22,23	Cắt đa vật liệu

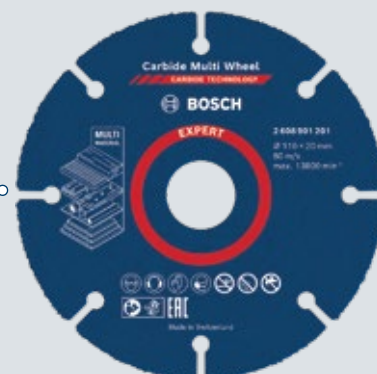


ĐỘ BỀN CAO

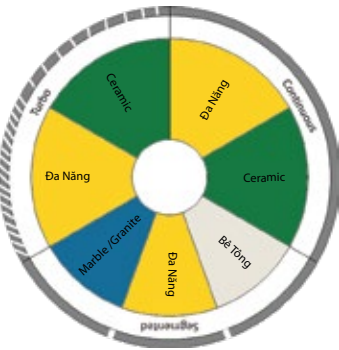
Đặc tính siêu bền nhờ vào công nghệ Carbide Technology của Bosch. Với kỹ thuật kết nối laser tạo liên kết siêu bền, hạt carbide được gắn rất chặt vào phần thân thép

TỐC ĐỘ CẮT ỔN ĐỊNH

Phần thân làm bằng thép cao cấp giúp đảm bảo tốc độ và độ sâu không đổi khi hoạt động.



4. ĐĨA CẮT KIM CƯƠNG



Ceramic

Bê tông

Marble /Granite

Đa Năng

Hiệu suất cắt (Tốc độ và tuổi thọ)		Biểu tượng trên bao bì		
Standard (Dân Dụng)				
Expert (Chuyên Dụng)				
Best (Cao Cấp)				
		0%	50%	100% 150% 200%

Loại máy tương thích: Máy mài góc GWS/ Máy cắt gạch GDM/ GDC

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dài me (mm)	Độ dày (mm)	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
2608603615	105	16	8.0	1.4	Ceramic	Expert for Ceramic	CN
2608603740	105	20/16	7	1.6	Đa Năng	Best for Universal	CN
2608602468	110	20/16	12.0	2.0	Đa Năng	Best of Diamond	CN
2608603613	105	16	8.0	1.8	Đa Năng	Expert for Universal	CN
2608603726	105	20/16	7.0	1.9	Đa Năng	Standard for Universal	CN
2608603727	105	20/16	7.0	1.9	Bê Tông	Standard for Concrete	CN
2608603728	105	20/16	7.0	1.9	Marble /Granite	Standard for Stone	CN
2608603729	105	20/16	7.0	1.9	Ceramic	Standard for Ceramic	CN
2608615111	125	22.2	10.0	2.0	Đa Năng	Standard for Universal	CN
1608615112	150	22.2	10.0	2.2	Đa Năng	Standard for Universal	CN
1608615113	180	22.2	10.0	2.4	Đa Năng	Standard for Universal	CN
1608615114	230	22.2	10.0	2.6	Đa Năng	Standard for Universal	CN
2608603329	125	22.2	11.0	2.0	Đa Năng	Best for Universal	CN
2608603330	150	22.2	11.0	2.0	Đa Năng	Best for Universal	CN
2608603331	180	22.2	11.0	2.2	Đa Năng	Best for Universal	CN
2608603332	230	22.2	11.0	2.4	Đa Năng	Best for Universal	CN
2608602199	180	22.2	11.0	2.0	Bê tông	Standard for Concrete	CN
2608602197	125	22.2	11.0	1.6	Bê tông	Standard for Concrete	CN
2608602200	230	22.2	11.0	2.3	Bê tông	Standard for Concrete	CN



5. LƯỚI CỬA GỖ



LƯỚI CỬA GỖ - NHÓM CHUYÊN DỤNG

Loại máy tương thích: Máy cửa GKS / GCM / GTS Máy mài góc GWS

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày me / Độ dày thân (mm)	Số răng	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
2608643071	85	15	1.1/07	20	Gỗ	Standard for Wood	CN
2608642967	100	20	2.0/1.4	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608644190	110	20	1.8/1.0	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608644191	125	20	1.8/1.0	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608642971	160	25.4	2.0/1.4	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608642972	160	25.4	2.0/1.4	60	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608642982	184	25.4	2.0/1.4	24	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608642983	184	25.4	2.0/1.4	30	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608642984	184	25.4	2.0/1.4	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608642985	184	25.5	2.0/1.4	60	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608642999	235	30	2.2/1.5	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643000	235	30	2.2/1.5	60	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643007	254	30	2.5/1.8	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643008	254	30	2.5/1.8	60	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643009	254	30	2.5/1.8	80	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643001	254	25.4	2.5/1.8	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643002	254	25.4	2.5/1.8	60	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643003	254	25.4	2.5/1.9	80	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643005	254	25.4	2.5/1.8	120	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643024	305	30	2.5/1.8	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643025	305	30	2.5/1.8	60	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643026	305	30	2.5/1.8	80	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643027	305	30	2.5/1.8	100	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643021	305	25.4	2.5/1.8	40	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643032	356	30	3.2/2.2	30	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643033	356	30	3.2/2.2	60	Gỗ	Expert for Wood	CN
2608643034	356	30	3.2/2.2	80	Gỗ	Expert for Wood	CN



LƯỚI CỬA GỖ - NHÓM DÂN DỤNG (TIẾT KIỆM)

Loại máy tương thích: Máy cửa GKS / GCM / GTS Máy mài góc GWS

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày me / Độ dày thân (mm)	Số răng	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
2608644669	110	20	1.6/1	12	Gỗ	CoolTec	CN
2608644315	110	20	1.8	30	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644319	110	20	1.8	40	Đa năng	Nhóm dân dụng	CN
2608644316	110	20	1.8/1.1	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644317	180	25.4	2.6	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644318	180	25.4	2.6	60	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644303	184	25.4	2.2/1.4	24	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608833305	230	30	2.8/1.8	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644306	230	30	2.8/1.8	60	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644308	250	25.4	3.0/2.0	40	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644309	250	25.4	3.0/2.0	60	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644310	250	25.4	3.0/2.0	80	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644311	250	25.4	3.0/2.0	100	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN
2608644312	250	25.4	3.0/2.0	120	Gỗ	Nhóm dân dụng	CN



LƯỚI CẮT NHÔM ĐA NĂNG

Loại máy tương thích: Máy cửa GCM / GTS

Mã hàng	Đường kính ngoài (mm)	Đường kính trong (mm)	Độ dày me / Độ dày thân (mm)	Số răng	Ứng dụng	Loại	Xuất xứ
2608642198	254	25.4/16	2.7/2.0	100	Nhôm	Nhóm chuyên dụng	CN
2608642199	254	25.4/16	2.7/2.0	120	Nhôm	Nhóm chuyên dụng	CN
2608642202	254	30/25	2.7/2.0	100	Nhôm	Nhóm chuyên dụng	CN
2608642203	254	30/25	2.7/2.0	120	Nhôm	Nhóm chuyên dụng	CN
2608644314	250	25.4	3.0/2.2	120	Nhôm	Nhóm tiết kiệm	CN



MULTI MATERIAL



6. LƯỠI CỬA LỌNG

BI-METAL



LƯỠI CỬA LỌNG CHO GỖ (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cửa lõng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
①	2608900551	T 308 B - Gỗ mềm - ván ép 5-50mm	91.0	HCS	Expert 'Wood 2-side Clean'	CH
	2608900555	T 308 BO - Cắt cung tròn. Gỗ mềm - ván ép 5-50mm	91.0	HCS	Expert 'Wood 2-side Clean'	CH
	2608630031	T 101 AO - Cắt cung tròn. Gỗ mềm - ván ép 1.5-15mm	56.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630014	T 101 BR - Gỗ mềm, ván ép, ván MDF, 3-30mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630030	T 101 B - Gỗ mềm-ván ép-MDF - 3-10mm - ống plastic Ø <30mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630032	T 101 D - Gỗ mềm-ván ép-MDF - 10-45mm	74.0	HCS	Clean For Wood	CH
	2608630040	T 144 D - Gỗ mềm 5-50mm - ván ép	74.0	HCS	Speed For Wood	CH
②	2608630058	T 244 D - Cắt cung tròn. Gỗ mềm 5-50mm - ván ép	74.0	HCS	Speed For Wood	CH
③	2608630033	T 111 C - Gỗ mềm 4-50mm - ván ép	74.0	HCS	Basic For Wood	CH
	2608631404	T 234 X - Gỗ mềm 3-65mm, ván dăm, ván ép lõi gỗ, ván sợi	117.0	HCS	Progressor for Wood	CH



LƯỠI CỬA LỌNG CHO SẮT (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cửa lõng GST

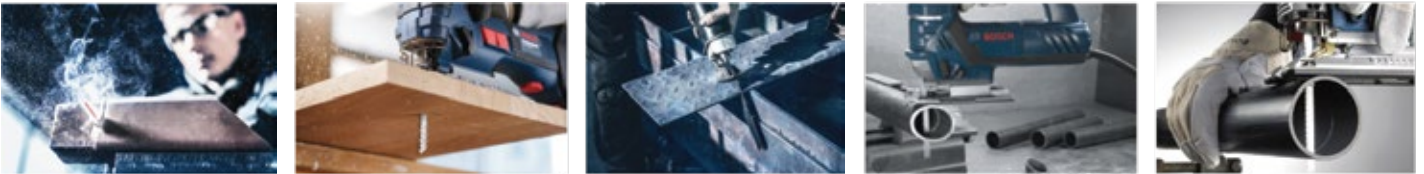
Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
④	2608636699	T 121 AF - Sắt tấm 1-3mm	67.0	BIM	Speed For Metal	CH
	2608636705	T 321 AF - Sắt tấm 1-3mm. Sắt ống - nhôm - sợi thủy tinh <65mm	106.0	BIM	Speed For Metal	CH
⑤	2608631013	T 118 A - Sắt tấm dày trung bình 1.5-3mm	67.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608631014	T 118 B - Sắt tấm dày trung bình 2.5-6mm	67.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608631319	T 318 A - Sắt tấm dày trung bình 1-3mm và ống sắt Ø <65mm	106.0	HSS	Basic For Metal	CH
	2608634994	T 345 XF - Gỗ xây dựng có định - gỗ cứng < 65mm; sợi thủy tinh 3-10mm - nhôm & sắt tấm 3-10mm	106.0	BIM	Progressor for Wood and Metal	CH
	2608635177	T 113 A - Các tông, polystyrene, thảm, da, cao su <50mm	100.0	HCS	Special for Soft-Material	CH
	2608631404	T 318 B - Sắt tấm dày trung bình 2,5-6mm, Sắt ống - nhôm <65mm	106.0	HSS	Basic For Metal	CH



LƯỠI CỬA LỌNG CHO INOX (BỘ 5 LƯỠI)

Loại máy tương thích: Máy cửa lõng GST

Hình	Mã hàng	Tên hiệu	Chiều dài lưỡi (mm)	Chất liệu	Loại	Xuất xứ
⑥	2608900561	T118 AHM - Inox dày trung bình 1.5-3mm (bộ 3 lưỡi)	59.0	Tungsten Carbide	Expert 'Stainless Steel'	CH
	2608631017	T127 D - Nhôm tấm dày trung bình 3-15mm - ống kim loại Ø <30mm (bộ 5 lưỡi)	74.0	HSS	Special For Alu	CH
	2608633104	T130 RIFF - Gạch men mềm - gang (5-15) - cắt thô (bộ 3 lưỡi)	59.0	HM/ TC	Special For Ceramics	CH
	2608633105	T150 RIFF - Gạch men mềm - gang (5-10) - cắt mịn (bộ 3 lưỡi)	59.0	HM/ TC	Special For Ceramics	CH



LƯỠI CẮT CẠNH

Loại máy tương thích: Máy cửa cạnh GSC

Mã hàng	Tên hiệu	Tên hiệu	Loại	Xuất xứ
2607010025	Lưỡi cắt cạnh (bộ 5 lưỡi)	Thích hợp cho kim loại mỏng. Dùng với máy GSC 2.8	Shear blade sets	DE



6. LƯỚI CỬA LÔNG

CÔNG NGHỆ CARBIDE TỪ BOSCH



TUỔI THỌ VƯỢT TRỘI

Kỹ thuật hàn tiên tiến đảm bảo quá trình cắt hiệu quả, đáng tin cậy ngay cả trên những vật liệu như thép gia cường > 700MPa.



CẮT NHANH BẤT KỂ ĐỘ DÀY VẬT LIỆU

Răng cưa được thiết kế riêng đảm bảo tốc độ cắt cao trên nhiều loại vật liệu.



Carbide Endurance - Thép không gỉ

Xuất sắc ngay cả với những loại sắt khó cắt nhất

- ▶ Thép tấm không gỉ
- ▶ Thép tấm hợp kim
- ▶ Thép gia cường



Carbide Progressor - Gỗ và sắt

Chinh phục mọi thử thách của những vật liệu xây dựng mới:

- ▶ Gỗ tấm bọc sắt/gia cố sắt
- ▶ Gỗ có đinh cứng
- ▶ Gỗ có vít thép



Carbide Clean - Nhựa tổng hợp

Thích hợp để cắt vật liệu nhựa composite - Gỗ nhựa tổng hợp (WPC)

- ▶ Ván lát sàn
- ▶ Hàng rào
- ▶ Ván bọc ngoài



Carbide Endurance - Thạch cao, vữa

Chuyên dùng cho những vật liệu xây dựng làm từ khoáng chất:

- ▶ Xi măng sợi và thạch cao tấm, Vd: Drywall, Fermacell®
- ▶ Tấm chắn được làm từ những vật liệu khoáng chất, Vd: Eternit, Hardboard
- ▶ Tấm nhựa, ống và bề mặt bằng sợi thủy tinh gia cố

TỐT NHẤT TRONG TẦM GIÁ: TỐI ƯU HIỆU SUẤT CỦA BẠN

KIM LOẠI

Endurance for SS

CARBIDE TECHNOLOGY



Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vỉ
2608900561	T 118 AHM	Thép tấm không gỉ (1.5-3)	54	1.1	3
2608900562	T 118 EHM	Thép tấm không gỉ (2-5)	54	1.4	3

NHỰA VÀ VẬT LIỆU ĐẶC BIỆT

Carbide Special for Ceramics

Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vỉ
2608633104	T 130 RF	Ceramics	59		5

Clean for

Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vỉ
6208636781	T 102 BF	PMMA	68	1.8	5
6208667446	T 102 H	Tấm VC/ PA/ PS	77	2.3	5
6208667444	T 102 D	PP/ PE	77	4	5
6208667448	T 302 H	Tấm và bề mặt PVC/ PA/ PS	109	2.3	5
6208635187	T 313 AW	Thảm/ da/ cao su (<100)	129		3

Endurance for

CARBIDE TECHNOLOGY



Mã hàng	Tên	Vật liệu cắt (mm)	Độ dài (mm)	Độ cao răng (mm)	Số lượng mỗi vỉ
2608633175	T 141 HM	Vật liệu xi măng và sợi (5-20)	77	4.3	3
2608667450	T 301 CHM	Nhựa bề mặt rắn	89	3.3	3
2608633176	T 341 HM	Vật liệu xi măng và sợi (5-20)	109	4.3	3



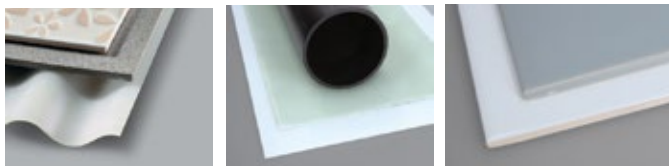
Tuổi thọ vượt trội

Công nghệ Carbide của Bosch đảm bảo hiệu suất cắt trên những vật liệu rắn với tuổi thọ đáng kể.



Cắt sạch với thép tấm không gỉ

Độ cao răng độc quyền (1.1mm).



Cắt sạch trong những ứng dụng với nhựa tổng hợp

Dài lưỡi carbide chất lượng cao của Bosch mang đến những vết cắt cực kỳ sạch.



Tuổi thọ vượt trội

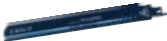
Kỹ thuật hàn tiên tiến đảm bảo kéo dài tuổi thọ lưỡi cưa.

7. LƯỚI CỬA KIỂM

PHẦN 1. CÔNG NGHỆ CARBIDE GIẢI PHÁP HOÀN HẢO CHO NHỮNG TÁC VỤ KHÓ KHĂN NHẤT

Lưỡi của kiểm mới với Công nghệ Carbide của Bosch có thể dễ dàng cắt xuyên qua kể cả các vật liệu cứng nhất như thép hợp kim, thép cứng, thép không gỉ, ống gang hoặc khung cửa sổ có vít cứng. Giải pháp hoàn hảo cho các tác vụ khó khăn nhất.

Endurance for Heavy Metal
Lý tưởng cho sắt siêu cứng



Phù hợp với:

- ▶ Thép cứng (hợp kim, không gỉ, đã rèn)
- ▶ Gang thép

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1155 CHM	225	8	2608653182
S 955 CHM	150	8	2608653180

Endurance for Vehicle Rescue
Thiết kế dành riêng cho cứu hộ giao thông



Phù hợp với:

- ▶ Khung gia cường A/B/C của xe hơi
- ▶ Kính chắn gió, cửa, khung gầm

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1157 CHM	225	8	2608653132
S 957 CHM	150	8	2608653130

Endurance for Stainless Steel
Tối ưu cho cắt Inox



Phù hợp với:

- ▶ Ống và thép tấm không gỉ

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1022 EHM	200	18	2608653098
S 922 EHM	150	18	2608653097

Progressor for Wood + Metal
Sử dụng đa năng cho mọi vật liệu

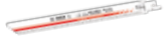


Phù hợp với:

- ▶ Gỗ có đinh hoặc ốc vít cứng
- ▶ Vật liệu tổng hợp sợi nhựa

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1156 XHM	225	6-8	2608653100
S 956 XHM	150	6-8	2608653099

Endurance for Hard Nail Pallets
Thiết kế riêng cho pallet đóng đinh



Phù hợp với:

- ▶ Lưỡi chữa pallet, đặc biệt là pallet đóng đinh cứng

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1122 CHM	225	8	658 327

Endurance for Wood
Tốc độ vượt trội cho gỗ dày



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ dày các loại (cả gỗ mềm và cứng)
- ▶ Rễ cây

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1142 KHM	225	3	2608653274

Endurance for Aerated Concrete
Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Các khối bê tông xây dựng
Ví dụ: YTONG, Siporex

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1241 HM	300	3	2608650972
S 2041 HM	400	2	2608650975

Endurance for Brick
Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Gạch đục lỗ theo chiều dọc
Ví dụ: Gạch poroton

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1243 HM	305	2	2608650355
S 2043 HM	455	2	2608650356

Endurance for Fiber Plaster
Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Tấm vữa xi măng và tấm ốp mặt tiền
- ▶ Tấm thạch cao

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 641 HM	150	6	2608650970

Basic for Cast Iron
Tuổi thọ vượt trội



Phù hợp với:

- ▶ Gang dẻo hoặc gang có nốt

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1130 RF	225	30	2608650969



PHẦN 2. BI-METAL VÀ THÉP CACBON LIÊN KẾT LINH ĐỘNG VÀ BỀN CHẶT CHO TUỔI THỌ VƯỢT TRỘI

Flexible for Metal
Linh hoạt và bền bỉ



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1122 BF	225	14	2608656019
S 1122 EF	225	18	2608656020

Progressor for Metal
Cắt đa năng và cắt nhanh



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 123 XF	150	8-14	2608654402

Heavy for Metal
Vết cắt chính xác



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1126 BEF	225	14+18	2608657395
S 1126 CHF	225	8+10	2608657398

Endurance for Heavy
Mạnh mẽ và chính xác



Phù hợp với:

- ▶ Kim loại tấm
- ▶ Bề mặt/ ống

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1127 BEF	225	14+18	2608657524
S 1136 CHF	225	8+10	2608657526

Heavy for Metal
Lý tưởng cho việc cắt sắt dày



Phù hợp với:

- ▶ Thép tấm dày
- ▶ Ống và bề mặt cứng

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1120 CF	225	8+10	2608656255
S 920 CF	150	8+10	2608654820

Heavy for Metal
Lý tưởng cắt kim loại cỡ vừa



Phù hợp với:

- ▶ Sắt tấm cỡ vừa
- ▶ Bề mặt/ống mỏng

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1125 VF	225	10/14	2608657408
S 925 VF	150	10/14	2608657407

Heavy for Wood and Metal
Cắt nhanh và mạnh mẽ



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ có đinh/sắt
- ▶ Sợi thủy tinh gia cố nhựa / epoxy
- ▶ Bề mặt nhựa

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 1411 DF	300	6	2608654763

Progressor for Wood and Metal
Cắt đa năng và cắt nhanh



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ có đinh/sắt
- ▶ Sợi thủy tinh gia cố nhựa / epoxy
- ▶ Bề mặt nhôm

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 3456 XF	200	6-12	2608654406

Top for Wood
Sắc, nhanh và hiệu quả



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ xây dựng và ván MDF
- ▶ Ván dăm, ván ép

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 644 D	150	6	2608650673

Progressor for Wood
Đa dụng và thoải mái



Phù hợp với:

- ▶ Gỗ xây dựng và ván MDF
- ▶ Ván dăm, ván ép

Tên	Độ dài mm	Số răng/inch	Mã sản phẩm
S 2345 X	200	6-10	2608654404



7. LƯỚI CỬA KIỂM



LƯỚI CỬA KIỂM

Loại máy tương thích: Máy cửa kiểm GSA

Mã hàng	Tên hiệu	Dài x ngang x dày (mm)	Chất liệu	Loại	Đóng gói	Xuất xứ
2608656014	S 922 BF - Kim loại tấm dày trung bình 3-8mm-ống kim loại đặc Ø <100mm ①	150 x 19 x 0.9	BIM	Flexible For Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608656019	S 1122 BF - Kim loại tấm dày trung bình 3-8mm-ống kim loại đặc Ø <175mm	225 x 19 x 0.9	BIM	Flexible For Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608650678	S 1111 K - Gỗ thường dày Ø <175mm	225 x 19 x 1.25	HCS	Basic For Wood	Bộ 5 lưỡi	CH
2608651781	S 918 BF - Kim loại tấm dày trung bình 1 ~ 3 mm- ống kim loại đặc Ø < 100 mm	150 x 16 x 0.8	BIM	Basic For Wood	Bộ 5 lưỡi	CH
2608654402	S 123 XF - Cắt đa năng và cắt nhanh, phù hợp với sắt tấm hoặc bề mặt ống	150 x 19 x 0.9	BIM	Progressor for Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608654404	S 2345 X - Gỗ xây dựng, ván MDF, ván dăm	200 x 19 x 1.25	HCS	Progressor for Metal	Bộ 5 lưỡi	CH
2608900360	S 922 EHM - Inox, ống thép không gỉ	150 x 19 x 1	Tungsten Carbide	Expert Thin Tough Metal	Bộ 1 lưỡi	CH



8. PHỤ KIỆN CẮT ĐA NĂNG



MŨI KHOAN GỖ XOẮN ỐC

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB / GDR

Mã hàng	Tên hiệu	Xuất xứ
2607017034	Bộ 07 mũi khoan gỗ 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10mm	CN
2607019322	Bộ 06 mũi khoan gỗ Auger 10, 12, 14, 16, 18, 20mm	CN

8. PHỤ KIỆN CẮT ĐA NĂNG

STARCLOCK
STARLOCK


AIZ 10 AB
BIM, 10 × 20 mm
2 608 661 641



AIZ 20 AB
BIM, 20 × 30 mm
2 608 661 640



AIZ 32 APB
BIM, 32 × 50 mm
2 608 661 644



All 65 APB
BIM, 65 × 40 mm
2 608 661 781



ACZ 85 EB
BIM, Ø 85 mm
2 608 661 636



ACZ 100 BB
BIM, Ø 100 mm
2 608 661 633



AIZ 32 EPC
HCS, 32 × 50 mm
2 608 661 637



AIZ 32 BSPC
HCS, 32 × 50 mm
2 608 662 360



AIZ 32 BSPB
BIM, 32 × 50 mm
2 608 661 645



All 65 APC
HCS, 65 × 40 mm
2 608 662 357



All 65 BSPB
BIM, 65 × 40 mm
2 608 662 017



All 65 BSPC
HCS, 65 × 40 mm
2 608 662 354



ACZ 85 EC
HCS, Ø 85 mm
2 608 661 643



AIZ 20 AT
Carbide, 20 × 40 mm
2 608 662 019



AIZ 32 AB
BIM, 32 × 50 mm
2 608 661 688



AIZ 32 AT
Carbide, 32 × 40 mm
2 608 662 018



NEW! AIZ 45 AT
Carbide, 45 × 40 mm
2 608 664 348



ACZ 70 RT5
Carbide, Ø 70 mm
2 608 661 692



ACZ 85 RT3
Carbide, Ø 85 mm
2 608 661 642



ACZ 85 RD4
Diamond, Ø 85 mm
2 608 661 689



AIZ 32 RT5
Carbide, 32 × 30 mm
2 608 661 868



AVZ 32 RT4
Carbide, 32 × 50 mm
2 608 662 611



AVZ 32 RT10
Carbide, 32 × 50 mm
2 608 662 610



AVZ 70 RT4
Carbide, Ø 70 mm
2 608 661 757



NEW! AVZ 90 RT2
Carbide, Ø 90 mm
2 608 664 351



NEW! AVZ 90 RT4
Carbide, Ø 90 mm
2 608 662 906



NEW! AVZ 90 RT6
Carbide, Ø 90 mm
2 608 662 907



NEW! AVZ 90 RT10
Carbide, Ø 90 mm
2 608 662 908



AIZ 28 SC
HCS, 28 × 40 mm
2 608 661 691



ASZ 32 SC
HCS, 24 × 11 mm
2 608 662 431



ACZ 85 EIB
BIM-TiN, Ø 85 mm
2 608 661 758



ACZ 100 SWB
BIM, Ø 100 mm
2 608 661 693



ATZ 52 SC
HCS, 52 × 26 mm
2 608 661 646



ATZ 52 SFC
HCS, 52 × 38 mm
2 608 661 647



NEW! AYZ 53 BPB
BIM, 53 × 40 mm
2 608 664 202



NEW! AIZ 32 APT
Carbide, 32 × 50 mm
2 608 664 214



NEW! ALI 12 SC
Inox, 4 × 29 × 12 mm
2 608 664 231



AVZ 93 G
Ø 93 mm
2 608 000 493



AUZ 70 G
70 × 55 mm
2 608 662 346



13-piece Universal Set
Part no. **2 608 661 694**
1 × ACZ 85 EB
1 × AIZ 32 ABP
1 × ATZ 52 SC
10 × Expert for Wood and Paint



4-piece Tile Set
Part no. **2 608 661 695**
1 × ACZ 85 RT3
1 × AVZ 78 RT2
1 × ATZ 52 SC
1 × AIZ 20 AB



NEW! Best of Cutting 4+1
Part no. **2 608 664 131**
1 × AIZ 32 AT
1 × AIZ 32 BSPB
1 × AIZ 32 APB
1 × All 65 APB
1 × ACZ 85 EB

9. MŨI KHOAN SẮT & INOX

MŨI KHOAN SẮT HSS-G DIN 338



BỘ 10 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608595049	1.0	12	34	CN
2608595050	1.5	18	40	CN
2608595051	2.0	24	49	CN
2608595052	2.2	27	53	CN
2608595053	2.5	30	57	CN
2608595054	2.8	33	61	CN
2608595055	3.0	33	61	CN
2608595056	3.2	36	65	CN
2608595057	3.3	36	65	CN
2608595058	3.5	39	70	CN
2608595332	3.6	39	70	CN
2608595059	4.0	43	75	CN
2608595060	4.2	43	75	CN
2608595333	4.4	47	80	CN
2608595061	4.5	47	80	CN
2608595334	4.8	52	86	CN
2608595062	5.0	52	86	CN
2608595063	5.2	52	86	CN
2608595064	5.5	57	93	CN
2608595065	5.8	57	93	CN
2608595066	6.0	57	93	CN
2608595067	6.2	63	101	CN
2608595335	6.4	63	101	CN
2608595068	6.5	63	101	CN
2608595336	6.7	63	101	CN
2608595069	6.8	69	109	CN
2608595070	7.0	69	109	CN
2608595337	7.2	69	109	CN
2608595071	7.5	69	109	CN

BỘ 5 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608595072	8.0	75	117	CN
2608595073	8.5	75	117	CN
2608595074	8.8	81	125	CN
2608595075	9.0	81	125	CN
2608595076	9.5	81	125	CN
2608595338	9.8	87	133	CN
2608595077	10.0	87	133	CN
2608595078	10.5	87	133	CN
2608595079	11.0	94	142	CN
2608595080	11.5	94	142	CN
2608595081	12.0	101	151	CN
2608595082	12.5	101	151	CN
2608595083	13.0	101	151	CN

BỘ 4 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608585593	14.0	108	160	CN
2608585594	15.0	114	169	CN
2608585595	16.0	120	178	CN

BỘ MŨI KHOAN SẮT HSS-R

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Tên hiệu	Xuất xứ
2608577349	Bộ mũi khoan HSS 13 mũi, 1.5 - 6.5 mm	CN
2608577348	Bộ mũi khoan HSS 10 mũi, 1 - 10 mm	CN

MŨI KHOAN SẮT VÀ INOX HSS - CO DIN 338



BỘ 10 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608585872	1.0	12	34	CN
2608585873	1.5	18	40	CN
2608585874	2.0	24	49	CN
2608585875	2.5	30	57	CN
2608585876	3.0	33	61	CN
2608585877	3.2	36	65	CN
2608585878	3.3	36	65	CN
2608585879	3.5	39	70	CN
2608585880	4.0	43	75	CN
2608585881	4.1	43	75	CN
2608585882	4.2	43	75	CN
2608585883	4.5	47	80	CN
2608585884	4.8	52	86	CN
2608585885	5.0	52	86	CN
2608585886	5.1	52	86	CN
2608585887	5.2	57	93	CN
2608585888	5.5	57	93	CN
2608585889	6.0	57	93	CN
2608585890	6.5	63	101	CN
2608585891	6.8	63	109	CN
2608585892	7.0	69	109	CN
2608585893	7.5	69	109	CN

BỘ 5 MŨI

Loại máy tương thích: Máy khoan GBM / GSR / GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608585894	8.0	75	117	CN
2608585895	8.5	75	117	CN
2608585896	9.0	81	125	CN
2608585897	9.5	81	125	CN
2608585898	10.0	87	133	CN
2608585899	10.2	87	133	CN
2608585900	10.5	87	133	CN
2608585901	11.0	94	142	CN
2608585902	11.5	94	142	CN
2608585903	12.0	101	151	CN
2608585904	12.5	101	151	CN
2608585905	13.0	101	151	CN



10. MŨI KHOAN TỬ CARBIDE



Loại máy tương thích: Máy khoan tử

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài (mm)	Cây định tâm	Xuất xứ
2608577483	14	35	2608577507 (PL6035)	CN
2608577484	16	35		CN
2608577484	18	35		CN
2608577486	20	35		CN
2608577487	22	35		CN
2608577488	24	35		CN
2608577489	26	35		CN
2608577490	28	35		CN
2608577491	30	35		CN
2608577492	32	35		CN
2608577493	35	35	2608577508 (PL6035)	CN
2608577494	40	35		CN
2608577495	14	50		CN
2608577496	16	50		CN
2608577497	18	50		CN
2608577498	20	50		CN
2608577499	22	50		CN
2608577500	24	50		CN
2608577501	26	50		CN
2608577502	28	50	2608577510 (PL8050)	CN
2608577503	30	50		CN
2608577504	32	50		CN
2608577505	35	50		CN
2608577506	40	50		CN



11. MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI KẸP



MŨI KHOAN TƯỜNG CYL 2

Loại máy tương thích: Máy khoan GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608578114	3	30	60	CN
2608578115	4	40	75	CN
2608578116	5	50	85	CN
2608578117	5.5	50	85	CN
2608578118	6	60	100	CN
2608578119	6.5	60	100	CN
2608578120	8	80	120	CN
2608578159	9	80	120	CN
2608578121	10	80	120	CN
2608578122	12	90	150	CN
2608578123	14	90	150	CN
2608578160	16	90	150	CN
2608578124	Bộ 3 mũi (Ø 6, 8, 10 mm)			CN
2608578155	Bộ 5 mũi (Ø 4, 5, 6, 8, 10 mm)			CN
2608578156	Bộ 8 mũi (Ø 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 mm)			CN

MULTI CONSTRUCTION



MŨI ĐA NĂNG (GỖ, NHÔM, TƯỜNG, GẠCH MEN) - CYL 4

Loại máy tương thích: Máy khoan GSB

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608680696	3.0	40	70	CN
2608680697	4.0	40	75	CN
2608680698	5.0	50	85	CN
2608680699	5.5	50	85	CN
2608680792	6.0	60	100	CN
2608680793	6.5	60	100	CN
2608680794	7.0	60	100	CN
2608680795	8.0	80	120	CN
2608680796	10.0	80	120	CN
2608680797	12.0	90	150	CN
2608680798	Bộ 5 mũi (Ø 4, 5, 6, 8, 10 mm)			CN

12. MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI

MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI 4 KHÓA (SDS PLUS)



MŨI KHOAN PLUS 5X (Đường kính 5 - 16mm)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608833771	5	50	110	CN
2608833772	5	100	160	CN
2608833773	5	150	210	CN
2608833774	5.5	50	110	CN
2608833775	5.5	100	160	CN
2608833776	5.5	150	210	CN
2608833777	6	50	110	CN
2608833778	6	100	160	CN
2608833779	6	150	210	CN
2608833780	6	200	260	CN
2608833781	6.5	50	110	CN
2608833782	6.5	100	160	CN
2608833783	6.5	150	210	CN
2608833784	6.5	200	260	CN
2608833785	7	50	110	CN
2608833786	7	100	160	CN
2608833787	7	150	210	CN
2608833788	8	50	110	CN
2608833789	8	100	160	CN
2608833790	8	150	210	CN
2608833791	8	200	260	CN
2608833792	8	250	310	CN
2608833793	8	300	360	CN
2608833794	8	400	460	CN
2608833795	9	100	160	CN
2608833796	9	150	210	CN
2608833797	10	50	110	CN
2608833798	10	100	160	CN
2608833799	10	150	210	CN
2608833800	10	200	260	CN
2608833801	10	250	310	CN
2608833802	10	300	360	CN
2608833803	10	400	460	CN
2608833804	11	100	160	CN
2608833806	11	200	260	CN
2608833807	12	100	160	CN
2608833808	12	150	210	CN
2608833809	12	200	260	CN
2608833810	12	250	310	CN
2608833811	12	300	360	CN
2608833812	12	400	460	CN
2608833813	13	100	160	CN
2608833815	13	200	260	CN
2608833816	14	100	160	CN
2608833817	14	150	210	CN
2608833818	14	200	260	CN
2608833819	14	250	310	CN
2608833820	14	300	360	CN
2608833821	14	400	460	CN
2608833822	15	100	160	CN
2608833823	15	200	260	CN
2608833824	15	400	460	CN
2608833825	16	150	210	CN
2608833826	16	200	260	CN
2608833827	16	250	310	CN
2608833828	16	300	360	CN
2608833829	16	400	460	CN

MŨI KHOAN PLUS 5X (Đường kính 18 - 25mm)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608836631	18	150	200	CN
2608836633	18	400	450	CN
2608836639	20	150	200	CN
2608836640	20	250	300	CN
2608836641	20	400	450	CN
2608836644	22	200	250	CN
2608836645	22	400	450	CN
2608836647	24	200	250	CN
2608836648	24	400	450	CN
2608836649	25	200	250	CN
2608836650	25	400	450	CN



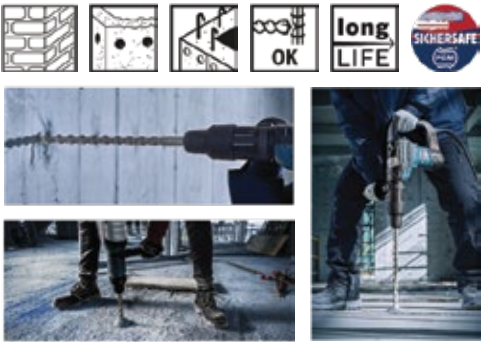
MŨI KHOAN SDS PLUS-1

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608680257	4	50	110	CN
2608680258	5	50	110	CN
2608680259	5	100	160	CN
2608680262	6	50	110	CN
2608680263	6	100	160	CN
2608680264	6	150	210	CN
2608680265	6.5	50	110	CN
2608680266	6.5	100	160	CN
2608680267	7	50	110	CN
2608680268	7	100	160	CN
2608680269	8	50	110	CN
2608680270	8	100	160	CN
2608680271	8	150	210	CN
2608680272	8	200	260	CN
2608680273	10	100	160	CN
2608680274	10	150	210	CN
2608680275	10	200	260	CN
2608680276	10	400	460	CN
2608680277	12	100	160	CN
2608680278	12	150	210	CN
2608680279	12	200	260	CN
2608680280	12	400	460	CN
2608680281	14	100	160	CN
2608680282	14	150	210	CN
2608680283	14	200	260	CN
2608680284	14	400	460	CN
2608680285	16	150	210	CN
2608680286	16	250	310	CN
2608680287	16	400	460	CN
2608680288	18	200	260	CN
2608680289	18	400	460	CN
2608680290	20	200	260	CN
2608680291	20	400	460	CN
2608680292	22	200	260	CN
2608680293	22	400	460	CN
2608680294	25	200	260	CN
2608680295	25	400	460	CN

12. MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI

MŨI KHOAN BÊ TÔNG CHUÔI GÀI 5 KHÍA (SDS MAX)



MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS MAX - 2

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608578003	12	195	340	CN
2608578005	14	195	340	CN
2608578007	16	195	340	CN
2608578010	18	195	340	CN
2608578013	18	395	540	CN
2608578014	20	195	340	CN
2608578017	20	395	540	CN
2608578018	22	195	340	CN
2608578021	22	395	540	CN
2608578022	25	195	340	CN
2608578025	25	395	540	CN
2608578026	28	195	340	CN
2608578029	28	395	540	CN
2608578030	30	195	340	CN
2608578032	30	395	540	CN
2608578035	32	395	540	CN
2608578037	35	395	540	CN
2608578039	40	395	540	CN
2608578152	32	740	920	CN

MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS MAX - 4

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608685860	16	200	340	CN
2608685861	16	400	540	CN
2608685862	18	200	340	CN
2608685863	18	400	540	CN
2608685864	20	200	320	CN
2608685865	20	400	520	CN
2608685866	22	200	320	CN
2608685867	22	400	520	CN
2608685868	25	200	320	CN
2608685869	25	400	520	CN
2608685870	28	200	320	CN
2608685871	28	400	520	CN
2608685872	30	200	320	CN
2608685873	30	400	520	CN
2608685874	32	200	320	CN
2608685875	32	400	520	CN
2608685876	35	400	520	CN
2608685877	40	400	520	CN



MŨI KHOAN BÊ TÔNG SDS MAX - 8X

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608900201	12	200	340	DE
2608900202	12	400	540	DE
2608900203	12	600	740	DE
2608900204	12	800	940	DE
2608900207	14	200	340	DE
2608900208	14	400	540	DE
2608900209	14	600	740	DE
2608900210	14	800	940	DE
2608900214	16	200	340	DE
2608900215	16	400	540	DE
2608900216	16	600	740	DE
2608900217	16	800	940	DE
2608900221	18	200	340	DE
2608900222	18	400	540	DE
2608900223	18	600	740	DE
2608900224	18	800	940	DE
2608900228	20	200	340	DE
2608900229	20	400	540	DE
2608900230	20	600	740	DE
2608900231	20	800	940	DE
2608900233	22	200	320	DE

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg)

Mã hàng	Đường kính (mm)	Chiều dài phần khoan (mm)	Tổng chiều dài (mm)	Xuất xứ
2608900234	22	400	520	DE
2608900235	22	600	720	DE
2608900236	22	800	920	DE
2608900238	24	200	320	DE
2608900239	24	400	520	DE
2608900240	25	200	320	DE
2608900241	25	400	520	DE
2608900242	25	600	720	DE
2608900243	25	800	920	DE
2608900245	26	200	320	DE
2608900246	26	400	520	DE
2608900247	28	200	320	DE
2608900248	28	400	520	DE
2608900249	28	600	720	DE
2608900250	28	800	920	DE
2608900252	30	200	320	DE
2608900253	30	400	520	DE
2608900254	32	200	320	DE
2608900255	32	400	520	DE
2608900256	32	600	720	DE
2608900257	32	800	920	DE

13. MŨI ĐỤC



MŨI ĐỤC CHUÔI GÀI 4 KHÍA (SDS PLUS)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (2/3/4 kg dòng D)

Mã hàng	Sản phẩm	Chiều dài (mm)	Đóng gói	Xuất xứ
2608690122	Mũi đục bút chì, đầu dẹt	160	10 chiếc	CN
2608690576	Mũi đục nhọn ①	250	1 chiếc	IT
2608690394	Mũi đục dẹt ②	250	1 chiếc	IT

MŨI ĐỤC CHUÔI GÀI 5 KHÍA (SDS MAX)

Loại máy tương thích: Máy khoan GBH (5/8 kg dòng D), Máy đục GSH (5/9/11 kg)

Mã hàng	Sản phẩm	Chiều dài (mm)	Đóng gói	Xuất xứ
2608690168	Mũi đục nhọn R-Tec, tự mài nhọn ③	400	10 chiếc	IT
1618600012	Mũi đục nhọn ④	600	1 chiếc	IT
2608690231	Mũi đục nhọn ⑤	400	10 chiếc	IT
2608690233	Mũi đục dẹt ⑥	400	10 chiếc	IT
2608690097	Đục bản, tự mài ⑦	350	1 chiếc	IT
2608690166	Mũi đục dẹt R-Tec ⑧	400	10 chiếc	IT



MŨI ĐỤC CHUÔI LỤC GIÁC (HEX)

Mã hàng	Sản phẩm	Chiều dài (mm)	Đóng gói	Xuất xứ
2608690111	Mũi đục nhọn, tự mài nhọn, đường kính đuôi 30 mm (dùng cho máy GSH 16-30) ⑨	400	1 chiếc	IT
2608684884	Mũi đục nhọn, đường kính 17 mm (dùng cho máy GSH 500) ⑩	280	1 chiếc	CN
2608684885	Mũi đục nhọn, đường kính 17 mm (dùng cho máy GSH 500) ⑪	280	1 chiếc	CN

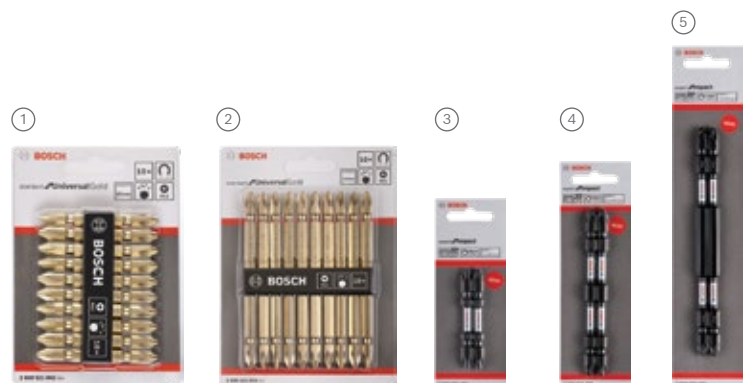
14. ĐẦU VẶN VÍT



ĐẦU VẶN VÍT

Loại máy tương thích: Máy GBM / GSR / GSB / GDR

Hình	Mã hàng	Sản phẩm	Xuất xứ
①	2608521042	(PH 2 - 65 mm) - Màu vàng	TW
②	2608521043	(PH 2 - 110 mm) - Màu vàng	TW
③	2608522408	PH2 - 6.35x65mm	VN
④	2608522409	PH2 - 6.35x110mm	VN
⑤	2608522410	PH2 - 6.35x150mm	VN



15. NHỮNG PHỤ KIỆN KHÁC



1. ĐẦU KHẨU

Mã hàng	Sản phẩm
1608551002	Khẩu 1/4", đầu 6, L = 25 mm
1608551003	Khẩu 1/4", đầu 7, L = 25 mm
1608551004	Khẩu 1/4", đầu 8, L = 25 mm
1608551005	Khẩu 1/4", đầu 9, L = 25 mm
1608551006	Khẩu 1/4", đầu 10, L = 25 mm
1608551007	Khẩu 1/4", đầu 11, L = 25 mm
1608551008	Khẩu 1/4", đầu 12, L = 25 mm
1608551009	Khẩu 1/4", đầu 13, L = 25 mm
1608552000	Khẩu 3/8", đầu 7, L = 34
1608552001	Khẩu 3/8", đầu 8, L = 34
1608552003	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 10 mm
1608552005	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 12 mm
1608552006	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 13 mm
1608552008	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 15 mm
1608552009	Khẩu 3/8""", đầu 16, L = 34
1608552012	Khẩu 1/2", đầu 10, L = 44
1608552013	Khẩu 1/2", đầu 11, L = 44
1608552015	Khẩu 1/2", đầu 13, L = 44
1608552019	Khẩu 1/2", đầu 17, L = 44
1608552021	Khẩu 1/2", đầu 19, L = 44
1608555024	Khẩu 1/2", đầu 22, L = 44
1608555053	Khẩu 1/2", đầu 24, L = 44
1608555059	Khẩu 1/2", đầu 27, L = 44
1608555065	Khẩu 1/2", đầu 30, L = 50
1608556005	Khẩu 3/4", đầu 19, L = 50 mm
1608556011	Khẩu 3/4", đầu 22, L = 50 mm
1608556015	Khẩu 3/4", đầu 24, L = 50 mm
1608556021	Khẩu 3/4", đầu 27, L = 50 mm
1608556027	Khẩu 3/4", đầu 30, L = 50 mm

Mã hàng	Sản phẩm
1608556033	Khẩu 3/4", đầu 36, L = 50 mm
1608557043	Khẩu 1", đầu 24, L = 57 mm
1608557046	Khẩu 1", đầu 27, L = 57 mm
1608557049	Khẩu 1", đầu 30, L = 62 mm
1608557050	Khẩu 1", đầu 32, L = 62 mm
1608557054	Khẩu 1", đầu 36, L = 62 mm
1608557058	Khẩu 1", đầu 41, L = 66 mm
1608557060	Khẩu 1", đầu 46, L = 70 mm
1608557063	Khẩu 1", đầu 50, L = 70 mm
1608557067	Khẩu 1", đầu 55, L = 75 mm
2608522307	Khẩu 1/2", đầu 21, L = 44
2608522309	Khẩu 1/2", đầu 22, L = 77 - Deep
2608522311	Khẩu 1/2", đầu 27, L = 77 - Deep
2608551098	Bộ 9 chiếc 25mm 3/8" 7,8,10,12,13,15,16,17,19
2608551097	Bộ 9 chiếc 50mm 1/4" 6,7,8,9,10,11,12,13,14
2608551096	Bộ 9 chiếc 25mm 1/4" 6,7,8,9,10,11,12,13,14
2608551099	Bộ 9 chiếc 60mm 3/8" 7,8,10,12,13,15,16,17,19
2608551102	Bộ 3 chiếc 85mm 1/2" - 17, 19, 21 L = 85
2608551101	Bộ 9 chiếc 75mm 1/2" 10,11,13,17,19,21,22,24,27
2608551100	Bộ 9 chiếc 40mm 1/2" 10,11,13,17,19,21,22,24,27
1608552010	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 17 mm
1608556029	Đầu khẩu 3/4" x 44 mm x 32 mm
2608522301	Đầu khẩu 3/8" x 34 mm x 19 mm
2608522302	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 10 mm
2608522303	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 11 mm
2608522304	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 13 mm
2608522305	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 17 mm
2608522306	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 19 mm
2608522310	Đầu khẩu 1/2" x 77 mm x 24 mm



2. ĐẦU BẮN TÔN

Mã hàng	Sản phẩm
2608522351	Đầu chụp nam châm: Đầu bắn tôn 8-50mm ①
2608522352	Đầu chụp nam châm: Đầu bắn tôn 10-50mm ②
2608522353	Đầu chụp nam châm: Đầu bắn tôn 12-50mm ③

15. NHỮNG PHỤ KIỆN KHÁC



3. ĐẦU KHOAN

Hình	Mã hàng	Sản phẩm		Xuất xứ
①	2608571078	Đầu khoan có khóa 10mm	3/8" - 24	CN
	2608571079	Đầu khoan có khóa 13mm	1/2" - 20	CN
②	2608572059	Đầu khoan SDS cho máy GBH 4 DFE		DE
③	2608572213	Đầu khoan 10mm, SDS plus cho máy GBH2-26DFR		DE
④	2608572212	Đầu khoan dùng với mũi chuỗi kẹp, cho máy GBH 2-26 DFR, GBH 4-32 DFR		DE
⑤	2608572253	Đầu khoan có khóa 13mm, cho khoan búa 2kg	1/2" - 20	CN
⑥	1617000132	Khớp nối SDS PLUS	1/2" - 20 UNF	IT



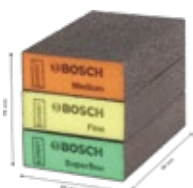
4. PHỤ KIỆN ĐÁNH BÓNG

Hình	Mã hàng	Sản phẩm	Xuất xứ	Loại máy tương thích
①	2608610001	Đĩa đánh bóng lông cừu 130mm	CH	Máy đánh bóng GPO
②	1608601006	Đĩa đánh bóng lông cừu 180mm	CH	
③	2608613005	Đĩa đánh bóng 130mm có đế dán	CH	
④	1608601006	Đĩa nhựa cho máy đánh bóng 180mm, M14	DE	
	2608601005	Đĩa nhựa dùng cho máy đánh nhám 115mm, M14	CH	Máy chà lệch tâm GEX
	2608601046	Đĩa nhựa dùng cho máy đánh nhám 100mm, M10	CH	
	1608601033	Đĩa nhựa dùng cho máy đánh nhám 125mm, M14	CH	

5. LƯỖI CẮT XỐP

Loại máy tương thích: Máy cắt xốp GSG

Mã hàng	Tên sản phẩm	Chiều dài	Số lượng đóng gói	Xuất xứ
2607018013	Lưỡi cắt	70mm (2 3/4")	2	CH
2608135023	Thanh dẫn T43D	Dùng cho lưỡi 70mm (2 3/4")	2	DE
2607018010	Lưỡi cắt	130mm (5 1/8")	2	CH
2608135020	Thanh dẫn T42A	Dùng cho lưỡi 130mm (5 1/8")	2	DE
2607018011	Lưỡi cắt	200mm (8.0")	2	DE
2608135021	Thanh dẫn T42B	Dùng cho lưỡi 200mm (8.0")	2	DE
2607018012	Lưỡi cắt	300mm (11 3/4")	2	CH
2608135022	Thanh dẫn T42C	Dùng cho lưỡi 300mm (11 3/4")	2	DE



6. FOAM CHÀ GỖ EXPERT

MỚI

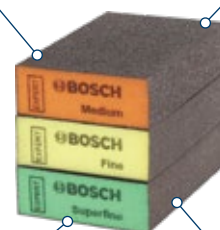
Mã hàng	Tên sản phẩm
2608901175	Bộ nhóm Foam chà gỗ 03 miếng

ĐỘ BỀN CAO

Đặc tính siêu bền nhờ vào công nghệ Bosch Surface Structure, giữ vững liên kết linh hoạt giữa các hạt nhám ngay cả khi sử dụng ở những khu vực khó khăn.

TÍNH LINH HOẠT & THÍCH ỨNG TỐI ĐA

Foam tạo thành hình dạng để phân bố áp suất đều trên bề mặt, giúp dễ dàng thích ứng với bất kỳ hình dạng nào của chi tiết gia công và dễ dàng tiếp cận các khu vực khó tiếp cận nhất.



CHỐNG RÁCH

Foam cực kỳ mạnh mẽ và bền bỉ, đồng thời đảm bảo tính linh hoạt và khả năng chống rách tối ưu cho thời gian sử dụng tối đa.

GIẢI PHÁP CHÀ NHẸM BA BƯỚC

Mã màu độc đáo giúp đơn giản hóa quá trình chà nhám (loại bỏ - chuẩn bị - hoàn thiện) và phân biệt kích thước hạt nhám với nhau.

16. LƯỖI KHOẾT LỖ



Loại máy tương thích: Máy vặn ốc GDR / GSR Máy khoan GBM / GSB / GBH

Mã hàng	Đường kính (mm)	Khớp nối chuỗi gài SDS	Khớp nối chuỗi lục giác Hex	Loại	Xuất xứ	Hình ảnh chuỗi gài
2608580396	14 mm	2609390035	2609390588	HSS	CN	
2608580397	16 mm			HSS	CN	
2608580398	17 mm			HSS	CN	
2608580399	19 mm			HSS	CN	
2608580400	20 mm			HSS	CN	
2608580401	21 mm			HSS	CN	
2608580402	22 mm			HSS	CN	
2608580403	24 mm			HSS	CN	
2608580404	25 mm			HSS	CN	
2608580405	27 mm			HSS	CN	
2608580406	29 mm			HSS	CN	
2608580407	30 mm			HSS	CN	
2608580408	32 mm	2609390036	2609390034	HSS	CN	
2608580409	33 mm			HSS	CN	
2608580410	35 mm			HSS	CN	
2608580411	37 mm			HSS	CN	
2608580412	38 mm			HSS	CN	
2608580413	40 mm			HSS	CN	
2608580414	41 mm			HSS	CN	
2608580415	43 mm			HSS	CN	
2608580416	44 mm			HSS	CN	
2608580417	46 mm			HSS	CN	
2608580418	48 mm			HSS	CN	
2608580419	51 mm			HSS	CN	
2608580420	52 mm			HSS	CN	
2608580421	54 mm			HSS	CN	
2608580422	56 mm			HSS	CN	
2608580423	57 mm			HSS	CN	
2608580424	59 mm			HSS	CN	
2608580425	60 mm			HSS	CN	
2608580426	64 mm			HSS	CN	
2608580427	65 mm			HSS	CN	
2608580428	67 mm			HSS	CN	
2608580429	68 mm			HSS	CN	
2608580430	70 mm			HSS	CN	
2608580431	73 mm			HSS	CN	
2608580432	76 mm			HSS	CN	
2608580433	79 mm			HSS	CN	
2608580434	83 mm			HSS	CN	
2608580435	86 mm			HSS	CN	
2608580436	89 mm			HSS	CN	
2608580437	92 mm			HSS	CN	
2608580438	95 mm			HSS	CN	
2608580439	98 mm			HSS	CN	
2608580440	102 mm			HSS	CN	
2608580441	105 mm			HSS	CN	
2608580442	108 mm			HSS	CN	
2608580443	111 mm			HSS	CN	
2608580444	114 mm			HSS	CN	
2608580445	121 mm			HSS	CN	
2608580446	127 mm			HSS	CN	
2608580447	140 mm			HSS	CN	
2608580448	152 mm			HSS	CN	



17. MŨI KHOÉT GỖ ĐUÔI CÁ EXPERT SELF CUT MỞI



Mã hàng	Tên sản phẩm
2608900309	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 6x152mm
2608900310	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 8x152mm
2608900311	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 10x152mm
2608900312	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 12x152mm
2608900313	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 13x152mm
2608900314	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 14x152mm
2608900315	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 16x152mm
2608900316	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 17x152mm
2608900317	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 18x152mm
2608900318	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 19x152mm
2608900319	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 20x152mm
2608900320	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 22x152mm
2608900321	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 24x152mm
2608900322	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 25x152mm
2608900323	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 26x152mm
2608900324	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 28x152mm
2608900325	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 30x152mm
2608900326	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 32x152mm
2608900327	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 35x152mm
2608900328	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 36x152mm
2608900329	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 38x152mm
2608900330	Mũi khoét gỗ đuôi cá SELFCUT 40x152mm
2608900332	Bộ khoan gỗ đuôi cá SELFCUT 14/16/18/20/22/24mm

KHOAN DỄ DÀNG

Dễ dàng khoan nhanh nhờ Bosch Tip Technology

KHOAN NHANH

Đường ren tự dẫn tiến để có được tốc độ và dễ dàng khoan

LOẠI BỎ PHÔI NHANH

Phân đuôi cá có thiết kế lượn sóng thông minh để loại bỏ phôi nhanh



18. BỘ DỤNG CỤ



Hình	Mã hàng	Mô tả	Số chi tiết	Dòng	Xuất xứ
①	2607019510	Bộ vặn vít	10	Bỏ túi	CN
②	2607017400	Bộ vặn vít	25	Đa năng	CN
③	2607017322	Bộ vặn vít	26	Đa năng	CN
④	2607019506	Bộ vặn vít	38	Đa năng	CN
⑤	2607017164	Bộ vặn vít	43	Đa năng	CN
⑥	2607017399	Bộ vặn vít	46	Đa năng	TW
⑦	2607010608	Mũi khoan và vặn vít X-line	34	X-line	CN
⑧	2607017396	Mũi khoan và vặn vít	41	V-line	CN
⑨	2607002793	Bộ dụng cụ đa năng	12	Đa năng	CN
⑩	2607002794	Bộ dụng cụ đa năng	66	Đa năng	CN
⑪	2607002788	Bộ dụng cụ đa năng	108	Đa năng	CN

BỘ DỤNG CỤ ĐA NĂNG PICK&CLICK **MỚI**

Hình	Mã hàng	Mô tả	Số chi tiết
⑮	2608522421	Bộ vặn vít Pick&Click 44 món	44
⑯	2608522422	Bộ mũi khoan & vặn vít Pick&Click 20 món	20
	2608522413	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu PH, PZ (8 món)	
	2608522414	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu SL, Hex (8 món)	
	2608522415	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu Torx (8 món)	
	2608522416	Bộ vặn vít extra hard 25mm đầu Torx (8 món)	
	2608522423	Để giữ mũi vít	
	2608522424	Để giữ mũi vít (bao gồm đầu Hex)	
	2608522364	Hộp trống	
	2608522419	Đầu vặn vít extra hard 65mm (5 món) và bộ 3 mũi khoan HSS PointTeQ	
	2608522420	Đầu vặn vít extra hard 65mm (5 món) và bộ 3 mũi khoan Multi-construction	
	2608522417	Bộ vặn vít extra hard 65mm PH2 PZ SL6 T15,20,25, H3,4 (8 món)	
	2608522362	Hộp đựng size M	
	2608522363	Hộp đựng size L	
	2608522418	Đầu vặn ốc 6, 8, 10 và để giữ	



19. BỘ MŨI PHAY

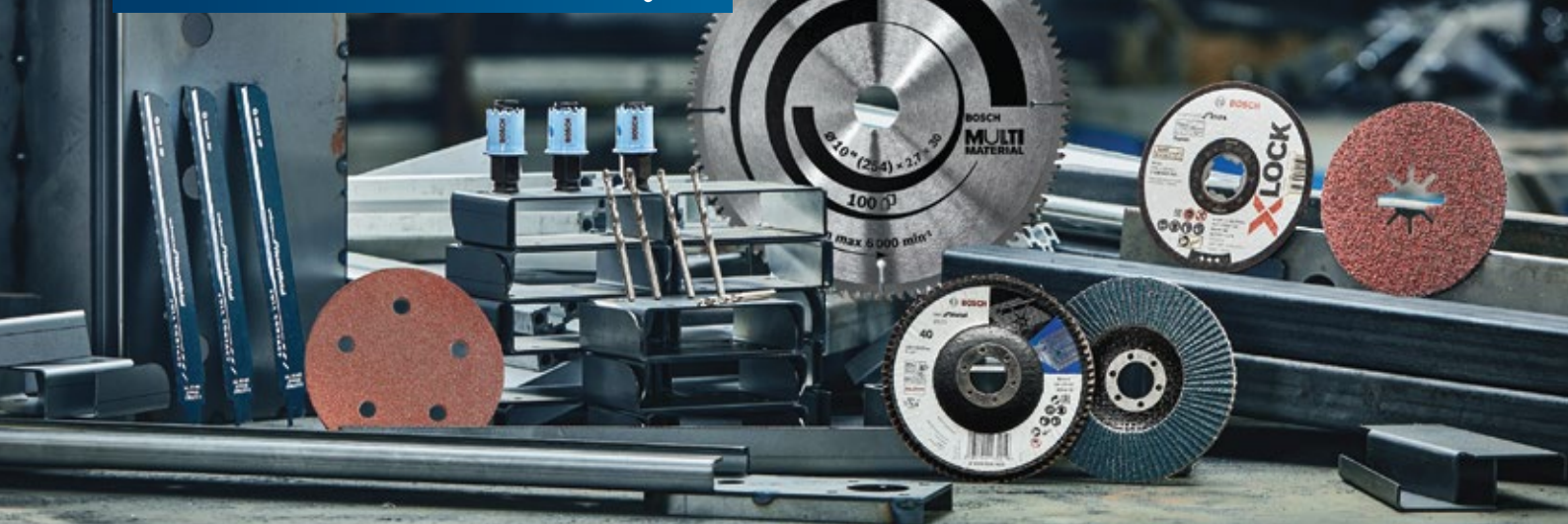
Hình	Mã hàng	Mô tả	Số chi tiết	Dòng	Xuất xứ
⑫	2607017470	Bộ mũi phay góc 6 món	6	Carbide	CN
⑬	2607017467	Bộ mũi phay thẳng 6 món	6	Carbide	CN
⑭	2607017473	Bộ mũi phay thẳng và phay góc	15	Carbide	CN



PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP BOSCH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG



PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP BOSCH
GIA CÔNG KIM LOẠI



PHỤ KIỆN CHUYÊN NGHIỆP BOSCH
GIA CÔNG GỖ





BOSCH

Sáng tạo vì cuộc sống



NGÀNH HÀNG NHÀ CỬA VÀ DỤNG CỤ SÂN VƯỜN

ĐA DẠNG - LINH HOẠT - TIỆN DỤNG

Hãy cùng Bosch chăm sóc nhà cửa và sân vườn của bạn bằng cách dễ dàng và thú vị nhất!



DÒNG MÁY PHUN XỊT RỬA ÁP LỰC CAO - GIA DỤNG

EasyAquatak 100

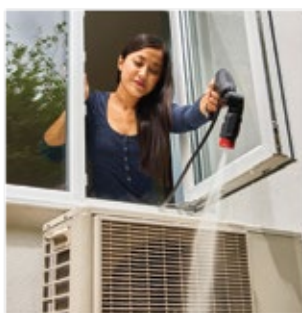
Easy



Thông số kỹ thuật

Áp lực	100 bar
Lưu lượng dòng chảy	270 l/h
Công suất	1,100 W
Trọng lượng máy	3 kg
Chiều dài ống xịt	3 m

Mã hàng 06008A7EK0
Giá tham khảo 2,329,000 VNĐ



EasyAquatak 100LL

Easy



Thông số kỹ thuật

Áp lực	100 bar
Lưu lượng dòng chảy	270 l/h
Công suất	1,100 W
Trọng lượng	3 kg
Chiều dài ống xịt	3 m

Mã hàng 06008A7EK1
Giá tham khảo 2,389,000 VNĐ



EasyAquatak 110

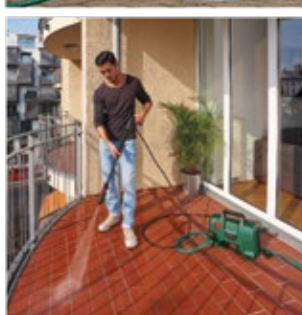
Easy



Thông số kỹ thuật

Áp lực	110 bar
Lưu lượng dòng chảy	300 l/h
Công suất	1,300 W
Trọng lượng	3.8 kg
Chiều dài ống xịt	3 m

Mã hàng 06008A7FK0
Giá tham khảo 2,559,000 VNĐ



EasyAquatak 120

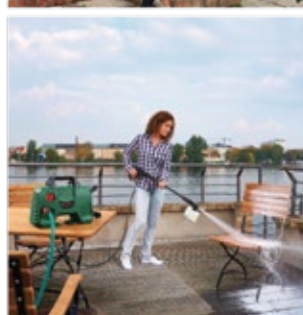
Easy



Thông số kỹ thuật

Áp lực	120 bar
Lưu lượng dòng chảy	350 l/h
Công suất	1,500 W
Trọng lượng	4 kg
Chiều dài ống xịt	5 m

Mã hàng 06008A79K1
Giá tham khảo 3,029,000 VNĐ

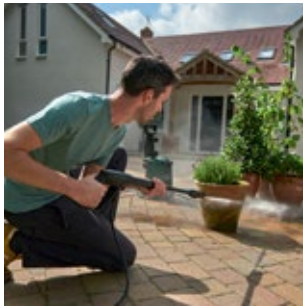


DÒNG MÁY PHUN XỊT RỬA ÁP LỰC CAO - GIA DỤNG

UniversalAquatak 125
Universal



Thông số kỹ thuật	
Áp lực	125 bar
Lưu lượng dòng chảy	360 l/h
Công suất	1,500 W
Trọng lượng	6.8 kg
Chiều dài ống xịt	5 m
Mã hàng	06008A7AK0
Giá tham khảo	3,729,000 VNĐ



AdvancedAquatak 140
Advanced



Thông số kỹ thuật	
Áp lực	140 bar
Lưu lượng dòng chảy	450 l/h
Công suất	2100 W
Trọng lượng	18 kg
Chiều dài ống xịt	8 m
Mã hàng	06008A7DK0
Giá tham khảo	7,009,000 VNĐ



DÒNG MÁY PHUN XỊT RỬA ÁP LỰC CAO - CHUYÊN NGHIỆP

Máy phun xịt rửa cao áp
GHP 5-55



Thông số kỹ thuật	
Công suất	2200W
Lưu lượng dòng chảy	500 l/h
Áp lực nước định mức	11.5MPa
Trọng lượng	22kg
Chiều dài ống xịt	8m
Mã hàng	06009104K0
Giá tham khảo	10,639,000 VNĐ



Máy phun xịt rửa cao áp
GHP 5-75



Thông số kỹ thuật	
Công suất	2600W
Lưu lượng dòng chảy	560 l/h
Áp lực nước định mức	14MPa
Trọng lượng	26.7kg
Chiều dài ống xịt	10m
Mã hàng	06009107K0
Giá tham khảo	16,099,000 VNĐ



PHỤ KIỆN DÒNG MÁY PHUN XỊT RỬA

Phụ kiện chà rửa sân Aquasurf 250



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800486**
Giá tham khảo **649,000 VNĐ**

Súng ngắn xoay áp lực cao 360 độ



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800536**
Giá tham khảo **599,000 VNĐ**

Đầu lọc nước



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch

Mã hàng **F016800577**
Giá tham khảo **229,000 VNĐ**

Dây áp lực 6m



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800360**
Giá tham khảo **409,000 VNĐ**

Đầu phun xịt 3 trong 1



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatank 100)

Mã hàng **F016800579**
Giá tham khảo **399,000 VNĐ**

Đầu phun xoay



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatank 100)

Mã hàng **F016800580**
Giá tham khảo **329,000 VNĐ**

Đầu phun 90 độ



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatank 100)

Mã hàng **F016800581**
Giá tham khảo **329,000 VNĐ**

Đầu phun điều chỉnh tia



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatank 100)

Mã hàng **F016L72551**
Giá tham khảo **269,000 VNĐ**

Ống phun áp lực nối dài 6m



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar

Mã hàng **F016800361**
Giá tham khảo **469,000 VNĐ**

Phụ kiện hỗ trợ hút nước



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch

Mã hàng **F016800421**
Giá tham khảo **439,000 VNĐ**

Đầu hút nước



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch, ngoại trừ EasyAquatank 100

Mã hàng **F016800356**
Giá tham khảo **679,000 VNĐ**

Bàn chải



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy Xịt rửa Bosch, ngoại trừ EasyAquatank 100

Mã hàng **F016800359**
Giá tham khảo **229,000 VNĐ**

Đầu phun xịt có bình xà phòng



Dùng được với máy

Tất cả các dòng máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatank 100)

Mã hàng **F016800509**
Giá tham khảo **389,000 VNĐ**

Phụ kiện rửa ống 10m



Dùng được với máy

Tất cả các máy thuộc dòng Easy, Universal, có áp lực nước < 135 bar (Ngoại trừ EasyAquatank 100)

Mã hàng **F016800362**
Giá tham khảo **599,000 VNĐ**

Kéo cắt cành dùng pin



Thông số kỹ thuật	
Điện áp Pin	3.6V
Khả năng cắt lên đến	25mm
Số lần cắt tối đa/1 lần sạc	450
Hệ thống cắt	Bypass
Thời gian sạc	3.5 giờ
Cổng sạc	USB
Trọng lượng	0.49 kg

Mã hàng 06008B2100
Giá tham khảo 2.590.000 VND



Máy bơm cầm tay đa năng



Thông số kỹ thuật	
Điện áp Pin	3.6V / 3.0Ah
Áp suất tối đa	150 PSI/ 10.3 Bar
Trọng lượng	0.43 kg
Thời gian vận hành	Lên tới 20 phút
Chiều dài ống dẫn khí	24cm
Cổng sạc	USB

Mã hàng 0603947080
Giá tham khảo 1.890.000 VND



Máy cọ rửa vệ sinh đa năng dùng pin



Thông số kỹ thuật	
Điện áp Pin	3.6V/1.5Ah
Trọng lượng	0.33 kg
Tiêu chuẩn chống thấm nước	IPX5
Tốc độ không tải	215 v/p
Cổng sạc	USB

Mã hàng 06033E0050
Giá tham khảo 1.390.000 VND



Website



Facebook



Youtube

PHỤ KIỆN MÁY CỌ RỬA VỆ SINH ĐA NĂNG DÙNG PIN

Đầu chải lông cứng

Mã hàng 1600A023KW



Giá đỡ miếng chà

Mã hàng 1600A023KX



Đầu chải chi tiết

Mã hàng 1600A023KY



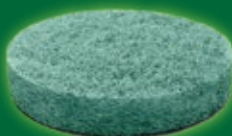
Miếng chà Microfibre chống xước

Mã hàng 1600A023KZ



Miếng cọ nhà bếp

Mã hàng 1600A023L0



Miếng chà mài mòn

Mã hàng 1600A023L1



Miếng tẩy melamine

Mã hàng 1600A023L2



VÔ VÀN CÁCH ỨNG DỤNG

Tất cả phụ kiện và miếng chà đều có thể tái sử dụng và an toàn với máy rửa chén lên đến 50 °C

Chất liệu bề mặt	Đầu chà				
	Đầu chải lông cứng Đầu chải chi tiết	Miếng chà microfibre chống xước	Miếng cọ nhà bếp	Miếng chà mài mòn	Miếng tẩy melamine
					
Bề mặt cứng	●	○	—	—	●
Bề mặt sơn	○	○	—	—	●
Vải	●	—	—	—	○
Gang	—	○	●	●	—
Gốm, sứ	●	○	○	—	—
Nhôm, kim loại	●	○	—	—	—
Nhựa, nhựa tổng hợp	●	●	—	—	○
Kính	—	●	○ (kính cường lực)	—	●
Sơn, gỉ sét	—	—	○	●	—

Chú thích

● Lý tưởng

○ Sử dụng hạn chế

— Không phù hợp

Đầu chải lông cứng*



Mã hàng 1600A023KW

Món/gói: 1

Dùng cho:

Làm sạch sâu. Chậu rửa, gạch lát, mối nối gạch, vãnh lóp và đồ nội thất trong nhà.

Đầu chải chi tiết*



Mã hàng 1600A023KY

Món/gói: 1

Dùng cho:

Làm sạch các khu vực hẹp. Các góc, biên dạng và khớp nối.

Miếng chà mài mòn*



Mã hàng 1600A023L1

Món/gói: 3

Dùng cho:

Loại bỏ các vết bẩn cứng đầu và thực phẩm nướng trên bề mặt. Lò nướng và dụng cụ nấu nướng, gỉ sét điện tích nhỏ. Không thích hợp cho đồ nội thất gỗ.

Miếng chà Microfibre chống xước*



Mã hàng 1600A023KZ

Món/gói: 3

Dùng cho:

Các bề mặt cần cọ rửa mà không làm trầy xước, chẳng hạn như nồi / chảo, bồn rửa, cống rãnh, v.v.

Miếng cọ nhà bếp



Mã hàng 1600A023L0

Món/gói: 3

Dùng cho:

Nồi, chảo và bề mặt bếp. Không thích hợp cho các đồ dùng có lớp tráng qua.

Miếng tẩy melamine



Mã hàng 1600A023L2

Món/gói: 3

Dùng cho:

Mặt bàn, bề mặt kính, sàn nhà, ván ốp chân tường, cửa ra vào và giày dép.

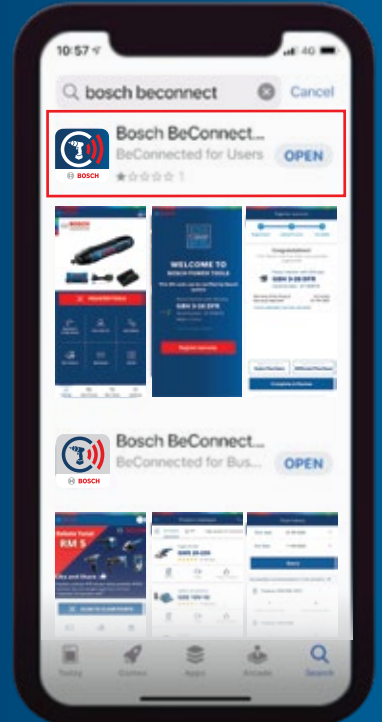
* bao gồm trong sản phẩm khi mua

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ BẢO HÀNH VỚI ỨNG DỤNG BOSCH BECONNECTED

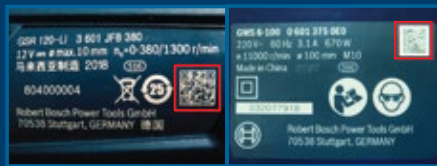
- 1 Vào  / 
- 2 Tìm kiếm “Bosch BeConnected”
- 3 Nhấn cài đặt ứng dụng
- 4 Đăng nhập với Bosch ID đã có, hoặc đăng ký mới với số điện thoại của bạn
- 5 Chọn mục “ Sản phẩm đăng ký ”



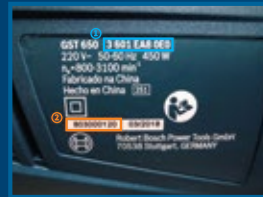
QUÉT MÃ
ĐỂ TÀI NHANH



- Quét mã QR code trên thân máy.



- Trường hợp không quét thành công, chuyển sang đăng ký thủ công bằng cách nhập mã thân máy (1) và số seri (2).



- 6 Tải lên hình hóa đơn và hình nhãn máy (có mã thân máy và số seri)
- 7 Khi đem máy đi bảo hành, vào mục “Máy của tôi” → chọn chứng nhận bảo hành và xuất trình chứng nhận này cho trung tâm bảo hành.

Vui lòng tham khảo chi tiết về ứng dụng BeConnected và các ưu đãi hấp dẫn của Bosch tại website <https://vn.bosch-pt.com/vn/vi/>

Hotline: 1900 99 88 50 – (Zalo): 08 1900 8055

Email: tuvankhachhang-pt@vn.bosch.com

HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ BẢO HÀNH BẰNG TIN NHẮN CHO DÒNG MÁY BOSCH XANH LÁ

- Từ 06/2023 khách hàng có thể nhắn tin đến số 8099 để kiểm tra hàng chính hãng nhưng không có tác dụng đăng ký bảo hành.
- Riêng máy Bosch xanh lá (máy phun xịt rửa cao áp, kéo cắt cành, máy cọ rửa, bơm hơi cầm tay) vẫn sử dụng tem để đăng ký bảo hành thông qua tin nhắn đến tổng đài 8099.

Bước 1

Cào tem để lấy mã an ninh (12 hoặc 13 chữ số)

Bước 2

Tìm số seri trên thân máy. Số seri trên máy thường có 3 đến 9 số và không có chữ. Quý khách nhớ nhìn kỹ để không nhầm lẫn với số hiệu của máy. (Như hình minh họa)



Bước 3

Nhắn tin đến tổng đài 8099 theo cú pháp **DAC_Mã số@Số seri** để đăng ký (1.000đ/tin)

VD: Mã số cào **1111 4081 7203**, số seri **101005205**

Cú pháp:

DAC_mã số cào@số seri gửi tới **8099**

(1.000đ/tin) Trong đó _ là khoảng trắng

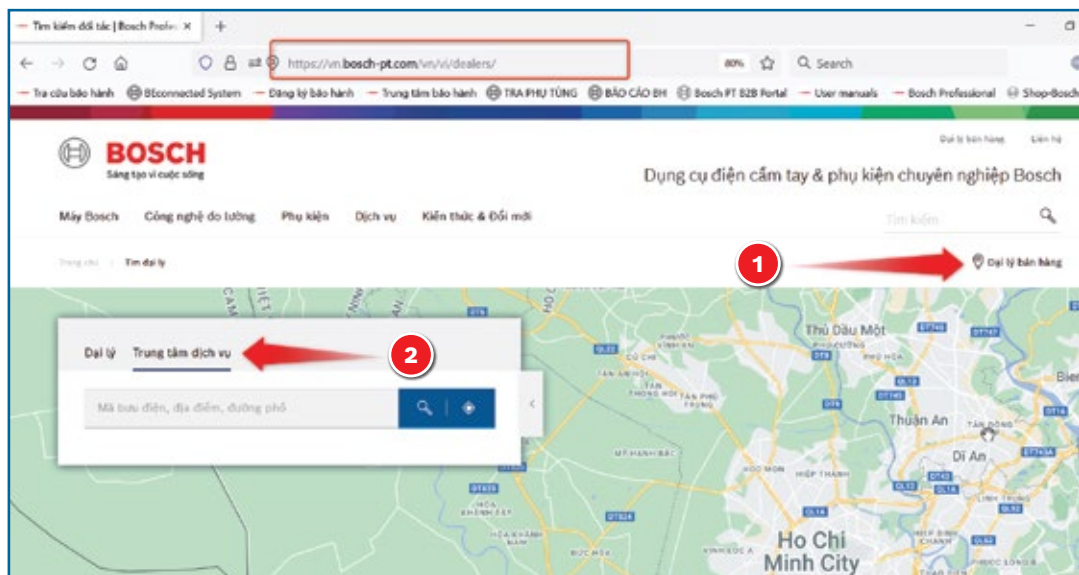
**CÓ 2 LOẠI
TEM
CHỐNG GIÀ
ĐANG
LƯU HÀNH**



Hotline: 1900 99 88 50 - (Zalo): 08 1900 8055 - Email: tuvankhachhang-pt@vn.bosch.com

ĐỂ TÌM KIẾM CÁC TRUNG TÂM BẢO HÀNH VÀ ĐẠI LÝ TRÊN TOÀN QUỐC

Truy cập website: <https://vn.bosch-pt.com/vn/vi/dealers/>



1 NHẤP TÌM “Đại lý bán hàng”

2 CHỌN “Trung tâm dịch vụ”
Để tìm kiếm các TTBH trên toàn quốc.

CHÍNH SÁCH BẢO HÀNH 2023

1 YÊU CẦU BẢO HÀNH

- Tất cả các sản phẩm dụng cụ điện cầm tay BOSCH đều được bảo hành nếu máy hư hỏng về kỹ thuật do lỗi của nhà sản xuất.
- Chỉ Trung Tâm Bảo Hành được ủy quyền của BOSCH mới được quyền sửa chữa và thay thế phụ tùng bảo hành.
- Nếu máy hư phải được gửi đến Trung Tâm Bảo Hành được ủy quyền của BOSCH trong tình trạng còn nguyên vẹn chưa tháo ráp.

► Chế độ bảo hành chỉ được áp dụng khi:

- Máy đã được kích hoạt bảo hành thành công trên ứng dụng Beconnected (riêng dòng máy Bosch xanh lá chỉ đăng ký bằng tem an ninh) và còn thời hạn bảo hành.
- Máy mua trước 1/1/2023 được kích hoạt bảo hành thành công thông qua tin nhắn đến tổng đài 8099 và trên thân máy còn lưu lại số seri và mã số an ninh hoặc ít nhất 1 trong 2 thông tin trên.

► Trường hợp máy chưa kích hoạt bảo hành:

- Khách hàng xuất trình hóa đơn mua hàng hợp lệ khi mua hàng tại các cửa hàng hoặc đại lý chính hãng (thể hiện rõ thông tin số seri máy hoặc mã máy, ngày tháng mua hàng và xác nhận bằng chữ ký hoặc mộc của cửa hàng/đại lý)
- Khách hàng xuất trình hóa đơn mua hàng hoặc phiếu mua hàng online khi mua hàng qua kênh online hoặc mua hàng tại các siêu thị điện máy.

► Không áp dụng bảo hành với tất cả các trường hợp sau:

- Các bộ phận hao mòn tự nhiên: cổ góp, bạc đạn, công tắc, chổi than, hộp chổi than, dây điện, phích cắm, vỏ máy, lò xo, đai ốc, đầu cặp (đầu khoan), vòng gioăng, lọc....
- Phụ kiện đi kèm như: đầu phun và ống nối của máy phun xịt rửa cao áp, mũi khoan, mũi vít, lưỡi cắt, giấy nhám, đá mài....
- Các trường hợp lạm dụng máy, cháy do quá tải, sử dụng nguồn điện không đúng hoặc không ổn định, máy bị rơi vỡ, va đập, máy bị hư hỏng gây ra bởi các vật lạ lọt vào máy.
- Không tuân thủ tài liệu hướng dẫn sử dụng máy hoặc tự ý sửa chữa, cải tạo trên máy.
- Nứt vỡ do quá trình vận chuyển và sử dụng gây ra.
- Sử dụng sai cách, bất cẩn, hư hỏng do thiên tai hoặc bất kỳ tai nạn nào khác.
- Máy bị chảy pin hoặc sử dụng không đúng cách đối với dụng cụ đo laser và kỹ thuật số.
- Pin do chai hoặc sạc xả nhiều lần so với thiết kế hoặc sử dụng không đúng quy cách hoặc hao mòn nguyên tố hóa học theo thời gian
- Máy không tuân thủ thời gian bảo dưỡng định kỳ và gây hư hại đến máy.

2 THỜI GIAN BẢO HÀNH

- Thời gian bảo hành được tính từ ngày kích hoạt bảo hành thành công hoặc dựa theo ngày mua hàng trên hóa đơn mua hàng/phiếu mua hàng. Nếu có sự khác biệt giữa thời gian mua hàng được nhập trên ứng dụng Bosch BEconnected và trên hóa đơn mua hàng/phiếu mua hàng, chúng tôi sẽ căn cứ vào thời gian mua hàng trên hóa đơn/phiếu mua hàng là ngày dụng cụ bắt đầu được bảo hành.
- Tất cả các máy dụng cụ điện cầm tay BOSCH (riêng dụng cụ đo laser và kỹ thuật số và máy BOSCH xanh lá vẫn bảo hành 6 tháng) mua từ ngày 01/01/2023 sẽ được bảo hành 12 tháng bao gồm: dòng máy tiêu chuẩn (không có logo “heavy duty” trên nhãn máy), dòng máy chuyên nghiệp (có logo “heavy duty” trên nhãn máy).
- Pin và sạc pin kèm theo máy hoặc mua rời và thuộc mã sản phẩm (có thể kích hoạt bảo hành được) sẽ được áp dụng chế độ bảo hành 12 tháng.

3 QUY ĐỊNH BẢO HÀNH

- Mỗi máy được bảo hành 03 lần và mỗi chi tiết phụ tùng chỉ được thay bảo hành 02 lần trong thời gian bảo hành, ngoại trừ pin và sạc (chỉ đổi mới 1 lần khi bị lỗi).
- Pin và sạc pin thuộc mã phụ tùng sẽ không được áp dụng chính sách bảo hành (Xem phụ lục đính kèm).
- Danh sách các máy dụng cụ điện cầm tay BOSCH có thể tham khảo Phụ Lục đính kèm hoặc tham khảo website: <https://vn.bosch-pt.com/vn/vi/>
- Những dụng cụ được mua trước ngày 31/12/2022 sẽ áp dụng chính sách bảo hành năm 2022.

4 ĐIỀU KIỆN ĐỔI MỚI SẢN PHẨM

*** Quét mã để xem đầy đủ chính sách bảo hành 2023 và phụ lục đính kèm



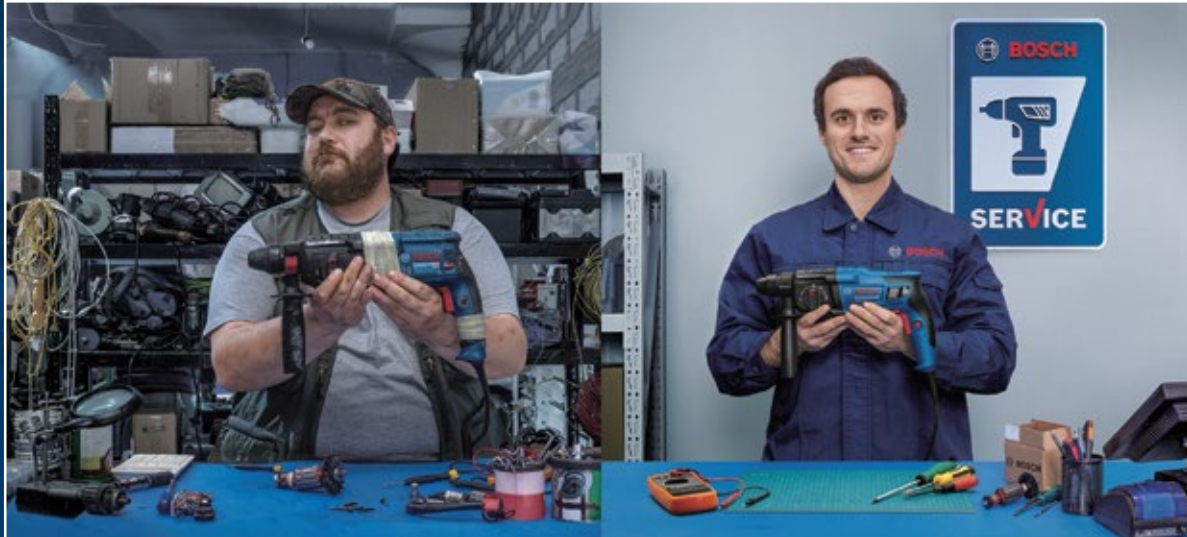
- Sản phẩm thuộc dòng máy dụng cụ đo laser và kỹ thuật số bị lỗi kỹ thuật do Nhà sản xuất và không có phụ tùng thay thế.
- Lưu ý: Việc kiểm tra máy và xác định lỗi hư hỏng cần có chuyên môn và trang thiết bị chuyên dụng nên chỉ có thể thực hiện tại Trung tâm bảo hành được ủy quyền.
- Sản phẩm thuộc phạm vi bảo hành mà không có phụ tùng thay thế hoặc được lưu giữ tại Trung tâm sau 01 tháng mà chưa có phụ tùng (được xác nhận bởi Trung tâm bảo hành ủy quyền của Bosch).
- Pin và sạc pin kèm theo máy hoặc mua rời (không nằm trong danh sách phụ lục) sẽ được áp dụng chế độ bảo hành đổi mới 1 lần khi bị lỗi kỹ thuật.
- Lưu ý: Các máy được bảo hành đổi mới sẽ được kích hoạt bảo hành trước khi trả lại với ngày mua theo ngày mua của máy cũ. Chế độ bảo hành đổi mới chỉ áp dụng 1 lần, khi máy bị lỗi tương tự sẽ không được đổi mới lần 2.

PHỤ TÙNG BOSCH CHÍNH HÃNG !

LUÔN CÓ PHỤ TÙNG CHÍNH HÃNG ĐỂ THAY THẾ VỚI GIÁ HỢP LÝ,
HÃY TRUY CẬP NGAY VÀO WEBSITE

 <https://www.boschtoolservice.com/vn/en/bosch-pt/spareparts/search>

Để tìm kiếm phụ tùng chính hãng cho dụng cụ Bosch của bạn.

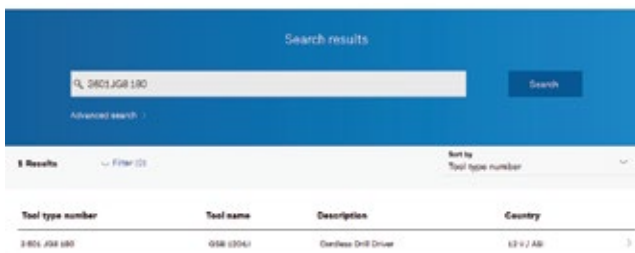


**QUÉT MÃ
ĐỂ TRUY CẬP
NHANH**

TRA CỨU VÀ ĐẶT MUA PHỤ TÙNG BOSCH CHÍNH HÃNG DỄ DÀNG THEO CÁC BƯỚC SAU

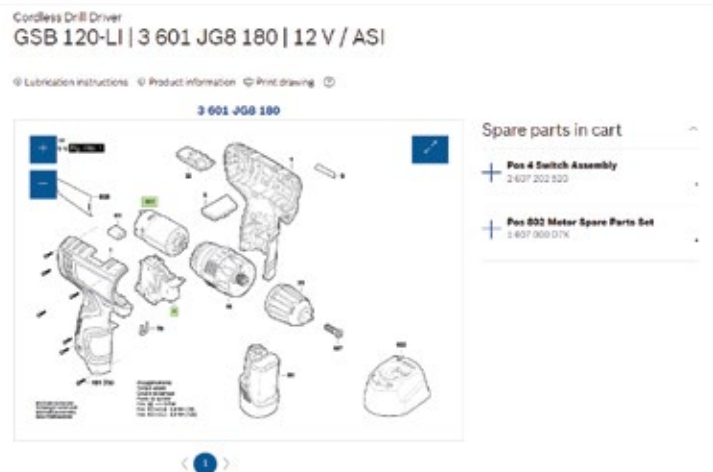
► Bước 1

Tìm sơ đồ phụ tùng máy theo model máy (ví dụ **GSB 120-Li**) và chọn 220V / ASI hoặc theo mã thân máy (ví dụ **3601JG8180**)



► Bước 2

Chọn phụ tùng cần mua trên sơ đồ



► Bước 3

Sao chép mã phụ tùng và đặt mua tại trung tâm bảo hành gần nhất hoặc liên hệ

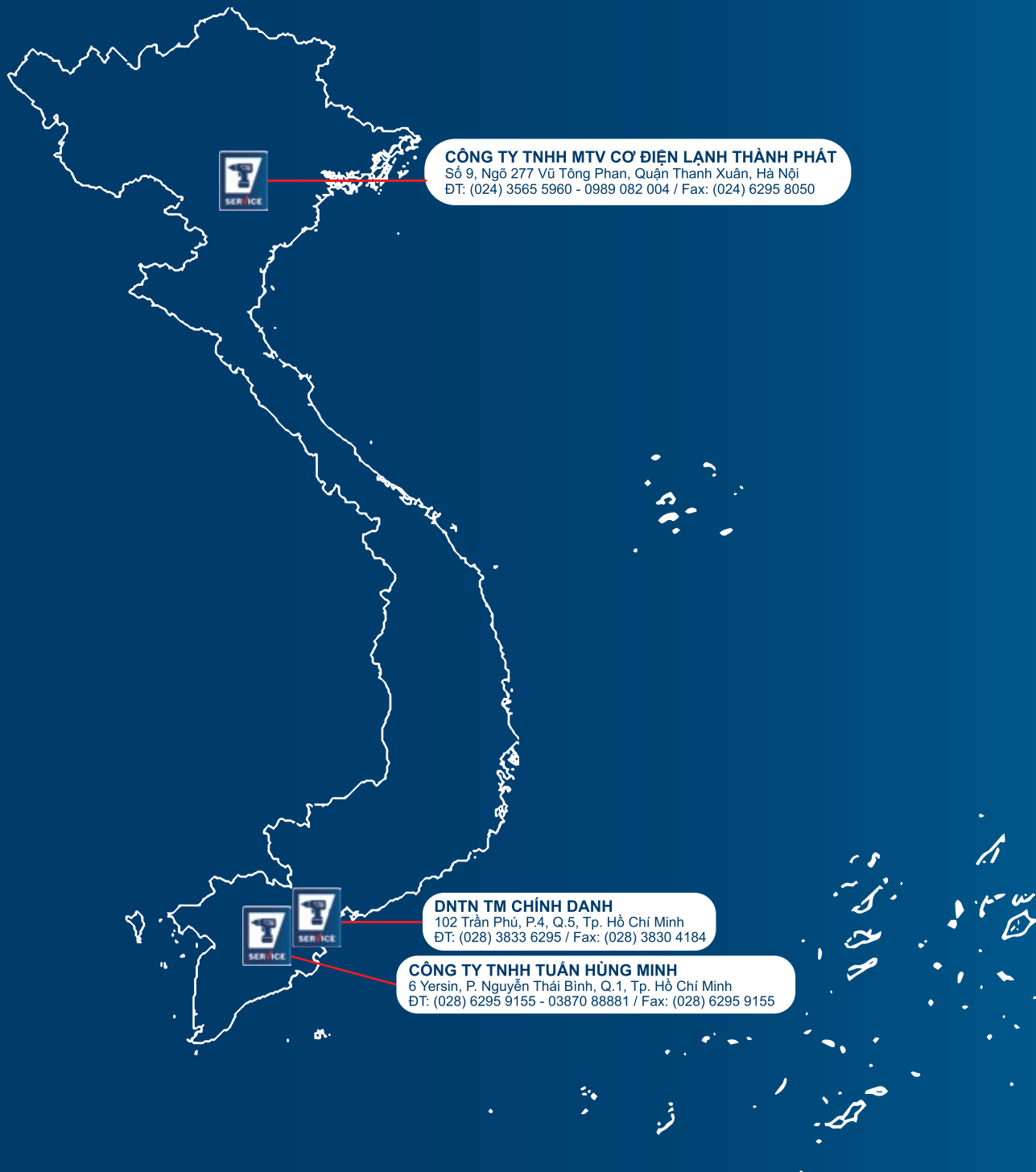
Hotline

1900 99 88 50 - 08 1900 80 55

để được hỗ trợ đặt hàng.



TRUNG TÂM BẢO HÀNH ỦY QUYỀN & ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI PHỤ TÙNG BOSCH CHÍNH HÃNG LỚN NHẤT TOÀN QUỐC



CÔNG TY TNHH MTV CƠ ĐIỆN LẠNH THÀNH PHÁT

Số 9, Ngõ 277 Vũ Tông Phan, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: (024) 3565 5960 - 0989 082 004 / Fax: (024) 6295 8050

DNTN TM CHÍNH DANH

102 Trần Phú, P.4, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 3833 6295 / Fax: (028) 3830 4184

CÔNG TY TNHH TUẤN HÙNG MINH

6 Yersin, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (028) 6295 9155 - 03870 88881 / Fax: (028) 6295 9155

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH BOSCH VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tầng 14, Deutsches Haus, 33 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

ĐT: (84 28) 6258 3690 - Fax: (84 28) 6258 3692 / (84 28) 6258 3694

📞 Hotline: 1900 99 88 50

✉️ tuvankhachhang-pt@vn.bosch.com

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH BOSCH VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Tháp 1, Tầng 14, Tòa nhà Capital Place, 29 Liễu Giai, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

ĐT: (84 24) 3939 3119 - Fax: (84 24) 3936 2899

🌐 <http://www.facebook.com/BoschPowerToolsVietNam>

🌐 www.bosch-pt.com.vn

🌐 <http://www.shopbosch.com/>